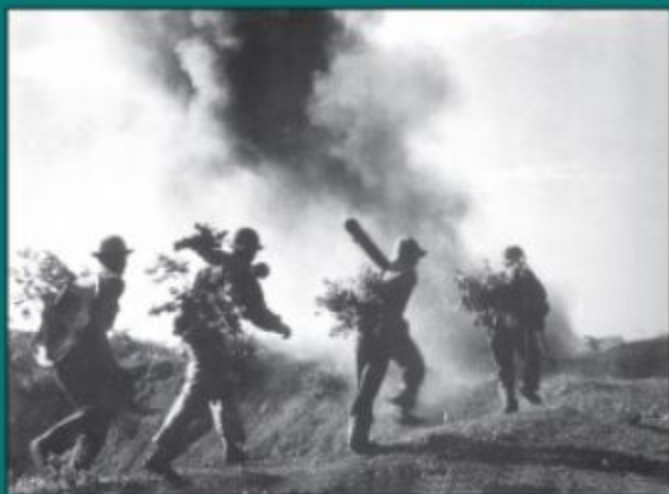


NHIỀU TÁC GIẢ

Cả nhà ra trận

★ *Truyện ký*



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

<https://tieu lun.hopto.org>

CẢ NHÀ
ra trận

LÊ BÌNH và NHIỀU TÁC GIẢ
★

CẢ NHÀ **ra trận**

Truyện ký



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*T*hoạt đầu, chỉ là do thói quen nghề nghiệp, đem cắt ra và giữ lại những bài báo, truyện ký về người thật việc thật trong đó chứa đựng nhiều tư liệu lịch sử, mà tình cờ tôi có được trong tay bộ sưu tập khá dày dặn chỉ riêng về một gia đình. Đông nghiệp cũ của tôi, trung tá nhà văn Võ Trần Nhã, bảo: viết về một gia đình, tức là đã viết về một dân tộc rồi đấy. Bản thân ông có cuốn sách Một Gia Đình Ở Sài Gòn. Và ông muốn nói về cả cuộc chiến tranh thần thánh chống xâm lược của dân tộc ta qua cuốn sách ấy.

Trong lịch sử thế giới, ở bước đi cuối cùng của thiên niên kỷ thứ hai, hiếm có dân tộc nào lại phải đương đầu với cuộc chiến tranh kéo dài đến ba mươi năm. Nhiều người sinh ra không được thấy một ngày không tiếng súng. Một nửa đất nước chỉ làm một nhiệm vụ là chiến đấu chống quân xâm lược. Trong bối cảnh ấy, một gia đình mà tất cả các thành viên đều là chiến sĩ, đều trực tiếp cầm súng chống quân xâm lược để giải phóng và bảo vệ đất nước, với thế giới là kỳ tích, với ta đã là lẽ bình thường. Có hàng triệu gia đình bình thường như thế.

Chiến tranh, bên cạnh cảnh nguyệt quế là vòng tang. Dọc đường tìm sử liệu chiến tranh, tôi đã chứng kiến không biết bao nhiêu nỗi đau của những người mẹ, người chị, người anh mà, nếu chỉ dùng tri thức sinh học hiện đại để phân tích sẽ không lý giải nổi vì sao họ đã vượt qua được, đã tồn tại bằng một sức sống bền bỉ lạ lùng. Tôi cũng đã được đọc, được nghe, được xem những ghi chép phóng sự, những tác phẩm của nhiều loại hình nghệ thuật khác nhau nói về những mất mát hy sinh của từng gia đình, từng làng xóm Việt Nam trong và sau chiến tranh.

Trong tay tôi giờ đây, có hàng chục bài báo, truyện ký, ghi chép về một gia đình mà người cha và tất cả các con của ông đều là quân nhân. Ở cương vị trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu, dường như tất cả họ đều có mặt trong hầu hết thời điểm khốc liệt nhất của cuộc chiến tranh ba mươi năm, của những ngày chiến đấu giữ biên giới ở chiến trường Nam Bộ và thực hiện nghĩa vụ quốc tế tại đất nước Chùa Tháp. Họ, tất cả, đều bước ra khỏi cuộc chiến tranh một cách nguyên vẹn và đang tiếp tục khẳng định mình ở cương vị công tác mới. Gợi ý của nhà văn Võ Trần Nhã đã dẫn tôi đến quyết định chọn lựa trong sưu tập của mình những bài viết mà quý bạn đọc sẽ đọc sau đây thành một quyển sách, hầu mong giới thiệu tập hợp tư liệu về một gia đình chiến sĩ bình thường trong số triệu triệu gia đình chiến sĩ bình thường khác ở đất nước ta.

Đó là gia đình Đại tá Lê Bình.

*

Đại tá Lê Bình tên thật là Lưu Phước Anh, sinh năm 1921 ở một thương cảng cổ - thị xã Hội An tỉnh Quảng Nam. Cha hớt tóc, mẹ ở dợ, sự nghèo túng của gia đình đã xô đẩy ông phiêu dạt kiếm sống tận đồn điền cao su Quản Lợi tỉnh Thủ Dầu Một năm chưa đầy 17 tuổi. Tại đây, chàng thanh niên đất Quảng hào hoa đã gặp Nguyễn Thị Xuân, người con gái ít hơn mình một tuổi, xinh đẹp, chịu thương chịu khó. Họ thành bạn đời của nhau, và tình bạn ấy đến nay gần tròn bảy thập kỷ.

Đồn điền cao su Quản Lợi là một trong những nơi có phong trào công nhân cao su phát triển mạnh mẽ ở miền Đông Nam Bộ, kể từ sau sự kiện Phú Riềng Đỏ. Cơn lốc của Cách mạng tháng Tám đã cuốn hút vào dòng xoáy của nó hàng vạn thanh niên công nhân Contra bởi ánh sáng lòa chói của tự do độc lập. Lê Bình có mặt trong những người tiên phong giành chính quyền tại đồn điền và được phân công làm ủy viên quân sự phụ trách công tác phá hoại.

Cách mạng tháng Tám thành công. Tướng De Gaulle, người vừa lãnh đạo cuộc chiến đấu giải phóng nước Pháp khỏi hành động xâm lược của phát xít Đức, trở trêu thay, lại mưu toan đặt ách thống trị lên dân tộc Việt Nam một lần nữa. Ngày 23 tháng 9 năm 1945, kháng chiến ở Nam Bộ bùng nổ. Lê Bình tham gia lực lượng công nhân chiến đấu tại Hớn Quản, và khi chi đội 1 Thủ Dầu Một - chi đội Vệ quốc đoàn đầu tiên được thành lập ở Nam Bộ ra đời vào tháng 12 năm 1945, ông trở thành chiến sĩ

Vệ quốc "nóp với giáo mang ngang vai". Từ đó, ông liên tục chiến đấu trong đội hình Chi đội 1, Trung đoàn 301, rồi Liên trung đoàn 301-310, bộ đội địa phương tỉnh Thủ Biên.

Hiệp định Genève ký kết, Lê Bình tập kết ra miền Bắc, làm cán bộ chính trị trong đội hình trung đoàn bộ binh chiến đấu, rồi trung đoàn pháo binh, trường pháo binh của Sư đoàn 330. Ở miền Nam, đế quốc Mỹ hất chân Pháp, dựng Diệm làm chính phủ bù nhìn, áp đặt chủ nghĩa thực dân kiểu mới, đàn áp dẫm máu phong trào cách mạng. Nghị quyết 15 và cao trào đồng khởi đã đưa cách mạng miền Nam bước sang giai đoạn mới, giai đoạn chiến tranh cách mạng. Năm 1961, cùng với những người con miền Nam tập kết, Lê Bình có mặt trong Đoàn Phuong Đông I trong những đơn vị khung đầu tiên vượt Trường Sơn trở lại miền Nam. Ông làm phái viên của Khu ủy phụ trách các xã chiến khu Đ, một căn cứ đã trở thành huyền thoại trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Rồi tỉnh đội trưởng tỉnh đội Phước Thành, một tỉnh bàn đạp nổi chiến khu Đ với các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Thất bại trong chiến lược chiến tranh đặc biệt, Mỹ nguy thực hiện chiến lược chiến tranh cục bộ, trực tiếp đưa quân Mỹ vào miền Nam, đẩy cường độ cuộc chiến tranh lên đến mức cao nhất với hàng loạt cuộc hành quân tìm diệt. Hàng loạt các đơn vị binh chủng Quân giải phóng miền Nam ra đời. Năm 1967, Lê Bình rời tỉnh đội Phước Thành về làm chính ủy Trung đoàn tên lửa mặt đất ĐKB 724, cùng đơn vị liên tục hành quân bắn chi

viện, hợp đồng binh chủng, lập nhiều thành tích xuất sắc trong những năm 1967-1968. Năm 1969, ông về làm chính ủy bệnh viện K.71A, bệnh viện đa khoa của Trung ương Cục miền Nam nằm trên khu vực dọc biên giới Việt Nam - Campuchia, một bệnh viện không chỉ làm nhiệm vụ của bệnh viện tức công việc cứu chữa điều trị mà còn chiến đấu như một đơn vị chiến đấu thực thụ. Một bệnh viện đánh giặc! Từ đây, Lê Bình về làm chính ủy phòng Quân y Miền cho đến hết cuộc chiến tranh chống Mỹ.

Miền Nam hoàn toàn giải phóng, như nhiều đồng đội của ông, Đại tá Lê Bình tiếp tục ở lại quân ngũ, đảm nhiệm chức vụ Cục phó Cục Hậu cần Quân khu 7. Khi chiến tranh biên giới xảy ra, ông được điều lên Mặt trận, là Đảng ủy viên, Phó chính ủy Bộ Tư lệnh tiền phương kiêm Cục trưởng Cục Hậu cần. Và sau đó, hành quân sang Campuchia thực hiện nghĩa vụ quốc tế ở cương vị Phó tham mưu trưởng Mặt trận 479 kiêm Đoàn trưởng Đoàn 583 cho đến lúc nghỉ hưu, vào năm 1985.

64 tuổi, 40 năm quân ngũ, Đại tá Lê Bình có thể nghỉ ngơi. Nhưng những tấm huân chương trên ngực ông không chỉ lưu lại một thời chiến đấu oanh liệt mà còn hun nóng bầu nhiệt huyết cách mạng luôn rần rập cháy. Cựu chiến binh Lê Bình xắn tay áo tham gia công tác ở địa phương nơi ông hưu trí: phường 9 quận Phú Nhuận thành phố Hồ Chí Minh. Lần lượt, các trách nhiệm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh quận,

Bí thư Đảng ủy phường, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường kiêm Trưởng Ban Chỉ đạo xóa đói giảm nghèo phường... đặt lên vai cựu chiến binh Lê Bình. Ông đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ - và cho đến bây giờ chưa thực sự nghỉ hưu.

*

Đi bên cạnh cuộc đời ông, “hậu phương” của riêng ông là người mà phẩm hạnh đã trở thành tiêu biểu của phụ nữ Việt Nam, bà Nguyễn Thị Xuân, chất nội bốn đời của Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân. Ông Nguyễn Hữu Huân sinh năm Bính Tý 1816 tại tỉnh Định Tường, năm Nhâm Tý 1852 đỗ thủ khoa kỳ thi hương nên gọi là Thủ khoa Huân. Thực dân Pháp đánh chiếm Sài Gòn và Lục tỉnh, ông cùng với Âu Dương Lân, Võ Duy Dương khởi binh chống Pháp. Trước sau, Thủ khoa Huân bị giặc bắt ba lần, bị đày ở đảo Réunion trong nhiều năm. Năm Ất Hợi 1875, ông bị địch bắt lại, tuyên án tru di tam tộc và đưa đi xử chém. Dọc đường ra pháp trường, giữa hai bờ dân chúng đông đảo, ông làm bài thơ “Mang gông” và đọc to cho mọi người cùng nghe:

Hai bên thiên hạ thấy hay không
Một gánh can trường há phải gông
Quần quai đôi vai quân tử trúc
Nghênh ngang một cổ trượng phu tòng
Thác vể đất Bắc danh còn rạng
Sống ở thành Nam tiếng bỏ không

Thắng bại danh hư trời đất chịu
Phản thần đảo họa đùa cười ngông.

Đoạn, cắn lưỡi tự sát, không để cho quân địch chém đầu.

“Xuất giá” năm 18 tuổi, bà lần lượt sinh hạ 7 người con, và, cùng với việc chờ chồng, bà lần lượt đưa đủ từng ấy người ra mặt trận. Ngạn ngữ có câu: hãy nhìn lên cổ áo người chồng sẽ hiểu người vợ của anh ta. Tôi không muốn nói nhiều về bà vì sợ mình không nói hết được những điều mà các đồng nghiệp khác đã viết trong tập sách này. Chỉ muốn nhấn mạnh một điều, sự thành đạt của Đại tá Lê Bình cùng tất cả các con của ông, trong giới hạn gia đình, công lao trước hết thuộc về bà. Và như thế, bà là người hạnh phúc nhất!

Ông bà Lê Bình - Nguyễn Thị Xuân có tất thảy 7 người con - 4 trai 3 gái:

1. Lưu Phước Lộc (Hải), sinh năm 1942, nguyên là Đại tá Tùy viên quốc phòng Đại sứ quán Việt Nam tại Vương quốc Campuchia.

2. Lưu Kim Hà (Lê Kim Hà), sinh năm 1944, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, hiện là Đại tá Chủ nhiệm Khoa Cấp cứu hồi sức bệnh viện quân y 175.

3. Lưu Kim Chi (Lê Kim Chi), sinh năm 1946, nguyên là Đại tá Phó Tổng Giám đốc Công ty Dược và thiết bị y tế quân đội, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Dược 150 Tổng Cục Hậu cần.

4. Lưu Phước Lượng, sinh năm 1948, hiện là Trung tướng Phó Tư lệnh chính trị, Bí thư Đảng ủy Quân khu 9.

5. Lưu Phước Sang (Lê Phước Sang), sinh năm 1950, nguyên là Đại úy Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn trinh sát Sư đoàn 5, bị thương chuyển ngành, hiện là Trưởng ban Quản lý thị trường quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

6. Lưu Kim Lan, sinh năm 1956, nguyên là Trung sĩ được công trong chiến tranh chống Mỹ, chuyển ngành làm giáo viên trường Trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa thành phố Hồ Chí Minh.

7. Lưu Phước Thành, sinh năm 1964, quân nhân thuộc Xí nghiệp quốc phòng Z755 Tổng Cục Kỹ thuật, chuyển ngành công tác ở Công ty Công trình đô thị quận Phú Nhuận thành phố Hồ Chí Minh.

Những gì tôi muốn nói về họ, xin bạn đọc hãy đọc những bài viết trong cuốn sách này.

Gò Vấp chớm mưa 2006
Đại tá TS. HỒ SON ĐÀI
Trưởng Phòng KHCNMT
Quân khu 7

*

MỘT GIA ĐÌNH CHIẾN SĨ

Anh Phước

Chiến tranh là một sự mất mát, thách thức nghiệt ngã. Nó cướp đi hàng vạn, hàng triệu sinh mệnh và gây thương tật cho biết bao con người phải sống lây lất, đau khổ suốt cuộc đời. Biết bao khăn tang của những người vợ mất chồng, cha mất con, mẹ đau xót vì những nóm ruột thân thương của mình nuôi dưỡng, nâng niu từ khi lọt lòng mẹ đến trưởng thành, nay đã ra đi không bao giờ trở lại.

Nước mắt ngày hội ngộ sau cuộc chiến tranh 30 năm của Tổ quốc Việt Nam thân yêu kết thúc với bao nỗi vui buồn luyến tiếc nhớ thương tràn ngập ở hàng triệu triệu con tim Việt Nam thổn thức vì đại nghĩa đã hoàn thành. “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”. Đó là đạo lý ngàn đời của nhân

dân ta luôn luôn chấp nhận sự hy sinh mất mát trong chiến tranh chống xâm lược để Tổ quốc mãi mãi trường tồn với non sông đất nước, với bè bạn khắp bốn biển năm châu.

Tang tóc của chiến tranh không loại trừ một ai. Nhưng cũng có rất ít gia đình khi ra khỏi cuộc chiến tranh 30 năm mà vợ chồng, con cái, cả gia đình còn nguyên vẹn. Một hồng phúc lớn “trời cho”. Đó là gia đình ông bà Tư Xuân ở phường 9 quận Phú Nhuận thành phố Hồ Chí Minh. Ông ra đi như bao thế hệ thanh niên yêu nước thời ấy “độc lập hay là chết” của “mùa thu rồi ngày 23 theo tiếng kêu sơn hà nguy biến”. Suốt cuộc chiến tranh chống Pháp, trải qua gian khổ hy sinh 9 năm ròng để ngày 20 tháng 7 năm 1954, hiệp định Genève được ký kết, nửa nước được giải phóng. Ông tập kết ra miền Bắc suốt bảy năm để lại cho bà, một nách đàn con dại, tảo tần nuôi dạy con khôn lớn, giữ vững lời dặn dò của chồng trước khi đi: “Con lớn khôn, không để cho một đứa nào làm tay sai cho giặc”. Đến đầu năm 1961, ông trở về Nam chiến đấu, chấm dứt cảnh “ngày Bắc đêm Nam” nhớ vợ, thương con, nhớ miền Nam ruột thịt, thì lần lượt các con ông, bà đã trưởng thành: Hải, Hà, Chi, Lượng, Sang, Lan, Thành lên đường theo cha ở tuổi 13, 16, 17, 18 đôi mươi. Hết chống Pháp, chống Mỹ đến làm nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia, ông và các con đều đứng ở đầu sóng ngọn gió của bão táp đạn bom kẻ thù, có tình huống cái chết đe dọa trực tiếp như

“chỉ mình treo chuông”, thế mà họ đã may mắn vượt qua thách thức hy sinh để thanh thân tồn tại và trưởng thành về ý chí, năng lực, trình độ của người lính.

Còn người mẹ của các con, bà Tư Xuân như con ong, cái kiến ở vùng tạm chiếm, lớp nuôi dạy các con, lớp làm liên lạc cho cơ sở cách mạng, lớp nuôi dưỡng, bảo vệ cán bộ tại nhà, không may mắn ngăn ngại hy sinh gian khổ, sẵn sàng tự nguyện chấp nhận những tác hại đến tính mệnh có thể xảy ra bất cứ lúc nào vì bà như *“cá nằm trên thớt”*, bọn do thám gián tiếp cú vọ có lúc nghi ngờ về gia đình của bà, định bắt giam bà để tra hỏi. Có lúc bà phải bỏ nhà tránh né một thời gian vì bọn phản động luôn theo dõi. Nhưng sự may mắn đã giúp bà qua khỏi hoạn nạn. Đến tháng 4 năm 1972, khi thị trấn Lộc Ninh huyện Hớn Quản tỉnh Thủ Dầu Một được giải phóng, bà thoát ly hẳn ra vùng giải phóng cùng chồng và các con làm tròn nghĩa vụ với Tổ quốc non sông.

Hòa bình lập lại ngày 30 tháng 4 năm 1975, cả gia đình gồm chồng vợ, cha con, cháu trở về đông đủ khi đất nước thống nhất, Bắc Nam sum họp.

Nhưng sau đó không lâu, các thành viên trong gia đình lại lao vào làm nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia giúp bạn thoát nạn diệt chủng. Và mọi sự may mắn thoát hiểm vẫn đến với gia đình, khi làm xong nghĩa vụ Quốc tế cao cả, cha, con trở về thật sự đoàn tụ và thành đạt, không một ai

hy sinh mặc dù chiến trường mới không kém phần ác liệt bởi sự tàn ác gian ngoa của bọn diệt chủng.

Cả nhà ra trận, cả nhà về đủ và thành đạt. Đó là hồng phúc lớn của một gia đình chiến sĩ đặc biệt.

Tháng 4-2006

A.P

*

MẸ CỦA NGƯỜI ANH HÙNG

Đặng Thọ Truật

Đại tá Lê Kim Hà, bác sĩ, Phó Chủ nhiệm khoa Cấp cứu hồi sức của bệnh viện 175, được Nhà nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân (22-12-1994). Nói về nguyên nhân thành đạt của mình, chị Kim Hà thường nhắc đến truyền thống cách mạng của gia đình, sự định hướng của người cha và đặc biệt là tấm gương hy sinh, chịu đựng, hết lòng nuôi dạy con nên người, làm tròn nhiệm vụ cách mạng của người mẹ yêu quý. Tôi cũng thường nghe nhiều cán bộ Quân khu 7 ca ngợi người mẹ của chị, má Nguyễn Thị Xuân.

Năm nay má Tư Xuân đã sang tuổi 74, tóc má bạc trắng như cước. So với tuổi, má vẫn rất mạnh khỏe, minh mẫn và trí nhớ rất tốt. Trò chuyện với má, tôi cảm được nghị lực phi thường ở một người phụ nữ

đã thay chồng nuôi con nên người và tham gia trực tiếp, tích cực vào hai cuộc kháng chiến lâu dài của dân tộc. Má Tư kể với tôi rằng, chồng má - ông Lưu Phước Anh, tức Lê Bình quê ở Hội An, Quảng Nam - Đà Nẵng vào làm ăn ở Sở cao su Quản Lợi, tỉnh Thủ Dầu Một, rồi cùng với má nên vợ nên chồng năm 1940. Năm 1945 ông tham gia giành chính quyền ở Quản Lợi, rồi gia nhập chi đội 1 Vệ quốc đoàn của Thủ Dầu Một do đồng chí Lê Đức Anh làm Chính trị viên. Nam Bộ kháng chiến, má và ba người con được chồng đưa về ở Thủ Dầu Một. Thời gian này chồng của má làm quân báo, đi về luôn và đương nhiên má trở thành cơ sở cách mạng, rồi làm giao liên và tiếp tế cho bộ đội. Má phải làm thêm nghề bán kẹo để nuôi con, nuôi mình và tiếp tế cho “anh em đồng minh”. Một lần ông bị địch bắn gãy chân và bắt được, không khai thác được gì, chúng thả ra, má phải lo chạy chữa đến lúc lành vết thương thì ông thoát ly. Năm 1954 trước lúc tập kết ra Bắc, ông dặn má ở nhà ráng nuôi con, chờ ông. Con lớn, không được cho đưa nào đi lính cho Mỹ - nguy, dù chỉ một ngày. Năm 1961 ông trở về Nam, bí mật liên lạc với gia đình, thế là má được gặp lại chồng. Nhưng rồi, chưa vui sum họp thì đã buồn chia ly vì má lại tiễn hai cô con gái, lớn 17 tuổi, nhỏ 15 tuổi theo ba lên rừng gia nhập Quân giải phóng. Con đầu lòng của má dạy học ở Lộc Ninh cũng được tổ chức đào tạo bố trí làm cơ sở cho quân báo, sau Mậu Thân 1968 bị lộ mới lên rừng theo Quân giải phóng. Trong thời gian người con đầu làm quân báo, má là giao liên đơn tuyến giữa anh và tổ chức. Với danh

nghĩa đi thăm con, má dễ qua mắt kẻ thù. Khi anh Hải vẽ xong sơ đồ quân địch ở Lộc Ninh, má đã giấu vào trong một cái bánh cưới lớn rồi cho người chuyển ra chiến khu. Năm 1972 ta giải phóng Lộc Ninh, má bị lộ ở Thủ Dầu Một, nên được đưa ra chiến khu và ở đây má trở thành người “Mẹ chiến sĩ”. Rất nhiều cán bộ chiến sĩ đều biết má. Cho đến ngày miền Nam giải phóng, má về thành phố Hồ Chí Minh, thanh toán làm nội trợ nuôi dạy đàn cháu để cho chồng, con, dâu, rể yên tâm công tác. Hiện nay, chồng của má đã về hưu năm 1985 với cấp hàm Đại tá, Chính ủy Cục Hậu cần Quân khu 7. Mười năm hưu trí nhưng ông vẫn liên tục làm Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc phường 9, quận Phú Nhuận. Má cười bảo: “Ông vẫn đi hoài hoài à”. Người con trai lớn của má đã sang tuổi 54 và đang là Đại tá, Chánh văn phòng Quân khu 7 Lưu Phước Hải; người con thứ hai là Đại tá bác sĩ, Anh hùng Lê Kim Hà; người con thứ ba là Đại tá dược sĩ, Phó Giám đốc Xí nghiệp Dược 150, Tổng Cục Hậu cần Lưu Kim Chi; người con thứ tư là Trung tướng Lưu Phước Lương; người con thứ năm là Lưu Phước Sang, nguyên Đại úy quân đội, vì yếu sức khỏe đã chuyển ngành năm 1986; người con thứ sáu là cô Lưu Kim Lan, nguyên Trung sĩ quân đội, chuyển ngành làm giáo viên trường trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa thành phố Hồ Chí Minh; người con út là công nhân quốc phòng rồi chuyển ngành. 13 đứa cháu của má trong đó có 8 cháu nội, 5 cháu ngoại thì đứa nào cũng qua tay bà nuôi dạy từ nhỏ đến 5-6 tuổi, có đứa ở với bà cho đến lúc trưởng thành. Con

và cháu của má bây giờ ai cũng giỏi giang, nên người. Tôi chú ý trong phòng khách của má huân chương rất nhiều - riêng má có Huân chương Kháng chiến, Bằng có công với nước, Bằng hội viên cựu kháng chiến và Huân chương Giải phóng hạng nhất. Huân chương này, tôi biết thành phố Hồ Chí Minh chỉ có 10 người được tặng và quận Phú Nhuận, má là người duy nhất được khen tặng. Má cười bảo tôi: “Ai đến cũng bảo với tôi rằng huân chương lớn nhất dành cho tôi là sự thành đạt của chồng và các con. Tôi cũng nghĩ như vậy. Nhưng họ lại hỏi, thế bí quyết dạy con, cháu của tôi là gì? Thật khó trả lời. Trước đây tôi bảo các con, sống đừng sợ gian khổ, phải biết vượt khó bằng chính sức mình, noi gương ba và các cô chú bộ đội Cụ Hồ. Các con tôi đã làm như thế mà thành người tốt. Nay tôi vẫn dạy cháu rằng không được ỷ lại, phải chịu khó học hành, tu chí, luyện đạo đức, tìm điều hay, ý tốt mà học, mà làm. Cũng may là các con rất nghe ba má và các cháu biết vâng lời ông bà”. Một điều làm tôi ngạc nhiên là năm ngoái má mới được đi Hà Nội lần đầu tiên và cũng là lần đầu má đi máy bay. Đó là chuyến đi do các con của má tổ chức để má được ra thủ đô viếng lăng Bác Hồ kính yêu.

1996

Đ.T.T

MỘT HẠNH PHÚC TRỌN VẸN HIỂM HOI

Đức Nguyễn

Cuộc chiến tranh như cơn bão khủng khiếp, làm xáo trộn, lật nhào mọi thứ. Thế mà có một gia đình, cả nhà ra trận, cả nhà ly tán nhưng rồi khi chiến tranh kết thúc, cả nhà lại đoàn tụ.

Người đầu tiên trong gia đình ấy tôi muốn nhắc tới là bà Nguyễn Thị Xuân. Bởi lẽ, nếu liệt ra tất cả những đắng cay, vất vả trên con đường dẫn tới ngày đại hạnh phúc của gia đình thì bà là người hầu như hứng trọn. Bà là vợ bộ đội, mẹ của một loạt đứa con - những đứa con bà mạng nặng đẻ đau, nuôi nấng nhưng khi đủ lông đủ cánh thì chúng lại theo cha vào rừng đánh giặc.

Chồng bà, ông Lê Bình có tên thật là Lưu Phước Anh, sinh ở Hội An nhưng nhà nghèo phải tha

phương vào Sài Gòn kiếm sống từ năm 1937. Năm 1945, ông tham gia cướp chính quyền ở Sở cao su Quản Lợi. Tới tháng 9 năm 1945, ông gia nhập Vệ quốc đoàn, vào Chi đội 1 của Thủ Dầu Một. Ông chiến đấu liên tục ở chiến khu Đ, từng bị địch bắt, bắn gãy chân. Ông ở rừng, vợ con ở thị xã. Hàng năm trời, có khi lâu hơn, bà mới lại được tin chồng. Rồi, ông tập kết ra Bắc, để lại người vợ trẻ một nách năm đứa con, sống giữa lòng địch. 7, 8 năm sau, ông trở về Thủ Dầu Một với tên họ mới: Lê Bình. Ông phải mang tên mới để che giấu tông tích với kẻ thù, đồng thời để bảo đảm an toàn cho gia đình.

Đầu năm 1962, ông được cử giữ chức Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Phước Thành. Năm người con của ông bà: ba trai, hai gái lần lượt đi bộ đội, chiến đấu bên cạnh cha. Riêng anh Lưu Phước Hải, con cả, được cách mạng gài lại hoạt động quân báo dưới cái vỏ một giáo viên tiểu học ở Lộc Ninh. Bà Xuân ở nhà nuôi hai con nhỏ, làm bánh bán kiếm sống. Bao năm trời, bà luôn phải sống trong tâm trạng lo âu và nhẫn nhục. Lo âu vì chồng con “ở tròng” không biết có được bình an. Nhẫn nhục vì sự tra xét liên hồi của bọn tể xã và ngay cả những lời gièm pha, khinh miệt của bà con cách mạng xóm giềng khi thấy bà mang bầu đứa con út Lưu Phước Thành. Chẳng là ở địa phương, bà khai với chính quyền xã rằng chồng mình mất tích, nhưng với bà con cách mạng thì họ đều hiểu là ông tập kết. Tới khi ông trở về Thủ Dầu Một, mọi người không hay. Bà thì được một người tới báo và

đưa lên thăm ông ở chiến khu. Về nhà bà mang bầu. Bụng nhỏ bà còn giấu được, càng lớn càng khó giấu. Bọn địch tra vấn bà về chuyện sao không chồng mà chứa. Bà đành nói:

- Mấy ông thông cảm cho tôi. Chồng không có, mình tôi nuôi sắp nhỏ, nên cũng tính chuyện đi bước nữa. Tôi làm nghề buôn bán đây đó. Mấy chuyến rồi đi xe có quen một người. Đến khi tôi mang bầu thì biết ổng đã có vợ con. Tôi không muốn làm người khác khổ nữa nên đành cam chịu một mình!

Nói xong, bà tức tưởi khóc. Bọn tề xã bỏ đó, nhưng bà con lối xóm thì không bỏ qua cho bà, họ khinh bà ra mặt vì coi bà là đồ phản bội. Cứ thế, bà nghiến răng âm thầm chịu đựng chẳng dám hé răng nói cho ai hay. Nhưng hoạt động cách mạng của chồng con cũng không để bà sống ngoài cuộc, bà trở thành cầu nối giữa con trai là điệp viên với chồng đang giữ trọng trách trong chiến khu. Anh Hải núp dưới cái vỏ giáo viên nên quan hệ khá rộng với đám quan chức và sĩ quan quân đội ngụy là phụ huynh học sinh. Anh thu thập tài liệu, chụp hình, khi thì tự mình đưa về cho má, khi thì nhả má lên lấy.

- Tôi nhớ mãi một lần - bà Xuân kể - hôm ấy vào một ngày cuối tháng 9 năm 1967. Tôi đã làm xong hết các loại bánh để bỏ bán cho các tiệm quán ở thị xã Thủ Dầu Một, thì từ ngoài cổng, chị Sáu, người liên lạc ở Lộc Ninh xuống. Tay bắt mặt mừng, chị trao cho tôi thơ của Hải và một bản vẽ mà trong thơ có dặn: "Má làm sao chuyển sơ đồ này vào cho ba

con. Rất quan trọng đó má, và nguy hiểm lắm nếu bị lộ". Đêm ấy... gà gáy canh ba, tôi vẫn chưa chợp mắt được. Mãi đến gần sáng, tôi mới tìm ra được một kế độc đáo và ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Sáng ra sau khi lo ăn sáng cho các con, tôi lao ngay vào công việc: làm chiếc bánh cưới giấu tài liệu vô đó, cho cô Sáu mang đi...

Cái "bản vẽ" ấy chính là tấm bản đồ sân bay Lộc Ninh và khu vực đóng quân của chiến đoàn Mỹ do anh Hải vẽ theo yêu cầu của các đồng chí trong chiến khu. Ông Lê Bình khi đó làm Chính ủy Trung đoàn tên lửa ĐKB của Miền. Với tấm bản đồ vẽ chính xác do anh Hải cung cấp, cuối năm 1967, Sư đoàn 9 bộ binh của Miền được sự hỗ trợ đặc lực của Trung đoàn tên lửa ĐKB đã đánh một trận xuất sắc, tiêu diệt chiến đoàn Mỹ gồm bộ binh, thiết giáp, xe tăng, pháo binh, làm chấn động dư luận trong nước và thế giới. Thắng lợi này góp phần mở màn cho cuộc tổng tiến công, nổi dậy mùa xuân năm 1968. Nhưng cũng sau lần lấy được tài liệu đó, anh Hải đã phải thoát ly vào chiến khu hoạt động hẳn.

Chiến tranh kết thúc, bà là một trong số rất ít những bà mẹ có niềm hạnh phúc to lớn, trọn vẹn: chồng và sáu đứa con đi bộ đội chiến đấu mà đều trở về nguyên vẹn. Không những thế, bà là vợ, là mẹ của năm sĩ quan cao cấp quân đội, trong đó có một nữ Anh hùng.

Ông bà bây giờ đã bước sang quá cái tuổi "cổ lai

hy” nhưng họ vẫn luôn sống vui, sống đẹp và thủy chung như hồi son trẻ. Dẫu con cái đã làm “quan to, chức lớn” nhưng ông bà vẫn là cái trụ cột thiêng liêng, chỗ dựa vững chắc về tinh thần, tình cảm cho lớp con cháu. Và trong sự bảo toàn hạnh phúc vững bền của đại gia đình ấy thì bà Xuân chính là sợi dây hữu hình có sức gắn kết lớn lao.

Đ.N

*

CÂU CHUYỆN VỀ MỘT BÀ MẸ

Mai Xa

Viết thế nào về một người đang ngồi trước mặt tôi. Tên bà thật bình dị, thật dễ gọi : Bà Xuân - Nguyễn Thị Xuân.

Bà sinh ra giữa những năm 20 của thập kỷ, còn tôi, kẻ hậu sinh mặc nhiên sống trong thời khắc hòa bình, thở bầu trời không khí tự do và nhìn những cuộc chiến bằng chuyến đi thăm bảo tàng cách mạng, bằng thơ “Hoan hô chiến sĩ Điện Biên” của Tố Hữu, bằng văn “Nỗi buồn chiến tranh” của Bảo Ninh, bằng phim “Sinh ngày 4/7” ... Vậy tôi sẽ lấy tư cách gì để viết về người mà gần đời người trái cùng thăng trầm lịch sử chống Pháp đuổi Mỹ, viết về người đàn bà dòng tộc đời thứ tư của người anh hùng huyền thoại Thủ khoa Huân?

Tôi bắt đầu câu chuyện:

- Chào bà (mim cười).

- Chào cô (cười nụ cười đầy đặn, đẹp, thuyết phục và yên lặng).

- Bà kể về mình đi, thưa bà!

Tôi sinh ra trong một gia đình viên chức nghèo. Cha tôi mất năm tôi 13 tuổi. Tôi có 6 anh chị em, 3 trai, 3 gái. Tôi thứ tư, bây giờ chỉ còn người chị thứ ba. Anh trai tôi được nuôi ăn học thành tài ở trường Tabe (nay là trường trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa). Sau đó vì mưu sinh cho cả nhà, anh Hai thành lập nhóm chiếu phim. Nhóm chỉ có 3 người ngang dọc khắp nơi rồi trôi nổi lên đến đồn điền cao su Quản Lợi. Ở đây anh trai tôi quen với Lê Bình. Việc đi lại thăm anh đã làm tôi quen với Lê Bình lúc nào chẳng hay. Lúc đó tôi 17 tuổi.

Lê Bình theo tôi riết đến năm 18 tuổi. Tôi không biết làm sao mới tâm sự với anh Hai. Anh Hai lúc đó là người thay cha lo cho tôi thật nhiều. Nhìn xem! Anh tôi đó! (nước mắt bà tuôn rơi, giọng nghẹn ngào. Bàn tay đẹp run run chỉ lên bức ảnh một người đàn ông thanh tú, trẻ trung, đôi mắt xa vời).

Anh tôi chết năm 25 tuổi (bằng tuổi đó, người trong ảnh đã kịp làm bao việc, đã kịp làm cho mình bất tử trong trái tim người em gái của mình. Tôi nghĩ thầm).

Dòng tộc tôi có số chết trẻ. Ông cố tôi là Thủ khoa Huân bị Tây chặt đầu ở Mỹ Tho (Tiền Giang). Tây kêu án tru di tam tộc, gia đình tôi chạy lên Thủ Dầu Một. Ông nội của tôi là Nguyễn Hữu Giác vì mang ơn của anh là Nguyễn Hữu Ngãi nên trả ơn bằng đưa con trai đầu lòng Nguyễn Hữu Vừng - Ông là cha ruột tôi. Nguyễn Hữu Vinh là anh tôi.

(Yên lặng - Chỉ có gió đi qua căn phòng, lướt qua những khung kính lồng hình, bằng khen).

Nghe lời anh trai, tôi lấy Lê Bình rồi theo chồng về Quản Lợi. Năm 20 tuổi tôi sinh con đầu lòng đặt tên là Lưu Phước Hải, sau lớn đi hoạt động cách mạng đổi thành Lộc, bây giờ là Đại tá - Chỉ huy phó Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Phước. Tôi có bảy đứa con: Phước Hải, Kim Hà, Kim Chi, Phước Lượng, Phước Sang, Kim Lan, Phước Thành. Đứa nào tôi cũng thương như nhau, lòng mẹ san đều.

Phước Hải là đứa con cho tôi nhiều nỗi nhớ. Hồi Lê Bình thoát ly hoạt động, để sống, tồn tại và nuôi con, tôi đã làm bánh. Bánh ngọt tôi làm rất có tiếng. Khi Mỹ tràn về, những quán kem xanh đỏ tràn ngập, đó là những điểm hút bánh của tôi. Thắng Hải phụ tôi rất nhiều trong việc làm bánh. Lúc đó nó đang học đệ nhị tú tài, đi học thì mặc quần sọc mang guốc. Về nhà một tay cầm sách một tay đánh bánh. Vừa đi học vừa giao hàng. Mỗi trưa nhìn dáng nó lệ mẹ đi học tôi nhìn theo thương con đến não lòng. Lớn lên

nó theo cha đi hoạt động. Người cung cấp tài liệu sơ đồ sân bay của giặc trong chiến dịch giải phóng Lộc Ninh là nó. Một lần nó nhờ tôi chuyển cho căn cứ xấp tài liệu hồ sơ đồn bót rất công kênh. Nhìn cái bản đồ nó mà hết hồn! Biết làm sao đây?

- Bà làm gì sau đó?

Tôi làm bánh, làm một chiếc bánh cưới thật to, bên trong bánh là tập sơ đồ. Âm hiệu để nhận ra người của ta là người đàn bà áo xanh, giỏ xách xanh đựng hộp cà tô mát. Người áo xanh ngày đó là cô Sáu Ba, bây giờ là Anh hùng quân đội. Hôm rồi có qua thăm tôi. Cô Sáu nhìn chiếc bánh tôi chuẩn bị rồi đề nghị làm thêm mười chiếc bánh nhỏ nữa để xung quanh.

- Để làm gì vậy thưa bà?

Xe cô Sáu Ba đến tuổi sáu bị bọn địch khám. Nhìn chiếc bánh cưới trong lòng cô Sáu, bọn chúng cứ nằng nặc đòi ăn. Cô Sáu thỏ thẻ: "Mấy anh thông cảm, đây là bánh cưới, đòi người chỉ có một lần. Thôi thì ăn tạm những chiếc bánh nhỏ này vậy". Sau này gặp lại cô Sáu, nghe cô kể lại mà tôi còn gai người.

Lúc tôi sinh con thứ hai (Kim Hà), Nhật đuổi Tây, tình hình rất căng thẳng. Các đội bình dân học vụ của sở cao su Quản Lợi là tổ chức biến tướng được lập ra để cướp chính quyền. Tôi hoàn toàn không biết về những hoạt động của chồng.

Từ Quản Lợi tôi trở về nhà mẹ ruột ở Thủ Dầu Một để sinh sống. Giai đoạn này hơn hai năm tôi bắt

tin chồng, rồi cơ sở móc nối liên lạc lại, ông nhắn tin về, tôi mới biết mà đi thăm. Cứ đi thăm hoài như vậy tôi mới sinh Kim Chi, Phước Lượng, Phước Sang.

Ngày Pháp thua buộc ký hiệp định Genève năm 1954, chồng tôi đi tập kết ra Bắc. Ông đi miết đến đầu năm 1961 mới trở về. Gia đình bắt được liên lạc, Kim Hà, Kim Chi, Phước Lượng đi thăm ba về khóc: "Ba gì kỳ quá! Ôm nhom, xanh lè". Tôi ngậm ngùi biết nói sao cho con hiểu. Tối nào tôi cũng kể về cha nó cho con nghe. Ăn một miếng ngon tôi cũng nhắc đến cha của bọn nhỏ. Nhìn máy bay bay trên bầu trời, lòng tôi cứ mãi hỏi "Giờ này chồng mình nơi đâu?".

Nhiều khi giặc nguy hỏi "khai chồng mất tích mà sao con nhỏ nhiều quá vậy". Đó là khi cả 5 đứa con đều thoát ly theo cha hoạt động, chỉ còn Kim Lan và Phước Thành ở với tôi. Tôi cứ phải giả là "trên đời này đâu chỉ có một người đàn ông".

Mỗi khi đưa con đi là mỗi lần đau đớn. Tôi dọn dẹp hết đồ của bọn nhỏ để khỏi nhìn, khỏi nhớ, nhưng...

(Nước mắt lại lăn dài trên khuôn mặt trắng có chiếc cằm mệnh phụ, mái tóc bạc bới gọn cao sang).

Năm 1972 khi vừa giải phóng Lộc Ninh, chồng tôi cho Phước Sang và Kim Lan ra đón. Tôi hẹn một tháng, qua tết tây, khi việc nhà tươm tất xong xuôi tôi lại theo chồng về Lộc Ninh. Ở đó thấy người ta trồng đậu, trồng dưa tôi cũng học làm theo mà mồ hôi nước

mắt chảy dài. Tay chân quen cực trong nhà rồi, giờ dầm mưa dãi nắng chưa quen nên khóc ròng. Chồng bảo : “Con nít mới đẻ phải tập lật, tập bò rồi mới biết đi, muốn làm rầy thì phải tập từ từ rồi mới quen”.

30 tháng 4 năm 1975. Nghe tin giải phóng Sài Gòn, mừng đến run người, tôi đòi về ngay lập tức, đi mấy năm nhớ quá, không có xe cho về thì lội bộ về. Năm ngày sau, tôi cùng chồng trở về Sài Gòn. Kim Chi thì được đi học ngành Dược ở Hà Nội năm 1976 mới về. Nghe con gái kể ở xa nhà muốn xem cuốn phim “Gia đình sĩ quan” của Nga mà nhớ nhà, tôi thấy cay cay trong lòng. Cách đây 3 năm tôi mới được đi máy bay thăm lăng Cụ Hồ lần đầu tiên. Tôi đi với hai con gái Kim Hà và Kim Chi. Nay Kim Hà là Đại tá - Chủ nhiệm khoa Cấp cứu hồi sức bệnh viện quân đội 175, còn Kim Chi là Đại tá - Giám đốc xưởng Dược Tổng cục Hậu Cần Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Bà là người thật may mắn.

Tôi có bảy người con đều thành đạt, hiện giờ tôi đã có 14 đứa, dâu, rể tôi thương như nhau. Chiếc vòng này tôi đeo, dâu tôi mua đó! Nước chảy xuôi có bao giờ chảy ngược, con biết nghĩ đến mình đó là niềm hạnh phúc lớn. Quà các con tặng, khi nào đi theo ông bà, tôi gửi lại cho các con. Nó cho mình bây giờ mình lại cho nó. Mấy đứa cháu của tôi ngoan lắm. Tôi thấy hạnh phúc và không mong gì hơn.

Nhìn bà, tôi có cảm giác sự vững chãi bình yên của một chiếc vịnh sâu, nhưng trên khuôn mặt của bà lại ngời sáng một niềm hạnh phúc viên mãn. Cả cuộc đời bà đã hy sinh, đã sống trọn vẹn với chồng con, Tổ quốc. Giờ đây, trong căn nhà rộng thênh thang, ngày ngày niềm vui của bà vẫn là công việc của một người phụ nữ: cơm nước dọn dẹp, lum khum chăm cây cối, cảnh vật và đón con cháu trở về vào ngày cuối tuần.

M.X

*

TRÊN ĐỜI NÀY ĐÂU CHỈ CÓ MỘT NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Hải Hà

Má ơi! Má ơi! Có khách hỏi má nè! Bé Lan đang túm tụm với bạn đánh đuá trước sân kêu vọng vào nhà trong gọi mẹ.

Người khách lạ thản nhiên nhìn xung quanh nhà và tấm tắc khen những cây dừa xiêm sai trái. “Đúng là nhà này rồi”. Người khách nghĩ bụng.

Một thiếu phụ tuổi ngoài bốn mươi từ trong nhà bước ra chậm chậm nhìn người khách. Khách điềm tĩnh nở nụ cười chúm chím như ân cần chào hỏi chủ. Chủ theo linh tính cảm thấy an tâm. Chị thầm nghĩ: “Người trong ấy ra”. Chủ mời khách vào nhà.

Vào đến nhà, khách chậm rãi uống nước, mắt không rời mắt người thiếu phụ. Khách định thần nhớ lại hình dáng người được tả trước khi đi bắt liên lạc.

“Đúng là chị ấy rồi, khuôn mặt dài, nước da trắng, mắt đen nhánh long lanh, mũi cao, người cân đối và đẹp nữa” - Khách nhủ thầm và nở nụ cười nhỏ nhẹ:

- Thưa chị! Có phải chị là chị Năm Hoa, hoa năm cánh đỏ mà! (âm hiệu). Tuy khách đoán đúng được hình dáng người thiếu phụ toát lên sự dịu dàng, sự lo âu, nhần nhục, nhưng khách vẫn còn vẻ ngập ngừng, ái ngại không biết có thật hoàn toàn đúng chị ấy hay không. Không những khách lo lắng khi bước vào nhà mà thân chủ cũng hồi hộp muốn biết tin tức của người khách lạ. Chị theo dõi từng cử chỉ của người khách từ cách đi, cách đứng, ngồi, nói năng... Thái độ điềm đạm, giọng nói dịu dàng của khách dễ đi vào lòng người, nét mặt vui tươi cởi mở ánh lên hình dáng con người phúc hậu. “Đúng là người của mình” - Chị chủ nhà nghĩ bụng. Khi khách hỏi tên “Năm Hoa”, chị nở nụ cười kín đáo hài lòng và chậm rãi đáp vừa đủ hai người nghe : “Đúng là tôi”.

Chủ nhà và khách bắt đầu trao đổi bằng nụ cười xởi lởi thân tình như đã quen biết từ lâu. Nụ cười kín đáo ấy nói lên bao nghĩa tình của những người bình dị hoạt động trước mũi súng của kẻ thù:

- Gia đình khỏe mạnh không chị Tư? Lúc này chị làm bánh bán có khá không? Có đủ sống không chị? - Chị Bảy Hiền tên người khách, bắt chuyện với chị Tư Xuân.

- Ở nhà còn tôi, cháu Lan mười tuổi và thằng

bé Thành lên ba. Còn tụi lớn đi “trông” hết rồi - chị Tư Xuân vừa nói vừa nhìn quanh nhà sợ có người nghe trộm. Rồi chị tiếp:

- Tôi thì quanh năm làm bánh bán sinh sống, giờ thì nhờ vả cháu Lan đỡ đần mẹ thôi. Nó học giỏi lắm chị. Vừa lúc bé Lan chạy vào. Chị Tư Xuân bảo: “Con không chào dì Bảy đi”. Bé Lan khoanh tay, miệng nói lí nhí như mắc cở rồi chạy đến lu nước uống vội vàng một ca rồi đến đứng gần bên mẹ mình. Bé Thành từ ngoài cổng chạy ù vào nhà, vấp té ngã lăn ra khóc la inh ỏi. Không khí trong nhà trở nên nhẹ nhàng, thân mật êm dịu hơn. Cái đồng hồ trên tường điểm mười tiếng.

Chị Tư Xuân mời chị Bảy Hiền:

- Chị Bảy mới ra nhà lần đầu tiên nên ở chơi với gia đình, ngày mai chị hãy đi đâu thì đi. Lâu lắm mới gặp được bà con trong ấy ra.

Chị Bảy Hiền vội vàng trả lời:

- Chị Tư ơi! tình chị em thân thiết, tôi đáng vai em, chị kêu em Bảy được rồi. Không giấu gì chị, em còn rất nhiều việc phải lo cho xong. Có lẽ hai ba giờ chiều này em sẽ đi xuống chợ Cầu Muối - Bàn Cờ. Vài hôm nữa chị em ta sẽ gặp lại. Hôm nay kể như em biết được nhà và bắt liên lạc được với chị là em mừng rồi. Chị em ta còn bàn bạc nhiều việc nữa mà chị còn giúp đỡ em nhiều nhiều đó! Bây giờ chị cho em biết qua hoàn cảnh sống của gia đình chị hiện nay khi các em lớn đã lần lượt ra đi hết. Định có phát

hiện gì gia đình ta và có gây khó khăn gì không? Riêng anh và các cháu trong ấy đều mạnh khỏe cả. Chị yên tâm.

Chị Tư Xuân tươi cười, vui khi biết tin tức của chồng và các con chị. Chị đã mỏi mắt trông chờ và canh cánh bên lòng lo ngại một tin không lành nào đó. Nay thì hai năm rõ mười. Nhưng cái vui ấy chỉ thoáng qua như cơn lốc vì những câu hỏi của chị Bảy Hiền gợi lại hoàn cảnh sinh sống của chị và mấy cháu nhỏ làm cho chị lại rơi vào nỗi buồn cô độc, lẻ loi. Với chị trước đây vò võ tảo tần, vất vả nuôi dạy con thơ từ thuở lọt lòng đến tuổi trưởng thành rồi lần lượt hết đứa này đến đứa khác ra đi theo cha làm cách mạng.

Chị Tư ngồi trầm ngâm xúc động. Tình cảm thương con, nhớ chồng như thấm vào cơ thể chị. Đôi mắt long lanh của chị như rơm rớm nước mắt. Chị nhớ lại bao cảnh chia ly với chồng muốn hết cuộc đời son trẻ, khi anh đi kháng chiến chống Pháp đến hòa bình lập lại tháng 7 năm 1954, chị quá đỗi vui mừng ngỡ tưởng chồng vợ, cha con sum họp xây dựng hạnh phúc. Nhưng anh lại đi ra tập kết miền Bắc biên biệt 7, 8 năm. Khi trở vào Nam lại lao vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Rồi lần lượt đến các con chị: ba trai, hai gái lại tiếp tục ra đi theo cha chú. Chị đã bấm bụng tự động viên mình hãy vui lên để tiễn đưa những nóm ruột ra đi. Nhưng trong thâm tâm, tự đáy lòng người mẹ đã giấu bó cuộc đời với con làm sao chị không đau thắt. Chị

gác lại nỗi nhớ niềm thương để các con ra đi thanh thản, không bị rịn vẩn vương với mẹ mà ngày về của chúng mịt mờ họa hoằn có trời biết. Nhưng người mẹ luôn luôn hy vọng ngày về của các con. Một niềm hy vọng mong manh, mơ hồ. Đó là tình cảm thiêng liêng của người mẹ, với niềm hy vọng nhân hậu biết bao.

Về gia đình, tuy có day dứt về tình cảm nhớ thương nhưng chị vẫn thanh thản như người chiến sĩ cầm súng ở mặt trận. Còn với kẻ thù ở đây, chị như con cá nằm trên thớt. Chị phải gồng mình gánh chịu mọi tai họa ập đến là con đường vào ngòi tù, chịu những cực hình đau khổ! Làm sao kẻ thù phải bằng lòng cái mà kẻ thù xỉ vả: “À, chúng mày ăn cơm quốc gia, thờ ma cộng sản”... Rồi cái giá phải trả là bị tra tấn, nhục hình, tù đầy. “Không, tôi không sợ những điều ấy đâu, đời người chỉ có một lần theo ông, theo bà. Nhưng chỉ đau xót là để lại bảy con bơ vơ không cha, mất mẹ cô cút” - Chị Tư Xuân tỏ bày nỗi lòng với cô Bảy.

Thật vậy, khi chị Tư Xuân đã chứng kiến bao cảnh bom đạn, hy sinh chết chóc, thương tật, tàn phế, chẳng hạn cái chết của em chồng chị, người em thân thương gắn bó với các con chị, để lại trong lòng chị nhiều đau khổ, đắng cay. Bây giờ chị vẫn một thân, một mình đương đầu với mọi tai họa mà kẻ thù hàng ngày, hàng giờ đổ lên đầu chị lúc nào không biết. Chị âm thầm chịu đựng, không dám thổ lộ cùng ai vì chính những người xung quanh cũng khó giúp chị

được. Chị như con ong, cái kiến, hết ngày, lại quần quật quanh năm lấy mật, tha mồi làm tổ. Chị đành bất chấp và sẵn sàng chống đỡ mọi bất trắc. Chị lại có cách an ủi trì hoãn: “Lúc đó sẽ tính còn kịp”. Chị lại tin ở thuyết định mệnh: “Ở hiền gặp lành, trời không hại người ngay”. Con xúc động qua nhanh trong ký ức chị như cơn giông đầu mùa. Chị lấy tay chậm chậm đôi mắt ướt ướt và từ tốn kể cho cô Bảy nghe câu chuyện cười ra nước mắt:

- Hôm ấy bọn tề xã có bốn tên đến nhà tôi để kiểm tra nhân khẩu, trong số đó có cả công an và dân vệ. Lúc đó khoảng 10 giờ sáng. Tôi đang dở tay làm bánh, bỗng nghe bé Lan gọi giật ngược: “Má ơi! Má ơi. Có mấy ông lính đến nhà”. Tiếng lính làm tôi giật nảy mình, tim nó nhảy lia. Tôi nghĩ bụng: “Chúng nó gây sự đây và rửa thắm: đồ ôn dịch. Tôi vội vội, vàng vàng rửa tay, mặc gấp cái áo bà ba đen, xốc lại cổ áo ngay ngắn và chậm rãi bước lên tiếp “khách”. Tôi giả lả lên tiếng trước: “Xin chào mấy chú” và không quên bảo bé Lan đem lên một đĩa bánh ngọt loại ngon. Bọn chúng đang chăm chú nhìn mấy bức ảnh to treo trên bàn thờ “ông, bà”. Bỗng tên tề cất tiếng oang oang như kẻ cả, hỏi: “Ảnh của ai mà coi bộ vệ quá he, bà chủ”? Tôi trả lời ngay không chút do dự: “Đó là mấy ông cố nội của gia đình tôi trước kia làm làng cho Pháp đó!” Thật ra những ảnh đó là giòong dõi gia tộc cụ Thủ khoa Huân mà ít ai để ý đến cô Bảy! “Thế thì tốt quá!” Tên tề nói có vẻ bằng lòng phơi bộ râu cá chốt trên khuôn mặt xương

xương, đầu đội nón phớt màu xám tro với bộ bà ba màu xanh da trời. Diện mạo tên này trông có vẻ háo sắc lắm. Nó nhìn chăm chăm tôi và vào đề: Bà biết không? - Hẳn dần mặt tôi - Quân đội Hoa Kỳ vào miền Nam ta là để giúp Quốc gia tiểu trừ “Việt cộng”, cho nên Mỹ yêu cầu quốc gia là phải kiểm tra lại nhân khẩu hết thảy công dân để biết rõ số thanh niên phải vào lính để cùng với Mỹ diệt cộng sản tận gốc”. Hẳn làm ra vẻ ta đây: “Hừ, bây giờ bọn thanh niên hư hỏng quá xá: trốn lính và trốn rất nhiều”. Nói xong hẳn cười hô hố tỏ vẻ đắc chí lắm. Hẳn lại tiếp: “Mai đây Hoa Kỳ càn quét lớn, bao vây khắp núi rừng, phen này Việt cộng có chạy đằng trời cũng không khỏi nắng đó he, đói meo râu, đầu hàng hết ráo cho mà coi! À, còn bom pháo dữ dần nữa, khủng khiếp lắm lắm”. Nói xong nó ăn một hơi mấy cái bánh, nhai nghe giòn rụm, đoạn liếm môi bảo tay công an đang kiểm tờ hộ khẩu của gia đình:

- Chú mày đọc to tờ hộ khẩu gia đình bà Xuân, kiểm tra số người có mặt, số vắng mặt có lý do cụ thể, ghi vào biên bản rõ ràng, còn đệ trình lên bề trên đó mày. Làm sai là ở tù hết ráo nghe mày! Bọn đàn em dạ cái rần hưởng ứng theo tên tề đầy vẻ a dua nhưng không quên ăn sạch đĩa bánh đầy ắp. Tên công an cầm tờ hộ khẩu đọc:

- Gia đình bà Xuân có cả thảy tám nhân khẩu: bốn nam và bốn nữ nhưng trong nhà hiện nay chỉ còn vồn vẹn ba người: một nữ, một bé gái mười tuổi và một bé trai ba tuổi. Yêu cầu bà cho biết ba nam

và hai nữ kia đi đâu? Đến đây coi bản mặt đứa nào đứa nấy lấm lấm lì lì và hí hửng như cảm nhận sắp làm được một kỳ tích đặc biệt. Tên công an tiếp, nói sang sang:

- Bà nghe đây, những người vắng ở nhà này cả thảy là năm người: Một là Hải hăm bốn tuổi (nam), hai là Kim Hà hăm hai tuổi (nữ), ba là Kim Chi hai mươi tuổi (nữ), bốn là Lượng mười tám tuổi (nam), năm là Sang mười sáu tuổi (nam). Tất cả đều là tuổi đi quân dịch hết. Tên tể được thể lên mặt ta đây, nhìn tôi trân trân như hăm dọa:

- Chuyện này bà trả lời không trôi là lời thôi lấm đó nghe! Nói xong nó đi đi lại lại trước bàn thờ, tay ve ve bộ râu cá chốt. Nghe chúng điểm tên con mình mà lòng tôi đau nhói tợ kim châm, chân tay bủn rủn, người như chơi vơi đứng không vững, nhưng may là không tên nào để ý vì sau đó chúng mãi mê ăn bánh mà cháu Lan vừa đem thêm một đĩa nữa. Riêng bé Thành, thì khóc um lên, nước mắt, nước mũi giàn giụa. Nghe đến đây cô Bảy Hiền dậm lo, hỏi dồn chị Tư Xuân vì bản thân cô cũng cảm thấy bí như gà mắc tóc.

- Thế chị Tư trả lời bọn chúng ra sao?

Chị Tư Xuân kể tiếp:

- Tương kế, tựu kế, trước cái sống và cái chết, tôi nghĩ chỉ còn một con đường là cãi chày, cãi cối với chúng nó bằng nói láo có sách vở. Tôi đã chối phăng tất cả. Tôi nghĩ ba mươi sáu kế, kế hay nhất

lúc này của người phụ nữ là khóc lóc kể lể mọi sự đau khổ của người mẹ mất con... Tình thế này mà run sợ là chết ngay đó! Tôi òa lên khóc, nước mắt, nước mũi giàn giụa cả ra trông rất thảm. Bé Lan và bé Thành bất ngờ thấy mẹ khóc cũng vụt khóc ré lên thảm thiết. Bọn tể, lính bị cú đánh trả bất ngờ không hiểu ra là cái gì. Tên tể la um lên muốn át cả tiếng khóc của mấy mẹ con tôi: "Cái gì bà cứ nói rõ chứ khóc rùm lên như thế ai biết đầu đuôi đầu mà lần?".

Tôi vật mình vật mẩy, tức tưởi khóc, nước mắt tèm nhem, miệng thở phập phào như tiếng được tiếng mất: "Các ông ơi!... Con trai tôi đi lính biệt kích... biệt kích... lính dù... lính dù... con gái... lấy... Mỹ... khổ cho thân tôi quá chừng! Rồi tôi khóc không trời đất nào can nổi. Tôi vừa khóc vừa kể lể thê nhưng tôi cũng không tin ở tai mình. Tâm hồn tôi lúc ấy là nhớ thương mấy đứa con tôi đảo để nên khóc cả tấm lòng thương con, nhớ chồng.

Thằng tể và đồng bọn xót cả ruột, dịu giọng, ra chiều vỗ về tôi bình tĩnh lại và nói rõ xem sao, vì những tiếng "biệt kích", "lính dù", "lấy Mỹ"... làm cho bản thân hấn và đồng bọn ngao ngán và lo ra. Tôi đoán không sai là chúng sợ đụng mấy thằng lính "trời đánh thánh vật" này và mấy con "đĩ me Mỹ" chắc sẽ "mang họa vào thân". Đến đây tôi cố trấn tĩnh lại xem xét thái độ bọn tể, lính. Nằm được cái tẩy hèn nhát của bọn này, tôi vừa khóc vừa kể.

- Mấy ông ơi! Sinh con ai dễ sinh lòng! Bạn bè của mấy con tôi ở Đà Nẵng vào rủ rê chúng nó bảo là đi biệt kích, lính dù được hậu đãi, có tiền ăn xài xả láng, đi đánh nhau với Việt cộng bằng máy bay đồ quân không phải đi lội bộ càn rừng lại còn mau thắng quan tấn tước. Thế là chúng nó rùng rùng kéo nhau đi bất chấp luật nước, lệ làng, lại còn nghênh ngang lớn tiếng. “Có Mỹ bảo vệ mà sợ ai”. Mấy con gái tôi nghe xuôi tai cũng đi theo! Trời ơi là trời! Vô phước cho tôi! Tôi lại hét to: Giá như cha nó còn sống đâu có ra nông nổi này... Rồi tôi lại khóc tức tưởi.

Tên tể hít hai hơi thuốc lá, nhả khói cuộn cuộn lên trần nhà, đưa mắt nhìn khắp căn nhà như ra chiều suy nghĩ lung lăm. Bỗng hắt hí hửng híp mắt hỏi vặn tôi:

- Nè bà Xuân! Bà nghe tôi hỏi đây! - Hẳn dần từng tiếng coi vẻ đắc thắng: “Bà khai chồng bà đã mất tích từ lâu hả, nhưng tại sao bà có mấy đứa nhỏ này?” Hẳn vừa nói, vừa chỉ bé Lan và bé Thành đang ôm chân tôi khóc rề rề như tiếng kèn đưa đám. Tình huống xảy ra ngoài dự kiến nhưng trước cái luật rừng của kẻ ưa bắt nạt hống hách, tôi vẫn giữ được tính tự chủ, dùng cái vốn sống của người phụ nữ đã quen ứng phó với bao nghịch cảnh, trả lời gọn hơ, hỏi vặn lại tên tể:

- Thưa ông xã trưởng! Bộ trên đời này chỉ có một người đàn ông đó, sao ông?

Tên tể nhếch nửa miệng, bất ngờ im lặng mấy

giây, tức anh ách rồi bỗng phá lên cười trừ, gật đầu lia lịa cho là câu trả lời đầy “lý thú”. Hắt ra lệnh cho bọn kiểm tra nhân khẩu:

- Xóa tên ba cậu trai và hai cô gái kể như mất tích theo lời khai của bà Xuân, xã mình không biết những người này, còn đăng ký lại những người có mặt tại nhà.

Chúng kéo nhau ra cổng. Tên tể đi sau cùng như quuyến luyến lời nói cuối cùng của bà chủ nhà “Trên đời này đâu chỉ có một đàn ông?”. Chị Tư Xuân đưa khách ra khỏi cổng và nói lớn với tên tể có vẻ thân mật, tranh thủ và mĩa mai:

- Thưa ông xã trưởng! Lúc nào có mấy anh em lính biệt kích và các con về chơi thăm nhà, tôi sẽ dắt chúng nó lại trình xã.

Tên tể còn lằng lằng với tâm địa lộn xộn bỗng giãy nảy như đĩa phải vôi, trả lời ròn rền:

- Xin cảm ơn bà, cảm ơn... Đó là thuộc lính của bề trên, chúng tôi không quản lý họ đâu!

Tôi trở vào nhà bế bé Thành lên hun chùn chụt, vui như mở cờ trong bụng, thở cái phào thoát nạn và cười ra nước mắt.

Nghe xong câu chuyện, cô Bảy Hiền rất xúc động và thấy thương chị Tư quá và khen:

- Chị đóng kịch tài thật! Đối đáp hay quá chừng, tôi chịu thua chị đó!

Chị Tư Xuân đáp lại:

- Tôi trả lời bạt mạng với chúng nó, chẳng biết xấu hổ gì cả. Và chị trầm ngâm chấm dứt câu chuyện:

- Ở đây cuộc sống của mấy bà “góa bụa” là vậy đó! Quanh năm sống vò vố với con, ai có hỏi chồng đâu thì hô hoán lên là “chết”... “mất tích”... nhưng khi có tin tức, thư từ của tổ chức thì bí mật sống chết lặn lội dưới bom đạn đi liên lạc làm được một công hai ba việc, sau đó tranh thủ thăm “ổng” ở chiến khu. Khi về thì thông thường ôm “một bụng”; con cái cứ sinh đẻ đều đều, lại mang tiếng lằng nhằng, không chồng mà lại chữa hoang. Bà con lối xóm, thậm chí người thân trong gia đình cũng ruồng bỏ, cô lập, xa lánh mình. Tôi đành âm thầm cắn răng chịu đựng. Ôi thật là khổ! Nhưng thời gian rồi sẽ rõ ra. Chị Tư Xuân xúc động nhìn cô Bảy, lấy ngón tay chạm ngay giọt nước mắt sắp trào ra và tiếp:

- Vợ kịch chưa chấm dứt đâu cô Bảy. Cuộc thử thách còn đang tiếp diễn, gay go lắm như lưỡi gươm kề cổ đó!

5-9-1997

H.H

*

CHIẾN CÔNG THÂM LĂNG

Anh Lê

Bà Nguyễn Thị Xuân trước là cơ sở quân báo trong chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Bà có 7 người con tham gia quân giải phóng. Các con bà đã làm tròn trách nhiệm trong suốt cuộc chiến tranh chống xâm lược giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia. Các con bà đã trở về lành mạnh, đầy đủ. Đó là một trong những gia đình hồng phúc hiếm có.

Không tham gia hoạt động như các con và chồng nhưng bà Xuân nhận trọng trách nặng nề ở vùng địch tạm chiếm với chức năng liên lạc, ra, vào chiến khu, nuôi dưỡng và bảo vệ cán bộ tại nhà, liên lạc cơ sở mật ở nội thành...

Một ngày vào đầu tháng 10 năm 1967, anh Hải, người con cả của bà Xuân là cơ sở mật của ta với

danh nghĩa công khai là hiệu trưởng trường tiểu học ở thị trấn Lộc Ninh, về thăm mẹ ở thị xã Thủ Dầu Một.

- Hải con mới về! - Bà Xuân tươi cười hỏi con.

Con trai nắm tay mẹ và thủ thỉ kín đáo: "Con có việc hệ trọng đây má".

Bà Xuân tỏ ra lo lắng và cùng con bước vào nhà trong. Anh Hải nói nhỏ: "Tổ chức trong chiến khu yêu cầu con vẽ cho được khu vực sân bay Lộc Ninh, có quân nguy và quân Mỹ đóng để chuẩn bị trận đánh tới lớn đó! Suốt cả tháng nay con xem xét kỹ góc ngách khu vực sân bay và con đã vẽ xong, đầy đủ chi tiết, nay chỉ còn cách làm thế nào má chuyển cho được sơ đồ này vào cho các chú trong ấy để chuẩn bị tấn công. Thời gian khẩn trương đó má và..." - Anh ngập ngừng mấy giây rồi tiếp: "...rất nguy hiểm, nhưng cũng rất hệ trọng lắm má!" Bà Xuân trầm ngâm, im lặng nhìn con chăm chăm và nhận bản sơ đồ nhỏ bằng giấy mỏng của con trao cho và đem cất vào tủ khóa kín.

Suốt đêm ấy, bà Xuân không chợp mắt được. Bà đang moi óc tìm ra đáp số bài toán học búa. Bà hết nằm lại ngồi, hết vào lại ra, bà nhìn trần nhà mắt thao láo, bà nhủ thầm lời con dặn "...Rất nguy hiểm nhưng rất hệ trọng đó má". Trong khi hai con nhỏ của bà là Lan và Thành đang yên giấc ngon lành, chúng có biết đâu mẹ chúng đang lo liệu một công việc hiểm nguy, nếu xảy ra sơ suất đời chúng sẽ bơ vơ, mất mẹ. Bà lạnh cả người - nhưng

chồng bà, các con lớn của bà trong khu hàng ngày, hàng giờ sống chết với quân thù đã động viên, tăng sức mạnh cho bà thực hiện cho được kế hoạch mà tổ chức giao cho.

Đồng hồ trên tường vừa đổ 3 tiếng cùng lúc bà Xuân nở nụ cười thầm kín như đã tìm ra vật quý đã mất. Bà thiếp đi lúc nào không biết.

Bà Xuân kể:

"Sáng ra, sau khi làm xong phần bánh bỏ mỗi cho các tiệm, tôi bắt tay vào làm chiếc bánh cưới". Phần nổi trên mặt bánh có tên đôi lứa: "Hong - Nhung trăm năm hạnh phúc". Ở giữa chiếc bánh tôi để lọ dầu cù là nhỏ, trong đó có cái sơ đồ sân bay Lộc Ninh. Xung quanh chiếc bánh cưới tôi làm một số chiếc bánh con. Tôi ngắm nhìn chiếc bánh bằng lòng một phần nhiệm vụ của mình nhưng tâm trạng lo lắng, canh cánh bên lòng đeo đuổi tôi ở phía trước suốt cả tuần lễ, khi chị Ba liên lạc ở trong chiến khu ra nhận chiếc bánh cưới đem vào cho tổ chức.

*

* *

Bọn lính nguy ở bót ven đường chặn chiếc xe ngựa và xét hỏi. Tất cả đều xuống xe, chờ đợi...

- À chiếc bánh cưới đẹp và ngon lành "*Hong Nhung trăm năm hạnh phúc*", nghệ nhân nào nặn bánh rất kỹ thuật - một tên lính reo lên.

- Chiếc bánh này uống với trà con cộp là tuyệt vời! - Một tên khác châm vào - Bà hai để chiếc bánh

lại đây cho chúng tôi, bà về nói với gia đình là lính ở bót xét xe đã lấy ổ bánh. Thế là mọi việc đều xuôi cả - một lính khác trắng trợn nói to.

Với bản lĩnh đối sách qua nhiều tình huống hắc búa của người chiến sĩ quân báo, đối với kẻ địch, chị Ba trầm tĩnh phân giải có lý có tình: “Các chú ơi! Đòi người chỉ có một lần cưới xin nên vợ, nên chồng, các chú nữ nào làm tiêu tan hạnh phúc của gia đình đôi trẻ, làm buồn lòng cha mẹ, người thân thuộc của đôi bên nếu họ không có chiếc bánh cưới cho con cái. Tội nghiệp các em nó, các chú ơi! Các chú nào đã có gia đình hoặc chưa có, chắc các chú thông cảm với chiếc bánh cưới đó! Nếu thật tình các chú muốn ăn bánh, uống trà, xin nhận cho 10 chiếc bánh nhỏ này để chia vui cùng với gia đình chúng tôi. Mong các chú thông cảm cho - Chị Ba vừa nói vừa đưa tay nâng những chiếc bánh con đưa cho bọn lính.

- Bà Hai nói có lý đó tụi bay! Thôi ta nhận 10 chiếc bánh nhỏ uống trà được rồi - Tên chỉ huy xét hỏi ra lệnh. Tất cả hành khách đều lên xe thở phào nhẹ nhõm.

Bác chủ xe ra roi quất vào ngựa phóng thẳng dây cương - con ngựa rừng mình đi nước kiệu đều đều vang lên âm thanh cộc... cộc... khô khốc bỏ lại phía sau bọn lính cười thích thú với 10 chiếc bánh con chúng vừa cướp của chị Ba.

Bản sơ đồ đã đến tận tay quân giải phóng. Vào cuối tháng 10 năm 1967, Chiến dịch Lộc Ninh - Bù

Đốp mở màn. Sư đoàn 9 bộ binh tăng cường phối hợp với trung đoàn pháo tên lửa ĐKB 724 đánh thiệt hại nặng chiến đoàn Mỹ tại sân bay Lộc Ninh, đẩy nhanh sự suy sụp của Mỹ ngay sau mùa khô năm 1966 - 1967, nhất là sau cuộc càn lớn thất bại ở Junction City của Mỹ ở tỉnh Tây Ninh, mở ra chiến trận Đông Xuân, cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968.

Một tháng sau chị Ba gặp lại bà Xuân tại nhà, báo lại hành trình chiếc bánh cưới. “Đã qua một tháng rồi khi nghe chị Ba kể lại tôi vẫn còn rợn tóc gáy” - Bà Xuân thổ lộ tâm tình.

A.L

*

ĐIỀU LỚN LAO NHẤT LÀ TỪ SỰ TRẢI NGHIỆM

Uyên Khanh

Người đàn ông đang ngồi trước mặt tôi có một ánh mắt và một nụ cười rất đặc biệt: “Không có chuyện gì lớn”, tôi cứ có một cảm nhận ông luôn nói với người đối diện bằng ánh mắt và nụ cười của mình như thế. Rằng cái việc mà tôi đang lục cục sửa soạn giấy bút, máy ghi âm, mấy câu hỏi theo kiểu nghề nghiệp của một nhà báo... loàng xoàng là chẳng có gì quan trọng với ông cả. Khác với đa số những người trước đây tôi đã từng tiếp xúc, chưa phỏng vấn, họ đã ngồi ngay như tượng, khuôn mặt có vẻ nghiêm túc, căng thẳng đến tội nghiệp, nhất là khi được nói về mình, câu chuyện lại càng trang nghiêm hơn.

“Nể ông già lắm, tôi mới gặp nhà báo đấy, tôi

ngại kể về mình lắm”, ông bắt đầu câu chuyện cũng bằng cách nói từng từng như vậy. Có lẽ mình cũng không nên tự ái - Tôi nghĩ bụng. Bằng một giọng hóm hỉnh, ông kể về cuộc đời binh nghiệp của mình: “19 tuổi, tôi tốt nghiệp sư phạm, làm thầy giáo tiểu học, về nhận công tác ở tỉnh Bình Dương, năm đó khoảng 1961. Thời gian, chính là lúc tôi lợi dụng sự quen biết của mình với nhiều người có chức quyền trong hàng ngũ sĩ quan ngụy, tôi thu lượm tin tức móc nối với anh em, chuyển giao cho cách mạng. Lúc đó ông già tôi đang ở chiến khu. Năm 1967, tôi được anh em đưa vào căn cứ, làm ở phòng quân báo. Cuối năm 1974, đầu năm 1975, được ra Bắc học. Sau giải phóng, tiếp tục công tác ở phòng Quân báo Quân khu 7. Từ 1984-1990, được điều động sang Campuchia làm nghĩa vụ quốc tế. Từ 1990-1997, là Chánh văn phòng Quân khu 7. Từ 1997 đến nay giữ cương vị Đại tá, Phó chỉ huy quân sự tỉnh Bình Phước”.

Cách tóm tắt cuộc đời của ông cũng toát lên về: Không có gì lớn. Hình như những năm tháng đã trải qua ông xem đó là chuyện đương nhiên, ai trong hoàn cảnh đó cũng thế. Ông diễn đạt những ý nghĩ của mình trong quá khứ hết sức giản dị: “Con đường mình định đi như thế nào là đi như thế, không có gì phải đắn đo suy nghĩ. Cái sống và cái chết có khi trong gang tấc. Những ngày bám trụ ở vùng ven Trảng Bàng, Tây Ninh, đời sống vật chất được bà con tiếp tế nên rất khá, nhưng bị phục kích, bị bắt, bị bắn

chết lúc nào không hay. Còn khi ở rừng, cái chuyện chết vì sốt rét, ốm đau, thiếu ăn, rắn cắn, pháo bắn như cơm bữa, nhưng tư tưởng tụi tôi vững lắm. Tôi còn nhớ một lần chuẩn bị đánh chi khu Lộc Ninh, tôi đến thăm ông già lúc đó ông đang là chính ủy của một trung đoàn tên lửa, ông già tâm sự: “Sắp tới bọn Mỹ sẽ đưa ồ ạt hàng mấy triệu quân vào miền Nam”. Tôi nóng quá nói luôn: “10 triệu cũng đánh, mình là tay công chức, chưa bị o ép nhiều, nhìn thấy chúng còn muốn đánh huống chi bao nhiêu người khác”. Sau này nhiều người cứ hỏi tôi: “Hồi đó làm tình báo trong lòng địch chắc là phải ghê gớm lắm”. Tôi phải giải thích rằng: “Những việc làm của mình nhiều khi giống như chuyện bình thường vậy, trong hoàn cảnh đó, ai cũng làm thế thôi. Cùng học với mấy thằng bạn, mình làm thầy giáo, có thằng đi lính làm sĩ quan ngụy. Đi lại nhậu nhẹt với chúng, riết rồi suồng sã, thân quen, có chuyện gì chúng nó nói với mình, mình ghi nhận lấy rồi cung cấp cho cơ sở cách mạng. Cơ sở của mình là ai? Là bà con lối xóm, là gia đình bà xã tụi bây giờ... Có lần tụi nó còn chở tôi từ thành phố về bằng máy bay trực thăng do một thằng bạn lái. Ngồi trên máy bay của nó mà trong cặp mình lại có tài liệu để chuyển cho cơ sở cách mạng. Bởi vậy hồi đó, tụi ngụy có câu: “Ăn cơm quốc gia, thờ ma cộng sản” là đúng. Đi lại thân thiết với chúng riết rồi chúng xem mình như bạn thân. Rồi lại lợi dụng chính kẻ thù của mình làm

vỏ bọc che chở cho mình tốt nhất. Có bữa thằng sĩ quan phụ trách an ninh ở Bình Dương kêu tôi lên nói như kể công: “Bọn an ninh dưới kia gửi công văn mật lên bảo tao theo dõi mày, tao trả lời ngay: “Đ. má, nó ở đây chơi bời suốt ngày với tụi tao mà theo dõi khi khô gì, tao làm công văn trả lời ngay”. Sau này khi trốn vào cứ rồi tôi cứ mắc cười khi nghĩ đến bộ mặt của mấy cha nội bạn bè đó, chẳng biết là chúng nghĩ gì khi thấy tôi bỗng dưng mất tích. Chính cái tính cách thật thật, giả giả của tôi mà cứu tôi thoát chết được nhiều phen”.

Trong cách nói kiểu “không có gì lớn” của vị đại tá trước mặt mình, tôi hiểu nhiều lúc không phải hoàn toàn như vậy, đó là khi ông bộc lộ những bức xúc của mình về một quan niệm sống: “Chúng tôi đang khép lại quá khứ chứ không phải quên quá khứ đâu nhé! Nhiều tay phát biểu linh tinh lang tang, quên ngay cả mình trong quá khứ là ai, mà mới có vài chục năm chứ lâu la gì”. Khi nói đến điều này, ánh mắt và nụ cười của ông trở nên rắn lại, giọng nói trầm hẳn xuống: “Chúng tôi không ham đánh nhau, có kẻ còn nói chúng tôi hiếu chiến. Tôi mà gặp thằng nào nói vậy, tôi nhổ vào mặt nó. Ai chẳng muốn cuộc sống bình yên làm ăn? Dân tộc mình có truyền thống thượng võ chứ không phải sinh ra để đánh nhau. Bây giờ sau chiến tranh mình sống như thế này, nghĩ lại những đồng đội bè bạn thân thiết của mình nằm xuống, nói gì đó không phải, là làm

túi hổ vong linh những người đã khuất. Còn có nhiều điều phải xem lại lắm nhà báo ạ”. Ông cao giọng hải hươc: “Cả nhà tôi 3 thế hệ đều cầm súng bảo vệ Tổ quốc. Tất cả 7 anh em chúng tôi đều tham gia chiến đấu, chưa kể ông già. Nếu chúng tôi hy sinh thì mẹ tôi mới được phong tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng (?) còn khi tất cả chúng tôi đã trở về... mẹ tôi cũng xứng đáng là Bà mẹ Việt Nam anh hùng lắm chứ? Cuộc sống của tôi hôm nay, nếu thật sự không nghĩ đến quá khứ, đến những năm tháng mà cả dân tộc đã trải qua, thì mọi chuyện đều hết sức đơn giản: này nhé, phương tiện vật chất như vậy là quá đầy đủ: nhà có tivi, tủ lạnh, bếp ga, điện thoại... 1 tuần về thăm bà xã một lần. Ở đơn vị đi xe hơi có xe hơi, đi xe máy có xe máy, ngoài công việc, anh em rủ nhau bù khú nhậu nhẹt, có gì mà khổ. Nhớ lại cái thời có một liều thuốc, dùng dao lam cắt từng mẩu chia nhau nhét vào liều thuốc Lào để hút. Mấy chục năm chịu đựng gian khổ, nó quen đi, bây giờ ở đơn vị, sáng 4 giờ, mấy ông bạn già lại dậy quét nhà, nấu nước pha trà, tập thể dục, hít thở không khí trong lành. Sau này về hưu cũng thế, kiếm cái xe đạp, túc tắc đạp đi chơi với anh em, thế là sướng!”. Nhìn cung cách quét lửa châm thuốc hút và điệu bộ ung dung của ông, tôi tin những điều ông nói là thật. Cái sự khệnh khạng, học đòi của con người ta dễ nhận biết lắm. Những tính cách có gốc, có nền, nhìn cũng biết ngay. Cuộc đời có thể thôi, bon chen, đấm đá, tham

vọng điên cuồng rồi cũng thôi! Khi con người đã trải, đã nghiệm, đã cận kề bên cái chết, mới có thể có một phong thái ung dung, biết tự giấu cột mình như thế!

Khi được hỏi về công việc hiện tại của mình, đại tá Lưu Phước Lộc trầm ngâm: “Từ lúc về công tác ở địa phương tôi mới càng thấm thía thêm vai trò của người dân. Đất nước có chiến tranh hay trong hòa bình, nếu không dựa vào dân thì không thành công được. Quân sự địa phương cũng thế, làm tốt công tác tuyên truyền vận động người dân thì không cần tập trung quân đông. Những người lính chính là những người dân đang hàng ngày sản xuất, xây dựng. Lúc đất nước cần họ, thì họ là những người lính đặc lực nhất”.

Điều trần trở nhất mà đại tá bày tỏ chính là vấn đề giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ: “Bọn trẻ bây giờ đầy đủ quá, nhiều khi chúng trở nên ích kỷ. Đối với chúng tôi trước đây cũng như hiện nay, khi những người bạn chiến đấu gặp nhau hoặc đang sống với nhau, lúc nào tình đồng đội cũng lẫn át, ngự trị. Có dịp về thành phố, mua cái gì cho mình, là anh em cùng phòng mỗi người cũng phải có một thứ gì y như mình, quen rồi”.

Tôi chú ý trong cách nói chuyện, ông rất hay dùng chữ “quen rồi”. Chịu khổ: quen rồi. Giản dị: quen rồi. Yêu thương đùm bọc nhau cũng quen rồi... Tất cả những thói quen tốt đẹp đó đã trở thành nếp sống, nếp nghĩ, hành động của những người lính đã

từng đi qua ranh giới mong manh giữa sống và chết. Bởi vậy, họ biết cái gì là giá trị đích thực, những giá trị sẽ mãi trường tồn. Ngay cả những câu hỏi của tôi, những điều mà tôi viết về ông, thật chẳng có gì là chuyện lớn. Cái lớn lao chính là những cái mà con người ngồi kia đã trải nghiệm từ bản thân, từ cội nguồn của gia đình và từ cuộc đời. Vâng, không có chuyện gì lớn, đừng có nhặng xị lên như thế, tôi lại tự nhủ mình khi chậm rãi cất mấy cái dụng cụ có vẻ là phóng viên như máy ghi âm, sổ tay, bút giấy để kết thúc câu chuyện của mình với đại tá Lưu Phước Lộc.

U.K

*

NGƯỜI NỮ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG

Huy Toàn

Thượng tá bác sĩ Lê Kim Hà bước lên bục báo cáo thành tích thi đua quyết thắng của mình, cả hội trường im lặng chăm chú lắng nghe. Tấm gương về tinh thần phục vụ bệnh nhân, bền bỉ kiên trì tự học tự rèn luyện phấn đấu vươn lên về mọi mặt của chị đã cuốn hút mọi người.

... 50 năm trước, chị được sinh ra và lớn lên ở xã Phú Cường huyện Châu Thành (Sông Bé). Là con gái lớn của một gia đình có 7 anh em, khi ba tập kết ra Bắc, chị phải nghỉ học để ở nhà làm giúp mẹ nuôi anh và em ăn học. Sống trong vùng kìm kẹp của địch, 18 tuổi chị xin gia nhập Quân giải phóng. Sau 8 tháng làm nhiệm vụ nấu cơm, có tinh thần phục vụ tốt, chị được đơn vị cho đi học y tá rồi y sĩ,

phục vụ chiến đấu tốt ở chiến trường B2. Khi giải phóng miền Nam, chị là lớp học viên cuối cùng của trường Quân y miền Nam, đào tạo bác sĩ chuyên tu. Tháng 12 năm 1975, tốt nghiệp bác sĩ, chị được điều về công tác tại khoa Cấp cứu hồi sức - “Khoa đầu sóng ngọn gió” ở Viện Quân y 175.

Năm 1977 khi cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam nổ ra, toàn bộ Viện Quân y 175 chuyển sang làm nhiệm vụ phục vụ chiến đấu. Trung bình mỗi ngày khu hậu phẫu nhiễm khuẩn do chị phụ trách tiếp nhận trên 60 thương binh nặng. Chị nhớ mãi có lần trong một phiên trực đêm khi chị đang xử lý một bệnh nhân ngừng tim ngừng thở thì giường bên cạnh lại có một ca chảy máu thứ phát sau mổ, cần băng ép để tạm cầm máu và ở giường cuối buồng bệnh, một nữ bệnh nhân bị sốt xuất huyết biến chứng xuất huyết não, đang mê sảng sắp ngã xuống đất. Những tình huống ấy xảy ra cùng một lúc đều có thể làm chết người trong khoảnh khắc. Vận dụng hết kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn, chị đã xử lý tốt cả 3 trường hợp. Trưởng thành từ một chiến sĩ y tá, trải qua cuộc kháng chiến chống Mỹ gian khổ ác liệt, bác sĩ Kim Hà hiểu sâu sắc nỗi đau của anh chị em thương bệnh binh. Chị đã gương mẫu cố gắng phục vụ chăm sóc điều trị cấp cứu cho bệnh nhân tận trọng, tỉ mỉ hết sức, hết lòng và động viên cả tập thể y bác sĩ trong khoa cùng làm như vậy.

Thông thường sau mỗi ca điều trị khó, khoa lại tổ chức trao đổi rút kinh nghiệm, chỉ ra những việc

làm tốt và những sai sót để mọi người suy nghĩ. Chị luôn tự rèn luyện mình gương mẫu trong mọi công tác sinh hoạt trước bệnh nhân và đồng nghiệp. Chị không bao giờ tha thứ cho bản thân và đồng nghiệp những khuyết điểm thuộc về chuyên môn, về đạo đức thầy thuốc dù là khuyết điểm nhỏ. Phương pháp góp ý của chị thường là gặp riêng trao đổi nhẹ nhàng nên mọi người rất dễ tiếp thu. Đồng nghiệp của chị trong khoa thường nói với nhau: Được trực cùng một kíp với bác sĩ Kim Hà chúng tôi thấy vững tâm hơn. Những lúc nghe dư luận tốt xấu về những đồng nghiệp ở đơn vị khác, chị nói với anh chị em trong khoa: Muốn làm một người thầy thuốc chân chính phải lấy chuyên môn làm đầu, đạo đức làm trọng. Với đồng nghiệp, chị lấy hành động để thuyết phục. Những việc làm của chị như trả lại tiền, nộp lại phần quà của khách cho riêng mình để toàn khoa cùng chia vui đã được mọi người làm theo. Năm 1985 khoa Cấp cứu hồi sức được Nhà nước tuyên dương danh hiệu Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

Sau ngày giải phóng miền Nam, chị sắp xếp gia đình, mặc dù con còn nhỏ, chồng yếu, chị vẫn mỗi tuần đi học 3 buổi tối văn hóa, ngoại ngữ, chính trị, chuyên môn. Suốt 16 năm liền vừa phấn đấu làm tốt chuyên môn, vừa học, chị đã tốt nghiệp chính trị trung cấp, chuyên khoa cấp 2 gây mê hồi sức (hệ tập trung) và chứng chỉ B tiếng Anh. Vừa chăm chỉ say mê học tập nâng cao trình độ, phục vụ bệnh nhân, chị

vừa cố gắng làm tốt trách nhiệm người con dâu hiếu thảo, người vợ hiền, người mẹ của hai con ngoan trong gia đình. Với chị, cụ Phùng Văn Cung vừa là người bố chồng, người đồng chí và cũng là người đồng nghiệp mà chị rất yêu thương kính trọng. Khi cụ Cung bị bệnh hiểm nghèo (1987) chị đã chăm sóc suốt 6 tháng tại nhà cho đến ngày bác sĩ Cung ra đi vĩnh viễn.

Năm 1992 chị có sáng kiến chọc kim vào khoang ngoài màng cứng luồn dây catheter tiêm corticoid để chống viêm trực tiếp trên các rễ thần kinh cho 5 bệnh nhân bị viêm da rễ thần kinh nặng: Liệt tứ chi suy hô hấp (phải giúp thở bằng máy), liệt hầu họng (cho ăn qua ống thông mũi). Loại bệnh này trên thế giới có nhiều cách chữa khác nhau nhưng rất tốn kém mà điều kiện Việt Nam chưa thể thực hiện được. Không cầm lòng khi nhìn thấy bệnh nhân đau đớn khổ sở, nếu không điều trị tốt sẽ bị tử vong, chị đã mạnh dạn xin ý kiến chỉ huy viện cho được thực hiện kỹ thuật này. Niềm vui là kết quả bất ngờ đã đến với chị: Điều trị 4 đến 6 ngày, bệnh nhân đã hồi phục được hô hấp, 10 đến 12 ngày tự ăn được qua đường miệng. 21 ngày nâng tay lên khỏi mặt giường, 30 ngày bắt đầu tập đi lại quanh giường, 6 đến 8 tuần điều trị tích cực, cả 5 bệnh nhân đã phục hồi đi lại, lên cân, xuất viện và sinh hoạt bình thường. Chính nhờ kết quả sáng kiến của đề tài này, tháng 7 năm 1994 chị đã vinh dự được sang Nhật báo cáo tại hội nghị quốc tế lần thứ 8 về các bệnh thần kinh

cơ. Trước 1.600 đại biểu của 50 nước tham gia, chị đã đọc báo cáo bằng tiếng Anh và được khá nhiều đồng nghiệp quốc tế quan tâm.

32 năm trong quân ngũ, 30 năm làm ngành y tế và 16 năm bắt đầu nghiên cứu khoa học, thượng tá bác sĩ Lê Kim Hà đã được tập thể bầu 17 năm liên tục là chiến sĩ thi đua, trong đó có 9 năm là chiến sĩ quyết thắng, 1 huân chương kháng chiến hạng nhì, 3 huân chương giải phóng và 1 huy chương vì sức khỏe nhân dân. Chị đã nghiên cứu và thực hiện 8 đề tài khoa học, 2 thông báo chuyên môn. Chị còn tham gia giảng dạy đào tạo 6 lớp y tá sơ cấp, 3 lớp y tá trung cấp, 3 lớp y sĩ chuyên khoa gây mê hồi sức, hướng dẫn lâm sàng cho 2 lớp chuyên khoa cấp I nội ngoại.

Chị đã vinh dự được Bộ Quốc phòng đề nghị Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân trong dịp kỉ niệm 50 năm ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam.

H.T

*

CÓ MỘT DÒNG SÔNG VÀNG

Hồ Công

Người phụ nữ đang được Chủ tịch nước Lê Đức Anh và Bộ trưởng Quốc phòng tiếp chuyện ở hành lang Đại hội điển hình tiên tiến toàn quân cuối tháng 11-1994 là Thượng tá Lê Kim Hà, Phó Chủ nhiệm Khoa Cấp cứu hồi sức Viện Quân y 175 tại thành phố Hồ Chí Minh.

Vinh dự lớn lao đối với chị là được phong danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang đợt mới nhất nhân kỷ niệm 50 năm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam. Đó là người phụ nữ anh hùng duy nhất được phong tặng đợt này (từ năm 1968 đến nay).

Chị đã làm việc như thế nào trong 30 năm công tác ở ngành quân y và đã báo cáo những gì trong các

đại hội điển hình tiên tiến? Thật là giản dị và khiêm tốn trong lời nói, nhưng lại sâu sắc và phong phú về ý nghĩa. Những điều được biết về chị làm tôi nghĩ đến một “dòng sông vàng”. Cái tên Kim Hà dễ thương, tấm lòng đáng trọng, công việc chuyên môn đáng phục của chị làm tôi phải so sánh như vậy.

Tôi chỉ xin kể mấy nét về con người giản dị mà nổi bật trong các hội nghị và tại nơi công tác của mình.

Vừa đến tuổi công dân, chị theo ba lên chiến khu tham gia kháng chiến, khi ba từ miền Bắc về Nam hoạt động năm 1961. Từ việc nấu cơm, đi học y tá rồi y sĩ, cho đến năm 1975 tốt nghiệp bác sĩ chuyên tu, về làm ở khoa Cấp cứu hồi sức... vừa làm vừa học đã tạo nên bước ngoặt cuộc đời chị. Ở cái khoa “đầu sóng ngọn gió” của một bệnh viện, lại trong thời chiến tranh biên giới Tây Nam, công việc vừa nhiều vừa thật cấp bách. Mỗi ngày tiếp nhận trên 60 thương binh nặng, làm việc 14-16 giờ trong ba năm liền để cứu những mạng sống treo trên sợi tóc. Khu hậu phẫu nhiễm khuẩn do chị phụ trách không để xảy ra tử vong đáng tiếc, dù có khi cùng lúc phải xử trí 3-4 trường hợp nguy kịch sống chết trong giờ phút, phải chạy trong buồng bệnh cùng với các nhân viên của mình.

Khả năng chuyên môn và tình thương yêu bệnh nhân không bờ bến là cái gốc để chị làm việc tận tình, tỉ mỉ, thận trọng và đạt hiệu quả cao. Đã nhiều lần chị nói với anh chị em trong khoa: “Nếu muốn làm giàu, làm bậy, thì đừng làm nghề thầy thuốc. Còn đã

làm thầy thuốc thì phải lấy chuyên môn làm đầu, đạo đức làm trọng”. Chị làm gương trong việc trả lại tiền “bồi dưỡng” của gia đình bệnh nhân. Món quà của bệnh nhân khi ra viện đưa cho cán bộ khoa trở thành niềm vui chung của cả khoa. Thế là trong khoa ai cũng làm theo, vì mọi người nghe theo lời chị: “Cứu sống một bệnh nhân là công lao của toàn khoa chứ không phải của riêng ai. Một người làm bậy cũng làm xấu cả khoa”. Đó cũng là tiền đề cho việc năm 1985, Khoa Cấp cứu hồi sức được tuyên dương danh hiệu Đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Và bản thân chị đến nay đã có 17 lần là Chiến sĩ Thi đua, 9 lần là Chiến sĩ Quyết thắng.

Kim Hà là một phụ nữ, một sĩ quan giàu tinh thần phấn đấu để tự mình từng bước vượt lên trên mình. Tuy nhiên, bản thân chị bao giờ cũng biết ơn các thầy, các giáo sư bác sĩ Trương Công Trung, Đỗ Hoài Nam, Lê Minh Đại, Phạm Văn Cự... đã dìu dắt chị từng bước. Chị hiểu rằng khoa Cấp cứu hồi sức này có nhiệt tình tốt là chưa đủ để cứu sống bệnh nhân thường là gần với cái chết. Là bác sĩ chuyên tu, có nghĩa là văn hóa chưa thật đầy đủ, chị đã học, học không mệt mỏi thường xuyên trong 5 năm liền để hoàn thiện chương trình phổ thông trung học, ngoại ngữ, chương trình chính trị trung cấp và tốt nghiệp chuyên khoa cấp 2 ngành gây mê hồi sức. Và ai cũng biết rằng thời gian ấy chống chị bị bệnh, cháu thứ hai của chị dưới một năm tuổi.

Trưởng thành thêm một bước, từ 1978, chị bắt

đầu nghiên cứu những công trình khoa học. Thế mà đến nay chị đã thành công 8 đề tài khoa học và có hai thông báo chuyên môn. Có một công trình có ý nghĩa quốc tế, đã được thử nghiệm trên 200 trường hợp, được báo cáo tại Hội nghị khoa học lần thứ 8 về các bệnh thần kinh cơ tại Nhật Bản, trước 1.600 nhà khoa học của 50 nước, diễn ra tháng 7 năm 1994.

Chị còn là một người thầy tốt tham gia giảng dạy 12 lớp y tá, y sĩ gây mê hồi sức và 2 lớp chuyên khoa cấp 1...

Đối với một người, một phụ nữ, không được học hành thuận lợi từ trước, đã kiên trì học tập, phấn đấu vươn lên với nghị lực rất cao để đạt được thành công trong nghiên cứu khoa học, thì ý nghĩa của sự thành đạt là anh hùng, là cao quý biết bao.

Chị nói rằng: “Trong khoa học cũng như trong nghề y, không có nấc thang cuối cùng”. Thật là chí lý với một con người biết mình và biết việc! Với tuổi đời 50 của người làm khoa học, chúng ta tin rằng “dòng sông vàng” Lê Kim Hà còn tiếp tục chảy, vượt qua thác ghềnh đi ra biển lớn.

Chất xám là vàng. Tấm lòng tốt cũng chính là vàng!

H.C

KHOA CẤP CỨU HỒI SỨC A.12 ANH HÙNG

Anh Xuân

Khoa Cấp cứu hồi sức A.12 Anh hùng của bệnh viện 175, trực thuộc Bộ Quốc phòng. Bệnh viện 175 cùng với bệnh viện Thống Nhất tại thành phố Hồ Chí Minh hiện nay kế thừa bệnh viện K.71A là bệnh viện thuộc tuyến cuối cùng của quân giải phóng miền Nam trong chiến tranh chống Mỹ. Bệnh viện đã cứu chữa trên 30.000 thương bệnh binh. Bệnh viện K.71A vừa làm nhiệm vụ điều trị thương bệnh binh, vừa trực tiếp chiến đấu kiên cường để bảo vệ thương bệnh binh trong hoàn cảnh khó khăn, gian khổ, ác liệt.

Ban Chủ nhiệm khoa trước kia gồm các đồng chí BS. Phùng Ngọc Ẩn, BS. Lê Minh Đại, BS. Phan Hiền và nhất là **GS.BS.** Lê Minh Đại đã cùng cố, xây dựng và phát triển khoa Cấp cứu hồi sức luôn là khoa mẫu mực của bệnh viện và đã để lại những

dấu ấn tốt đẹp về y đức của người thầy thuốc.

Lãnh đạo của khoa Cấp cứu hồi sức hiện nay gồm Đại tá bác sĩ Lê Kim Hà, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, Thầy thuốc Nhân dân, được tặng danh hiệu *“Người phụ nữ Việt Nam”* - Chủ nhiệm khoa; Phó Chủ nhiệm khoa là Thượng tá tiến sĩ bác sĩ Nguyễn Hồng Sơn. Lãnh đạo khoa cùng gần 40 anh chị em bác sĩ, y sĩ, y tá, hộ lý, điều dưỡng và nhân viên phục vụ luôn làm việc hết mình, tất cả vì anh em thương bệnh binh, với phương châm ngày không giờ, tuần không thứ. Tôi có dịp vào khoa vào một lần *“thập tử nhất sinh”* nên đã chứng kiến tinh thần làm việc tất bật của toàn thể cán bộ, nhân viên của khoa. Thông thường hằng ngày có khoảng gần 20 bệnh nhân bị các bệnh như tim mạch, huyết áp, sọ não, gãy chân tay, gan, lách... vừa qua khỏi tình trạng cấp cứu phải nằm bất động thì luôn có y tá, hộ lý trực suốt bên cạnh.

Vào dịp cuối năm, tôi vào thăm lại khoa cấp cứu hồi sức, gặp Phó khoa Hồng Sơn, anh vui vẻ chúc mừng tôi khỏe mạnh và tâm sự với tôi về kỷ niệm ngày Thầy thuốc Việt Nam 27-2. Anh nói: *“Khoa cấp cứu hồi sức được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam từ tháng 12 năm 1985, nay đã gần 20 năm. 20 năm phấn đấu cật lực, giữ vững truyền thống của đơn vị anh hùng với tâm, y, đức luôn luôn trong sáng, đôi nhân xử thế đúng mực, cán bộ lãnh đạo khoa mẫu mực, nhất là đồng chí Lê Kim Hà, Chủ nhiệm khoa, chị là tấm gương sáng cho tập thể noi theo”*.

Như đã nói, đây là bệnh viện thuộc tuyến cuối của phía Nam gồm các tỉnh Nam Bộ và miền Trung từ Đà Nẵng trở vào, có lúc nhận cả bệnh nặng từ Campuchia đưa xuống, hằng năm tính trung bình cấp cứu hồi sức trên dưới 2.000 bệnh nhân.

Với 22 đảng viên và 10 đoàn viên trên quân số 41, chưa kể mấy chục thực tập sinh, điều dưỡng, học sinh đến thực tập, toàn thể anh chị em của khoa luôn luôn đoàn kết, nhất trí, đề cao tự phê bình và phê bình, thẳng thắn xây dựng, với tinh thần tương thân tương ái: *“Cục muối chia đôi, cục đường chia tám”*. Do đó, về vật chất, ngoài đồng lương, nếu có phúc lợi chính đáng thì từ công vụ đến bác sĩ, người lãnh đạo đều ăn đồng chia đều ngang nhau; ngoài ra cán bộ, nhân viên không được nhận bất cứ món quà nào riêng của bệnh nhân. Nó trở nên một nét văn hóa đẹp mà chính người viết bài này đã chứng kiến.

Về lãnh đạo bệnh viện 175, đồng chí Viện trưởng luôn luôn quan tâm chăm sóc như một khoa điểm để khoa có đủ phương tiện làm việc và trang thiết bị tốt phục vụ bệnh nhân.

Đặc biệt, riêng đối với bệnh nhân nghèo khó, gia đình neo đơn, cả bệnh nhân ra viện không người đón, khoa cũng giải quyết thỏa đáng, chăm lo chu toàn.

Về hướng những năm tới, Thượng tá bác sĩ Hồng Sơn bộc bạch chân tình: *“Điều cơ bản là giữ vững đoàn kết thống nhất nội bộ, giữ vững truyền thống*

đơn vị Anh hùng, bộ đội Cụ Hồ, thầy thuốc như mẹ hiền” như Bác đã dạy, phát huy tâm, y, đức, không ngừng bồi dưỡng về chuyên môn để kịp thời đáp ứng yêu cầu chăm sóc bệnh nhân với những trang thiết bị hiện đại.

Về phần yếu kém của khoa, bác sĩ Hồng Sơn nói: *“Trong suốt thời gian dài phục vụ khoa, chưa có vi phạm nào đáng kể về chuyên môn, duy chỉ về sinh hoạt, việc phân công ca kíp phục vụ, thời gian đi lại có lúc còn chệch choạc chưa thành nếp hoàn thiện, nhưng lãnh đạo có uốn nắn chân tình và anh chị em đã tự giác sửa chữa nghiêm túc”.*

A.X

*

CÓ MỘT DƯỢC SĨ NHƯ THẾ

Phạm Văn Máy

*T*rong cuộc đời của mỗi con người, có những dấu ấn, những kỷ niệm vẫn còn đọng lại mãi với thời gian cho dù năm tháng cứ qua đi. Đối với Lê Kim Chi, cái ngày 5 tháng 3 năm 1965 ấy, ngày chị băng rừng vượt suối vào chiến khu tiếp nối con đường cha anh đã chọn là một ngày đáng nhớ nhất trong đời.

Ra đời khi cha đã lên rừng đi kháng chiến. Năm 17 tuổi Kim Chi vẫn chưa từng được gặp mặt cha. Chi chỉ hình dung ra ba qua những lời kể của mẹ và bà ngoại. Ước muốn được gặp mặt cha cứ thôi thúc Chi hoài. Lúc còn nhỏ ở nhà với má với bà ngoại cứ mỗi lần nghe tiếng súng tiếng pháo nổ, lòng Chi lại nhói đau. Chiến tranh liên miên, ác liệt, không biết ba và các bác, các chú giờ này ra sao. Nỗi lo ấy theo Chi suốt

những năm tháng của tuổi ấu thơ. Khi đã lớn, đã ý thức được việc của mình làm, Chi xin phép má được vào chiến khu thăm ba. Nói là đi thăm vậy cho má yên lòng chứ trong lòng Chi đã quyết. Lên được chiến khu sẽ ở lại luôn. Qua sự móc rắp của mấy chú ở cơ sở, Chi vượt suối, băng rừng lên chiến khu. Biết con đường đi sẽ lắm gian nan nhưng cô sinh viên trường Đại học Dược khoa Sài Gòn đã quyết. Cô muốn được thử sức, muốn được đứng một chiến hào cùng với ba, các bác, các chú của Chi. Chi chỉ thương má và bà ngoại, lúc Chi đi rồi, má và bà ngoại và các em sẽ sống ra sao trước sự tra xét của kẻ thù. Đêm mùa đông trời tối đen như mực. Lặn lội, suốt đêm trên những nẻo đường rừng cùng với mấy chú dẫn đường, Chi đã bước đầu hình dung ra những nỗi gian nan vất vả mà Chi sẽ gặp sau này. Mặc - ý Chi đã quyết rồi. Những ngày đầu được sống với mấy chú mấy anh ở tỉnh đội Phước Thành, được sự quan tâm chăm sóc của các chú, các anh nỗi nhớ nhà, nhớ má, nhớ ngoại trong Chi cũng bớt dần. Làm quen với công việc của những người lính lúc đầu là phụ bếp rồi, vào rừng hái rau hái lá hàng ngày, Chi không từ nan một công việc gì các chú, các anh chị giao cho. Con gái thành phố chỉ biết ăn biết học chứ đã biết thế nào là gian khổ! Chi chỉ biết cố gắng làm trăm công việc được giao để mọi người hiểu rằng Chi có thể trụ được ở trên rừng. Khi đã quen dần với công việc, biết Chi đang học Đại học Dược khoa Sài Gòn, mấy chú xếp Chi về ban quân y Phước Thành. Ở ban quân y được

một thời gian, Chi được điều về xưởng Dược Quân khu miền Đông Nam Bộ. Tiếng là ở xưởng Dược chứ công việc Chi làm cũng không cách xa với công việc của người lính bao nhiêu. Chiến tranh gian khổ ác liệt, bom đạn địch đánh phá liên miên. Tiếp lương, tải gạo, cứu chữa thương binh là những công việc mà Chi đảm nhiệm hàng ngày. Hai lần bị thương khi trên đường đi công tác là 2 lần tưởng như Chi không sống nổi. Còn nhớ lần Chi cùng chú Mười Nhau với mấy anh chuyển cứ từ quân khu xuống phân khu 5. Hôm ấy cả đoàn hành quân băng rừng từ 3 giờ sáng. Đến hơn 9 giờ, khi đi qua trảng trống bỗng pháo địch từ đâu bắn xuống. Mảnh đạn pháo găm vào gan bàn chân và mông trái của Chi. Máu ra nhiều, Chi vẫn cố lết ra đến đường mòn rồi ngất xỉu. Đến khi chị Thủy nuôi quân tìm thấy công Chi đi thì cũng là lúc máy bay trực thăng địch quần tới. Biết mình bị thương nặng, Chi nói trong hơi thở: Chị Thủy ơi chắc em chết mất, chị để em xuống đây đi. Chi bị thương máu ra nhiều, chị Thủy làm sơ cứu vết thương rồi cố cõng Chi về đến đội phẫu tiên phương cứu chữa. Lần ấy Chi đã phải nằm viện điều trị vết thương đến 3 tháng mới ra viện. Bây giờ ngồi nhớ lại những kỷ niệm ấy Chi vẫn tự hỏi: không biết bây giờ mấy chị mấy anh trong trận pháo ấy nay có còn không? Thời gian trôi đi đã lâu nhưng ý nghĩ sẽ đi tìm gặp những con người gan dạ, dũng cảm đã không ngại hy sinh gian khổ cứu chữa đồng đội của mình vẫn luôn thôi thúc Chi phải đi tìm gặp.

Thời gian ở Phân khu 5 là giai đoạn chuẩn bị cho chiến dịch Mậu Thân 1968. Dịch căn cứ liên miên. Trải qua nhiều công việc khác nhau, Chi đã được tôi luyện trong gian khổ bom đạn ác liệt nhiều hơn và cũng từng bước trưởng thành. Chính ở chiến trường này, Chi đã vinh dự được đứng vào hàng ngũ Đảng, ngày 20 tháng 1 năm 1969. Sau đó, Chi được cử về R học lớp được sĩ trung cấp của trường quân được Miền (H40). Với vốn kiến thức được học trong những năm học tại trường Đại học Dược khoa Sài Gòn cộng với những kinh nghiệm rút ra từ thực tế những năm tháng ở chiến trường, cùng với sự nỗ lực của bản thân, kết quả học tập của Chi ở lớp thật đáng mừng. Chi được giữ lại trường làm công tác giảng dạy. Trách nhiệm của người đảng viên đòi hỏi Chi lại càng phải cố gắng nhiều hơn. Nhiều năm vào cứ cùng với mấy chú, mấy anh, Chi vẫn chưa được gặp ba. Chiến tranh liên miên luôn kéo ba vào những chiến dịch lớn. Thời gian về thăm Chi để ba con gặp nhau chưa có. Mãi đến khi Chi về R học tập và công tác Chi mới được gặp ba. Ba con gặp nhau vui mừng khôn xiết. Ôm Chi vào lòng, ba chỉ dặn: con cố gắng công tác, cố gắng phấn đấu để khỏi phụ lòng mong mỏi của gia đình và tổ chức. Hãy đứng bằng đôi chân và nghị lực của chính mình. Biết tính ba như vậy, Chi càng tự nhủ mình phải làm sao cho xứng đáng với niềm mong đợi của ba. Ba con gặp nhau trong giây lát ngắn ngủi chưa nói được gì thì ngày mai ba lại lên đường đi chiến dịch. Tiễn ba đi rồi quay về đơn

vị mà Chi cứ khóc hoài. Gặp ba rồi, Chi càng thấy mình nhỏ bé nhiều hơn. Sự hy sinh của ba sao mà lớn lao thế. Biết ba làm lớn nhưng Chi chưa hề ý thế ba. Dường như mấy chú, mấy anh trong đơn vị cũng hiểu được điều đó. Chính vì thế mà Chi được mấy chú yêu quý nhiều hơn. Chiến tranh ngày càng ác liệt, để chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài, cuối năm 1972 Chi được cử ra miền Bắc học tập. Mừng vì được ra miền Bắc, có điều kiện học hành để sau này về phục vụ ở chiến trường, buồn vì phải xa các chú, các anh - những người Chi đã từng cùng vào sinh ra tử, Chi cứ thấy buồn vui lẫn lộn trong lòng. Đi rồi không biết đến bao giờ mới được gặp lại. Chiến tranh mà, mấy tháng vượt Trường Sơn, Chi càng thấy ý nghĩa của con đường mà cha anh mình đã chọn. Bẵng rừng vượt suối, gian khổ khó khăn đạn bom hàng ngày nhưng đi đến đâu Chi cũng thấy đất nước mình đâu cũng đẹp - ngay cả trong những lúc bom đạn ác liệt nhất. Đến Hà Nội là một niềm vinh dự lớn đối với Chi. Bạn bè học cùng lớp CT10 với Chi hẳn chưa quên hình ảnh của cô thương binh đáng người nhỏ nhắn có phần xanh xao nhưng học giỏi của lớp ngày nào. Bao năm lẫn lộn ở chiến trường, giờ được về trường học tập, Chi tự nhủ mình phải cố gắng học tập cho thật giỏi, để khỏi phụ lòng mong mỏi của gia đình, các bác, các chú và hơn thế nữa Chi muốn được đem những kiến thức đã được học ở trường để sau này về phục vụ ở chiến trường. Với quyết tâm và nghị lực ấy, Chi lao vào học tập quên cả thời gian. Kết quả học tập, Chi

tốt nghiệp loại xuất sắc. Niềm vui trong những năm tháng học tại trường Đại học Dược Hà Nội như được nhân đôi - Chi đã gặp được người bạn đời của mình sau này. Đó là anh Trần Thanh Pôn, một học sinh miền Nam ra học và đã trưởng thành tại miền Bắc. Nghị lực, tình yêu đã tiếp cho Chi thêm sức mạnh. Ra trường, Chi được phân công về YS (xí nghiệp Dược phẩm 150 ngày nay). Bước đường công tác của Chi từ ngày ra trường (1976) đến nay gắn chặt với sự phát triển đi lên của xí nghiệp Dược 150. Những ngày đầu về công tác tại phòng KCS (1977) rồi phòng kỹ thuật (1978) rồi tới 10 năm liên tục làm quản đốc phân xưởng thuốc tiêm - phân xưởng chủ lực của xí nghiệp, hàng năm sản xuất hàng chục triệu ống thuốc tiêm, những kiến thức đã học được ở nhà trường cùng với sự cố gắng học hỏi ở các bạn đồng nghiệp, của những người đi trước, đã cùng với thời gian giúp Chi trưởng thành và khẳng định được mình. Những năm 1978-1988 là những năm tháng cực kỳ khó khăn đối với Chi. Con còn nhỏ, công việc sản xuất thuốc tiêm phục vụ cho chiến trường biên giới Tây Nam mỗi ngày mỗi lớn. Sức khỏe của người mẹ vốn đã không được khỏe mạnh vì những vết thương cùng với cường độ lao động quá cao có lúc tưởng như Chi đã kiệt sức.

Năm 1981, Chi bị thâm nhiễm lao (nám phổi). Sau khi điều trị khỏi, Chi lại lao vào công việc, không kể giờ giấc. Thương vợ vất vả, anh Pôn chồng Chi đã phải giúp Chi rất nhiều, thay Chi chăm con khi vợ đang bận công tác để Chi dồn sức cho công việc

của mình. 10 năm làm quản đốc phân xưởng thì 7 năm phân xưởng liên tục là phân xưởng quyết thắng của xí nghiệp. Những kiến thức và kinh nghiệm về công tác quản lý, điều hành sản xuất đã giúp ích rất nhiều cho công tác lãnh đạo xí nghiệp của Chi sau này. Tháng 4 năm 1988, Chi được đề bạt làm Phó Giám đốc xí nghiệp. Trách nhiệm công việc lại càng đè nặng lên vai Chi. Cùng với tập thể Ban Giám đốc, Chi coi xí nghiệp như là gia đình thứ hai của mình, cùng tập thể lãnh đạo và công nhân xí nghiệp cùng nhau vượt khó đi lên. Các chú Tư Sanh, Hai Huệ, anh Tuyển, anh Lương, những người đã cùng Chi gắn bó với xí nghiệp cùng với tập thể công nhân viên xí nghiệp 150 vẫn nhắc về Chi với một tình cảm hết sức quý mến trân trọng. Gắn bó với đơn vị, hết lòng với công việc, thẳng thắn nhưng chân tình giúp đỡ mọi người đó là đức tính quý báu của Chi. Thực tế đã trả lời bằng những việc làm cụ thể của mình, Chi đã tự khẳng định được mình. Niềm tin của cấp trên, của cán bộ, công nhân viên xí nghiệp đã gửi gắm vào Chi. Tháng 6 năm 1996, do yêu cầu của tổ chức, xí nghiệp 150 được ghép lại cùng với xí nghiệp 120, xí nghiệp 130 thành công ty Dược và Thiết bị y tế quân đội, Chi được đề bạt làm Phó Giám đốc công ty kiêm Giám đốc xí nghiệp 150. Công việc quản lý, điều hành sản xuất trước yêu cầu phát triển của ngành Dược quân đội, đòi hỏi Chi phải phấn đấu vươn lên không ngừng. Đến bây giờ khi đã bước vào tuổi 52, Chi vẫn còn phải tranh thủ học. Học trên thực tế, học trên sách vở, học

những lớp học về công tác quản lý hành chính, học về quản lý kinh tế rồi tiếp tục học ngoại ngữ để nâng cao trình độ nghiệp vụ... để áp dụng vào công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất. Với cương vị Phó Giám đốc công ty kiêm Giám đốc xí nghiệp, cùng với tập thể Ban Giám đốc công ty, bằng sự cố gắng của mình, Chi đã tiếp tục đưa xí nghiệp 150 trở thành con chim đầu đàn trong công ty, cả về hiệu quả sản xuất kinh doanh, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện. Trong điều kiện cạnh tranh gay gắt hiện nay, trước yêu cầu đổi mới và phát triển của xí nghiệp, Chi xác định cần phải cố gắng nhiều hơn để xứng đáng với niềm tin yêu của cấp trên và tập thể người lao động xí nghiệp gửi gắm. Hơn 20 năm gắn bó với xí nghiệp 150, dù ở bất cứ cương vị nào, từ phòng KCS, phòng kỹ thuật rồi quản đốc phân xưởng, Phó Giám đốc rồi Giám đốc xí nghiệp, Bí thư Đảng ủy trong con người Chi vẫn chưa hề sút giảm ngọn lửa nhiệt tình trách nhiệm trước công việc, trước tập thể xí nghiệp bởi một phần cuộc sống của Chi đã gắn bó với xí nghiệp rồi.

*

Khi viết những dòng này về chị Đại tá Lê Kim Chi, tôi không thể không nhắc đến anh Trần Thanh Pôn, tiến sĩ giáo dục dân tộc học chồng chị - người mà chị coi là điểm tựa vững chắc cho chị trong suốt hơn 20 năm qua. Anh là người đã gánh vác công việc, hỗ trợ chị rất nhiều, chăm sóc cháu Trần Thị Hương Anh, đứa con gái duy nhất của anh chị để chị dồn sức

lo cho cả tập thể lớn là xí nghiệp 150. Tuy vậy những lúc hết công việc, chị lại trở về với thiên chức của một người vợ - người mẹ, vợ chồng cùng nhau sum họp bên bữa cơm gia đình hay cùng nhau đến thăm ông bà ngoại. Lúc ấy cuộc sống của anh chị hạnh phúc biết nhường nào.

Biết rằng viết về chị là một điều rất khó bởi suốt cả cuộc đời hơn 30 năm đi theo cách mạng của chị chỉ tóm lược trong vài trang sách, tôi cứ nghĩ như vậy có đủ chẳng! Nhưng bên cạnh cái băn khoăn ấy của tôi, tôi còn có niềm tin vào những gì tôi đã được nghe, được thấy về gia đình của chị - một gia đình với ba thế hệ cầm súng chiến đấu giải phóng và bảo vệ Tổ quốc. Và tôi nghĩ chị đã xứng đáng với truyền thống gia đình, quê hương của chị. Điều ấy mới thật đáng quý, đáng trân trọng biết bao!

P.V.M

KÝ ỨC VÀ TRÁI TIM

Trần Thế Tuyển

Một

Năm nào cũng vậy, Tết đến, dù bận thế nào, Năm cũng tìm đến thăm nhà má Hai. Mấy chục năm rồi, cảnh vật ở đây đã đổi khác và cả ngôi nhà của vợ chồng má Hai cũng đổi khác, nhưng ký ức về những ngày ác liệt gian khổ ấy, đối với Năm vẫn còn y nguyên.

Lần này trở lại thăm gia đình má Hai, Năm không còn là cậu chiến sĩ thông tin của tiểu đoàn 1 Quyết thắng lừng danh cách đây hơn 30 năm nữa, mà đã là Phó Tư lệnh Chính trị của một binh đoàn chủ lực được mang tên chín dòng sông đầy ấp phù sa. Mái tóc đã bắt đầu điểm bạc, nhưng sự hồn nhiên, trẻ trung vẫn còn ăm ắp trong anh, chỉ có điều khác trước nó không “bong ra ngoài” như thời trai trẻ mà

chín dần, chín dần theo năm tháng, với cương vị công tác mới ngày một nặng nề thêm.

Năm bước vào căn nhà mà chỉ cần nhắm mắt lại thôi, anh đã thấy gương mặt của biết bao đồng đội hiện về. Sắp đến Tết, không khí đón xuân thật nhộn nhịp. Mai vàng đã chúm chím nở. Căn nhà lợp ngói, tường xây cũ kỹ cách đây 31 năm, mà nhờ nó, anh và đồng đội thoát hiểm, giờ đây đã được thay thế, bởi ngôi nhà khang trang, đầy đủ tiện nghi. Nhưng tất cả sự đổi thay ấy, không làm Năm quên đi kỷ niệm một thời máu lửa.

Đó là Tết Mậu Thân năm 1968, Năm được phân công tăng cường theo tiểu đoàn 1 Quyết thắng tấn công vào thành phố Sài Gòn. Từ Tân Thới Hiệp (Hóc Môn), đơn vị anh vượt qua An Phú Đông, Gò Vấp đánh vào cổng số 4 Bộ Tổng tham mưu ngụy. Sau mấy tháng chiến đấu liên tục, đơn vị bị tổn thất nặng nề. Khi rút ra, tiểu đoàn 1 chỉ còn 6 người. Vốn người nhỏ thó, lại phải chiến đấu dài ngày, thức trắng nhiều đêm, Năm gầy đét như con cá khô. Nhưng trên vai anh lúc nào cũng phải tải từ 25 đến 30kg, trong đó có chiếc máy bộ đàm K63 nặng gần 20kg. Năm cùng Khoai - bạn chiến đấu của mình dò dẫm đi về phía tiếng súng nổ tìm đơn vị. Nhưng trận địa chỉ còn khét lẹt khói đạn và tiếng những tấm tôn gập gió loảng xoảng rung lên như có ai ào ào bước qua. Đang mò mẫm đi, bỗng một quả cối từ đâu phóng tới, rồi liên tiếp hai ba quả nữa. Khoai bị thương vào lưng, máu chảy ra nhiều, nhưng Khoai không hề rên la. Năm xé

băng cá nhân băng lại vết thương cho Khoai rồi dìu bạn vào một ngôi nhà cạnh đó. Máu ra nhiều, Khoai khát nước, nhưng biết lấy nước ở đâu bây giờ? Dân đã đi sơ tán hết. Những căn nhà đóng kín mít kia thật hấp dẫn và đầy bí hiểm. Cầm chắc khẩu AK trong tay, nằm bên người bạn chiến đấu đang bị thương mỗi lúc càng thêm kiệt sức, Năm càng thấu hiểu lời cha dặn trước lúc đi chiến trường: “Chiến tranh không phải trò đùa đâu con. Như nhà thơ Tố Hữu đã viết: “Đời cách mạng từ khi tôi đã hiểu, dần thân vô là phải chịu tù đầy...”. Trong hoàn cảnh này, Năm và đồng đội của anh không bị “tù đầy”, nhưng còn hơn thế nữa. Ác liệt quá, cái sống, cái chết chỉ cách nhau bằng sợi chỉ mong manh. Ác liệt, gian khổ và bất cứ lúc nào cũng có thể hy sinh nhưng Năm không sợ, anh chỉ lo không tròn trách nhiệm. Nằm bên Khoai, Năm bỗng nhớ đến ánh mắt của chính ủy Lê Hoàng Phái chiều nay. Trong chiến đấu, nhất là khi khó khăn ác liệt, có chính ủy bên cạnh, người ta cảm thấy lòng mình ấm lại, như là một chỗ dựa tinh thần không thể thiếu. Nhưng chính ủy Phái cũng đã vĩnh viễn ra đi. Một quả pháo bắn gần đã đánh gục ông. Trước khi tắt thở, chính ủy Phái, người bạn chiến đấu của cha anh đã nắm chặt bàn tay Năm thều thào nói trong hơi thở yếu ớt:

- Năm à, quân đội ta là quân đội cách mạng, sống chết vì nhân dân. Nếu có chết thì hãy chết cho xứng đáng, chết ngay trên chiến trường. Cháu ráng ở lại cùng đồng đội chiến đấu nhé!

Mắt Năm nhòe đi. Anh cắn chặt môi để không bật thành tiếng. Năm biết bây giờ không phải lúc. Chính ủy tắt thở, Năm cùng đồng đội chôn ông rồi lại tiếp tục tìm đường trở về đơn vị.

Đang băng bó lại vết thương cho Khoai, Năm bỗng phát hiện có hai bóng người từ xa đang dò dẫm tiến về phía anh. Khẩu AK trong tay Năm sẵn sàng rung lên. Để mục tiêu đến thật gần. Năm nhận ra Hòa, đại đội trưởng. Mừng quá, cả tốp thay nhau cõng Khoai. Họ dò dẫm từng bước đi về phía căn nhà cạnh đường. Ấy là nhà của má Hai. Cả tốp vào nhà má Hai. Biết sáng ra thế nào địch cũng đi lục soát, họ nằm như dán mình trên trần nhà. Quả nhiên, khi trời sáng bọn địch kéo tới. Dẫn đầu là một tên thiếu úy có dáng người nhỏ thó, theo sau một tên lính Mỹ to lớn, kền càng. Bọn địch phá cửa vào nhà, nhưng may thay chúng không phát hiện ra các anh. Bọn địch đi, vợ chồng má Hai quay về thăm nhà.

Thoáng qua, biết trong nhà có “người đảng mình”, hằng ngày vợ chồng má Hai vẫn đi chợ mua đồ ăn về để trong nhà. Vừa đói, vừa khát nhưng Năm và anh em không dám xuống ăn. Biết không thể nhịn đói mãi được, mấy ngày sau anh Hòa, đại đội trưởng quyết định phải lên tiếng. Như biết chuyện ấy từ lâu, chú Hai nói:

- Không phải nói nhiều. Anh em cứ tự nhiên sử dụng các đồ dùng trong nhà. Tôi sẽ tìm cách móc nối để đưa anh em ra chiến khu.

Thật may mắn, gần một tháng sau, dì Sáu, một người trong gia đình má Hai đã đưa lực lượng nội thành tới. Chị Bảy ở cánh nội thành quận 3 đã tổ chức cắt tóc, chụp hình làm giấy tờ giả để đưa anh em ra vùng tự do. Năm nhớ mãi khi chia tay gia đình má Hai, anh xúc động không cầm được nước mắt. Ngồi sau xe hon đa của chị Bảy, Năm cứ nhìn mãi căn nhà nhỏ thân thương trong xóm Cây Thị ấy đã chở che nuôi giấu anh và đồng đội. Bảy dặn:

- Em cứ ngồi yên sau xe. Gặp bọn lính cứ làm lơ, đừng nhìn chúng. Mọi việc để chị lo.

Chị Bảy chở Năm vượt qua mấy bót gác của địch rồi giao Năm cho một cô gái khác, đó là chị Mười. Mười đưa Năm qua Bình Lợi rồi sang xã Vĩnh Phú về căn cứ.

Vượt qua Chánh Lưu, qua đường 13 về sông Thị Tím, Năm bồi hồi nhớ lại cách đây hơn 3 năm cũng từ đây anh xuất phát ra đi làm cách mạng. Ấy là mùa hè năm 1965 lúc đó Năm mới 17 tuổi. Chưa được chuẩn bị thử làm giải phóng quân, nhưng mấy lần Năm đã vào chiến khu. Năm nhớ mãi lần đầu tiên chị Kim đưa Năm vào chiến khu Đ thăm ba. Sinh ra và lớn lên ở thị xã Thủ Dầu Một vốn nổi tiếng là thơ mộng, nhưng Năm thấy rừng xanh còn thơ mộng hơn nhiều. Từ Chánh Lưu hai chị em đi bộ 2, 3 ngày liền mới tới căn cứ. Sống trong vùng địch tạm chiếm, nghe chúng tuyên truyền về Việt cộng bảy người leo cọng đu đủ không gãy, Năm chỉ tùm

tìm cười. Việt cộng là ai, chính là ba, là anh Hai và các chị của anh chứ còn ai khác. Đúng là cuộc sống của người lính giải phóng quân so với cuộc sống đô thị có phần kham khổ, thiếu thốn nhiều, nhưng thật huyền diệu! Đêm đầu tiên ngủ rừng với ba, Năm không sao chợp mắt được. Nghe tiếng suối róc rách chảy, tiếng chim thú kêu đêm, anh bỗng thấy như mình đang sống trong mộng. Năm ước ao mình mau lớn để được theo ba đi làm cách mạng. Bây giờ Năm đã trở thành anh giải phóng quân thực thụ, đặc biệt cuộc thử thách dữ dội trong lòng địch vừa qua đã làm anh lớn lên nhiều. Năm khát khao được gặp ba, để báo cáo với ba những gì mà anh và đồng đội vừa vượt qua.

Từ vùng địch tạm chiếm trở về, Năm được bổ sung vào đơn vị trinh sát của Trung đoàn Quyết Thắng và được đề bạt từ tiểu đội trưởng lên trung đội trưởng. Lại tiếp tục bám địch, đánh địch. Nhân đợt tổng kết khen thưởng, Năm được đề nghị tặng thưởng 2 huân chương chiến công và đề bạt lên làm đại đội phó. Hết chiến dịch này đến chiến dịch khác, Năm vẫn chưa được gặp ba. Một lần, dẫn đơn vị đi trinh sát, Năm bị bom B52 đánh trúng hãm, vết thương thấu đùi. Đồng đội đưa anh vào Quân y viện K.71A. Điều trị được vài ngày, Năm mới hay tin ba anh đang làm Chính ủy của bệnh viện. Năm sung sướng, chờ đợi phút giây gặp ba. Chắc là ba ngạc nhiên và vui mừng lắm. Một buổi trưa, từ buồng bệnh, Năm len lén lên gõ cửa phòng Chính ủy. Khi Năm đứng nghiêm báo

cáo ba theo tác phong của người lính, thì ba anh bàng hoàng nói không lên lời.

- Có đúng thằng Năm đấy không con?

Năm chạy lại ôm chầm lấy ba.

- Con là Năm của ba đây mà!

Ba anh không nhận ra đứa con trai bé bỏng của mình nữa. Một phần vì chiến trường ác liệt quá, Năm gầy đi nhiều, da tái xanh tái mét. Phần vì trước đó đơn vị đã làm thủ tục báo tử cho anh. Mấy tháng nay, ba anh giữ kín tin đau buồn ấy, không muốn cho mẹ và các anh chị em của anh biết. Bây giờ Năm trở về như từ trên trời rơi xuống. Anh đứng trước mặt ba, nhoen miệng cười. Đúng là chiến tranh có thể làm khuôn mặt con trai ông thay đổi, nhưng đôi mắt và nụ cười ấy thì chẳng lẫn vào đâu được.

Suốt đêm ấy, Năm được ngủ bên ba. Như đứa trẻ đi lâu ngày trở về, cái gì Năm cũng muốn kể cho ba nghe. Nào là những ngày anh ở Ban Chính trị của tỉnh, làm nhiệm vụ ghi tin đọc chậm. Vị phụ trách cơ quan thấy cái dáng thư sinh của anh cứ nghi anh xuất thân từ giai cấp tiểu tư sản nên luôn luôn: "Cách mạng trước hết là lao động. Lao động là để cải tạo mình, rèn luyện phẩm chất và xây dựng ý chí chiến đấu". Nào là trận "đụng" lũ dù 173 Mỹ năm 1967. Đó là trận đánh Mỹ đầu tiên đối với Năm. Nhìn bọn Mỹ nhảy dù xuống căn cứ như nắm mồi, anh cứ hình dung như mình đang tham gia trận đánh Điện Biên Phủ năm xưa. Bọn Mỹ nghi xương sủa chữa thông

tin của đơn vị anh là Sở chỉ huy mặt trận, nên tập trung hỏa lực tấn công. Năm cùng với Tồn và Tám “đụng” chúng suốt mấy tiếng liền. Trận đánh ấy đơn vị anh được khen thưởng. Chỉ gần 20 tay súng “lính cơ quan” mà đụng độ với một đại đội Mỹ, tiêu diệt và làm bị thương trên 100 tên. Riêng tổ của Năm tiêu diệt gần 20 tên Mỹ...

Nghe Năm kể lại, ba vui lắm. Có mấy đứa con cùng tham gia kháng chiến, nhưng ông thương Năm nhiều nhất. Tội nghiệp, người nó nhỏ, sức yếu, nhưng ý chí thì chẳng thua chị, kém anh...

Tất cả những chuyện ấy như một cuốn phim chậm chậm hiện lên trong đầu Năm. Mỗi lần trở lại căn nhà của má Hai Cây Thị, Năm không quên thấp riêng nén nhang tưởng nhớ chính ủy Phái và biết bao đồng chí, đồng đội của anh đã ngã xuống trong chiến dịch Mậu Thân lịch sử ấy.

Hai

Tôi ngồi trong căn phòng đơn sơ tại nhà riêng của anh. Buổi sáng chủ nhật cuối năm tiết trời thật mát mẻ. Ngoài sân, những cánh mai vàng đã bắt đầu hé nở, báo hiệu mùa xuân sắp về. Tôi biết công việc cuối năm của người chủ trì công tác Đảng, công tác chính trị ở một binh đoàn chủ lực đối với Năm thật bề bộn. Nhưng anh đã hứa sẽ ngồi với tôi cả buổi sáng. Đêm qua, khuya lắm Năm mới gọi điện “gút” lại cuộc

hẹn này. Và, anh không quên báo tin “bà Ngọc” (vợ anh) đã chuẩn bị món nhậu cho chúng tôi nữa. Cả Triệu Xuân cũng sẽ có mặt. Xuân là bạn cùng chỉ huy sư đoàn với Năm cách đây không lâu vừa đi công tác bên Mỹ về. Hiện anh là Đại tá Phó tham mưu trưởng quân khu, cũng là một trong những người bạn chiến đấu thân thiết, lâu ngày của chúng tôi.

Bây giờ thì tôi đã ngồi trước mặt Năm. Từ lâu rồi, cứ mỗi lần chúng tôi gặp nhau chuyện cũ, chuyện mới, chuyện ta, chuyện tây cứ liên hồi tưởng như không dứt được. Thực ra, tôi gặp Năm mới chỉ hơn chục năm nay. Còn tôi biết Đại tá Lê Bình, cha của anh trước đó nhiều; bởi, lúc ấy tôi là phóng viên của tờ báo quân khu và cha anh là cán bộ của Cục Hậu cần Miền, sau về làm Chính ủy Cục Hậu cần quân khu. Chưa gặp Năm, nhưng tôi đã biết “tiếng” anh qua lời kể của bạn bè, đồng đội. Sinh ra và lớn lên trong một gia đình có truyền thống cách mạng, 17 tuổi đang học dở trung học (đệ tam), Năm đã trốn lên rừng theo ba và các anh, chị làm cách mạng. Trực tiếp ở đơn vị chiến đấu gần chục năm, năm 1974, Năm được cử ra Bắc học văn hóa. Và, cũng chính những ngày về “thủ phủ” Lộc Ninh, chuẩn bị vượt Trường Sơn ra Bắc, anh đã gặp cô gái Cần Thơ xinh đẹp, đó chính là Ngọc, vợ anh bây giờ. Nói về chuyện này, đã hơn 20 năm trôi qua, nhưng tôi vẫn thấy từ trong giọng nói đến ánh mắt của họ vẫn còn nguyên vẹn cảm xúc “cái thuở ban đầu lưu luyến ấy”.

Đó là những ngày sau Hiệp định Pari về việc Mỹ rút quân hoàn toàn khỏi đất nước ta được ký kết. Trong một lần đến Thị đội Lộc Ninh thăm anh Hai, Năm gặp một phụ nữ quê ở Cần Thơ. Ngay từ lần gặp đầu tiên, Năm đã thấy người phụ nữ này gần gũi, thân thiết với anh như mẹ, như chị ở nhà. Qua lời kể, Năm biết chồng bà đi tập kết ngoài Bắc, hiện tại bà còn một người con gái đang tham gia cách mạng ở Cần Thơ. Như duyên tiền định, có ai ngờ đâu trong danh sách những người lên đường ra Bắc học tập đợt ấy lại có tên Ngọc - con gái bà. Từ T3 (miền Tây) lên Lộc Ninh, Ngọc hồi hộp chờ ngày gặp mẹ. Nhưng thật bất hạnh cho chị khi Ngọc đến vùng giải phóng, thủ phủ của chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam thì mẹ chị không còn nữa. Cách đó hơn một tuần, bà đã hy sinh trong một trận đánh bom của địch. Ngọc như điên dại vì sự hụt hẫng, đau đớn đó. Giữa lúc ấy, cũng như bao đồng đội khác, Năm xuất hiện. Anh rút rè an ủi, chia sẻ với người con gái - một đồng đội mà lần đầu anh gặp.

Đầu năm 1974, Năm và Ngọc cùng vượt Trường Sơn ra Bắc. Hơn một tháng trời hành quân dọc chiều dài đất nước, Năm luôn gần gũi, an ủi, giúp đỡ Ngọc. Nhưng anh không dám bày tỏ tình cảm riêng, ngoài tình đồng chí, đồng đội. Ngọc biết rõ điều ấy. Vừa tròn hai mươi tuổi, dáng người đầy đặn, da trắng, lại có nụ cười thật tươi, Ngọc đã làm bao chàng trai thương thầm, trộm nhớ. Nhưng tất cả đều được gác

lại. Mang theo nỗi đau mất mẹ, mục tiêu lớn nhất của Ngọc là giữ gìn sức khỏe vượt Trường Sơn ra Bắc học tập, để xứng đáng với mẹ, với bao nhiêu đồng đội của chị đã ngã xuống.

Ra tới miền Bắc, Năm được cử đi Trung Quốc còn Ngọc lên học tại Trường Văn hóa của quân đội ở Lạng Sơn. Dù xa Năm, nhưng Ngọc vẫn không thể nào quên Năm được - một chàng trai Bình Dương ít nói, thỉnh thoảng cứ len lén nhìn chị, tủm tỉm cười. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30-4-1975), cả Năm và Ngọc đều tốt nghiệp cấp 3. Với quân hàm trung úy, Năm được điều về làm trợ lý cán bộ trung đoàn thông tin Quân khu 9. Còn Ngọc được chọn đi học lớp sơ cấp chính trị, sau đó chị được cử đi học Đại học Dược ở thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1977, như trái chín đã đủ ngày đủ tháng, Năm và Ngọc làm đám cưới. Tình yêu đã chấp cánh cho họ. Sau ngày cưới, Năm ngược ra Bắc, trở lại Trường Văn hóa Lạng Sơn để học ngoại ngữ, chuẩn bị theo học khóa đào tạo dài hạn của Học viện chính trị quân sự.

Năm 1981, tốt nghiệp vào loại ưu khóa 15 hệ đào tạo của Học viện chính trị quân sự, Năm được điều về làm Trưởng ban cán bộ Bộ tham mưu Quân khu 9 rồi phó phòng chính trị Bộ tham mưu, phó phòng khoa học quân sự, phó văn phòng Bộ tư lệnh Quân khu 9. Những ngày cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam diễn ra quyết liệt, với nhiệm vụ trợ lý Tư lệnh

quân khu, Năm đã có dịp cọ xát chiến trường. Những vấn đề lý luận anh đã học nay có dịp được thể hiện trong thực tiễn chiến đấu. Đây là thời gian quý báu cần thiết để hình thành trong Năm tư duy về công tác Đảng, công tác chính trị, đặc biệt những biện pháp tư tưởng để nâng cao sức chiến đấu của bộ đội.

Năm 1988, từ Quân khu 9, Năm được điều về làm Phó Chủ nhiệm chính trị sư đoàn N. rồi Phó sư đoàn trưởng về chính trị. Tại đây, Năm đã gặp Triệu Xuân, Anh hùng quân đội, người mà Năm đã mến mộ từ lâu. Cặp bài trùng sư đoàn trưởng Triệu Xuân và Bí thư Đảng ủy sư đoàn Lưu Năm đã góp phần rất đáng kể trong việc giữ vững danh hiệu sư đoàn 2 lần Anh hùng.

Và, tôi đã gặp Năm ở đó, trong một chuyến công tác trở về sư đoàn cũ của tôi. Đêm ấy, trên biên giới Tây Ninh chúng tôi nằm bên nhau nói chuyện gần như tới sáng. Tôi nói với Năm rằng, tôi về sư đoàn trước anh gần 20 năm, chỉ có điều khác là tôi về với cương vị cán bộ tiểu đội còn anh với cương vị Chính ủy sư đoàn.

Cứ ngỡ, ngỡ như thế về câu chuyện giữa chúng tôi tưởng như không dứt, rất tâm đầu ý hợp. Năm say sưa với đề tài công tác tư tưởng. Anh trần trụi, phải làm sao nâng cao hiệu quả công tác Đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang, đặc biệt việc giáo dục mục tiêu lý tưởng cho lớp trẻ, hạn chế đến mức thấp nhất tình hình vi phạm kỷ luật của bộ

đội và nâng cao đời sống cả vật chất lẫn tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ.

Tôi đã biết cha anh - Đại tá Lê Bình qua thực tiễn công tác và qua những tác phẩm mà ông viết về một bệnh viện đánh giặc. Được tận mắt chứng kiến các công việc mà Năm đang làm và những suy nghĩ của anh, tôi thấy lấp lánh trong anh một điều gì đó. Những - "điều gì đó" mà tôi không thể nói ra bằng lời một cách cụ thể trước đây đã trở thành sự thật hôm nay. Sau thời gian ngắn về làm Phó chủ nhiệm chính trị quân khu, tháng 12 năm 1995, Năm được điều về làm Phó tư lệnh chính trị binh đoàn.

Vậy là cậu học trò trung học của đất Bình Dương giàu truyền thống cách mạng năm xưa, sau gần 30 năm chiến đấu và học tập đã trở thành Chính ủy. Con hơn cha nhà có phúc. Các cụ ta dạy thế!

Chúng tôi đang lan man chuyện cũ, chuyện mới thì chị Ngọc khẽ nện đưa đồ nhậu lên. Thấy ánh nhìn tinh nghịch của tôi, Ngọc nói:

- Các anh nói xấu gì em đấy?

Tôi nói với Ngọc rằng, chúng tôi có nói xấu gì chị đâu, chỉ đang kể về một người đẹp Tây Đô đã lọt vào mắt xanh của chàng trai đất đỏ miền Đông gian lao mà anh dừng đấy thôi. Ngọc cười. Từ trong ánh mắt và nụ cười của chị, tôi biết chị đang hạnh phúc lắm.

Vẫn là các món ăn chúng tôi ưa thích: Khô cá lóc miền Tây trộn với xoài xanh, chấm nước mắm

me. Cầm ly rượu đưa cho tôi, giọng Năm xúc động:

- Có được ngày hôm nay, nhìn lại, mình thấy có phần đấu bao nhiêu cũng không đủ, không thể nào đền đáp được công ơn sinh thành, nuôi dưỡng của cha mẹ; sự rèn luyện, dạy dỗ của Đảng; quân đội và sự hy sinh của đồng chí, đồng bào...

Thấy ánh mắt Ngọc thoáng buồn. Tôi biết cũng như chồng, Ngọc đang nghĩ về những tháng ngày gian khổ ấy; những người đã mãi mãi nằm xuống ấy; trong đó có người mẹ kính yêu và chính ủy Phái - người đã có ảnh hưởng rất lớn đến Năm - người bạn đời thân yêu của chị.

Tân Sơn Nhất,
đêm cuối năm 1998

T.T.T

*

CUỘC SỐNG TRONG VÒNG TAY MẸ

Anh Xuân

*T*rời nhá nhem tối. Chốc chốc lại rộ lên từng loạt súng. Rồi lựu đạn, pháo cối... Không khí nồng nặc, khét lẹt mùi thuốc súng.

Lượng, khổ người dong dỏng gầy, bước đi chắc và nhẹ nhàng, vai khoác tiểu liên AK, nói với Khoai bạn chiến đấu của mình:

- Ta dò dẫm đi về hướng có tiếng súng nổ chắc sẽ gặp lại đơn vị.

Khoai, người dáng lùn mập mạp gật đầu. Hai chiến sĩ trẻ đi sát bên nhau thận trọng từng bước. Trên bầu trời những vì sao nhấp nháy...

Xóm vắng tanh không một bóng người, không một ánh đèn. Nhà cửa san sát nhô lên cái cao, cái

thấp trong bóng đêm kỳ dị. Lượng và Khoai thần kinh căng thẳng như dây đàn. Dân tản cư đi hết. Đi về đâu bây giờ?

Bỗng một quả cối nổ rầm. Rồi quả thứ hai... thứ ba... Một tiếng “ồ” khô khan phát ra từ Khoai. Anh gọi nhỏ: “Lượng, mình bị thương ở lưng!” Hai tiếng “bị thương” làm cho Lượng choáng váng. Nhưng anh kịp trấn tĩnh, bò men lại phía Khoai. Lượng lấy cuộn băng cá nhân luồn qua bụng, băng vết thương ở lưng cho Khoai. Máu chảy ra ướt cả tay anh! Máu cứ rỉ ra mãi trong khi không có một thứ thuốc gì! Anh như nghẹt thở, cổ khô khốc. Súng các cỡ của địch thì cứ đi đùng không ngớt. Khoai quần quai nằm đó. Con khát giày vò anh ghê gớm. Chiếc bình toong không còn giọt nước.

- Nè Khoai! Lượng rỉ tai bạn - Mình đi tìm nước, ráng chịu đau, một lát mình trở lại.

Nửa giờ sau Lượng trở lại chỗ Khoai với bốn đồng đội nữa, có đại đội trưởng của mình. Sức mạnh của họ được nhân lên, nhưng trước mắt vẫn là bức tường cao.

Hòa, đại đội trưởng với giọng trầm ngắt quãng, cho biết địch đang khép kín vòng vây. Các anh đã nhiều lần xoi đường để thoát ra nhưng vô hiệu. Lần nào cũng đụng địch bắn trả quyết liệt. Một không khí im lặng bao trùm. Hòa nghiêm giọng nói:

- Các đồng chí! Bây giờ hẳn không đuổi kịp

đơn vị nữa rồi. Địch đã bao vây bốn bề. Làm thế nào bây giờ?

Phút im lặng trôi qua. Bỗng Lượng lên tiếng:

- Bây giờ đã mười một giờ đêm rồi! Chúng ta còn chằng ràng ở đây thật nguy hiểm. Chỉ còn một con đường sống là bám trụ chiến đấu trong một nhà nào thật kín đáo. Nếu địch phát hiện: lấy máu đổi máu! Chúng ta quyết không đầu hàng mà sẽ trả lời bằng đạn! Nếu tình huống thuận lợi, khi gặp dân sẽ tùy cơ ứng biến.

Mọi người tán thành. Họ dò dẫm thận trọng từng bước, hết khu nhà này đến khu nhà khác. Bom đạn làm đổ nát nhà cửa, vườn tược. Mãi đến 2 giờ sáng, họ đến một căn nhà ngói, cửa đóng kín bốn bề. Sau khi đi vòng quanh quan sát, Lượng nói:

- Nhà này đảm bảo kín đáo vì các cửa đều đóng chặt. Nếu ta lọt được vào bên trong không để lại dấu vết thì địch sẽ khó nghi ngờ.

Họ trổ được trên nóc một lỗ to và từ đó lần lượt chui xuống gác nhà. Khoai phải cẩn thận chịu đựng vì vết thương của anh nằm một chỗ còn đau đớn hướng chi lại leo trèo và ép mình trên gác kín. Căn gác có đà ngang chắc chắn, mái lợp bằng phibro, trần bằng giấy cạc-tông tuy dày nhưng mỏng manh so với sức nặng của 6 người. Anh em ngồi chịu trên cây đà, tay bám chặt vào ruồi kèo. Họ dành một chỗ thoải mái cho Khoai. Mọi việc xếp xong xuôi, Hòa

nói, giọng đanh lại: “Tử thủ”. Im lặng. Mọi người đeo đuổi một ý nghĩ riêng. Sẽ là cuộc đối đầu không cân sức giữa ta và địch.

*

Bình minh đã bắt đầu. Ánh mặt trời tỏa trên cảnh vật qua một đêm khốc liệt của Tết Mậu Thân năm 1968 lịch sử, nhuộm một màu vàng buồn. Với 6 chiến sĩ quân giải phóng đang ém trên gác nhà vắng chủ, ánh sáng ấy còn báo hiệu một ngày thử thách đá vàng.

Ánh sáng ban mai phản chiếu mặt ai cũng xanh xao, hốc hác, cặp mắt quầng đen sâu hoắm. Riêng Khoai, nằm im như khúc gỗ. Anh chịu đựng mọi sự đau đớn một cách cứng cỏi, mắt nhắm nghiền, môi mím chặt cố không để thoát ra một tiếng rên.

Bỗng Lượng khoát tay ra dấu. Anh em đoán là lính sắp vào nhà. Ngoài sân có tiếng vọng vào: “Báo cáo thiếu úy! Các cửa trong nhà đều khóa chặt không vào được. Xin lệnh thiếu úy”.

“Bẻ khóa, phá cửa mà vào! Coi chừng Việt cộng trong nhà lấy họng đó nghe”. Một mệnh lệnh đanh gọn phát ra.

Đùng, rầm... ùng rầm... Cái trần nhà rung lên. Anh em trên gác mở to mắt nhìn nhau, mặt trắng bệch như phấn.

Một tên Mỹ đi quanh nhà với tên thiếu úy. Chúng đứng lại giữa sân bật lửa hút thuốc, nói

chuyện, có lúc chỉ lên mái nhà nơi cảnh mạn gác ngang.

Lát sau, hai tên lính đi xông xộc vào nhà, nhìn lên lầu la-phông. Tên nọ bảo tên kia: “Mày leo lên xem coi có Việt cộng ẩn núp trên đó không?”.

- Trên đó tối om như trong hang động mà thấy gì. Việt cộng đã bị bắt ráo, còn đâu mà ẩn với núp?
- tên lính phản kháng - Tao nói không còn Việt cộng, mày giỏi thì leo lên đi.

Tên lính ra lệnh bước đến chiếc ghế đứng lên, chọc nòng súng AR15 lên lầu la-phông rồi kêu to: “Việt cộng! Thấy rồi đó! Xuống đi! Không thì chết đó!”.

Không khí chết lặng trùm lên gác nhà. Giờ quyết định số phận của họ đã điểm chẳng? Lượng ghì chặt khẩu AK, mắt quan sát lầu la-phông, thầm nhắc: “Máu đổi máu!” Những cặp mắt sáng rực chăm chú nhìn Lượng, sẵn sàng chờ lệnh quyết tử.

Kêu qua một lần không thấy động tĩnh gì, tên lính xuống ghế, đi thẳng ra sân. Giây phút căng thần kinh cực độ trôi qua như dòng nước chảy. Thằng Mỹ ra khỏi nhà. Bọn lính đóng lại trong nhà, chia nhau hôi của. Tên thiếu úy báo cáo về cấp trên qua máy bộ đàm HT6: “Tình hình khu vực Cây Thị yên tĩnh. Việc tuần tra cảnh giới quanh xóm đều đặn, không có gì đặc biệt xảy ra”.

Anh em trên gác thở ra nhẹ nhõm. Họ ở trên

gác hết một ngày. Một ngày dài lê thê bằng cả năm. Họ chịu một sức nóng như thiêu như đốt trong lò nung dưới mái lợp bằng phibro. Mồ hôi như tắm. Đói khát hành hạ, miệng khô, môi nứt. Họ ngồi đó như bức tượng hay nói đúng hơn là những cái xác khô chỉ còn cặp mắt là còn thần để trao đổi với nhau, động viên nhau chịu đựng sự hành hạ chẳng biết bao lâu...

Ngày và đêm trôi đi chậm chạp, rùng rợn kéo dài như hàng thế kỷ. Họ chịu đựng thêm nhiều đòn tâm lý khốc liệt khác của kẻ thù: Chiếc trục thẳng tâm lý chiến ra rả: “Hỡi anh em Việt cộng! Các anh em đã bị đánh bại! Đừng trốn tránh vô ích, hãy đem súng ra hàng. Chính phủ Việt Nam cộng hòa sẽ đối xử khoan hồng tử tế, bằng không các anh sẽ bị tiêu diệt!”.

Chúng còn cho phát lại lời kêu gọi của bọn phản bội, chiêu hồi gọi đích danh những anh em lạc đơn vị trong đó có tên những anh em đang ém trên gác nhà... Một sự thử thách khủng khiếp, Lượng và Hòa luôn luôn tỉnh táo theo dõi tình hình diễn biến của bọn lính đóng trong nhà. Riêng Khoai nằm bất động như con tôm ướp, mình nóng ran. Mùi hôi từ vết thương xông lên làm héo ruột gan đồng đội.

*

Sang ngày thứ tư... không khí trên gác im lặng như tờ! Có thể nghe rõ từng nhịp đập yếu ớt của trái tim. Hơi thở như ngừng lại. Mắt ngáy dại. Tai

ù, chân tê cứng. Người nào người nấy da mặt đen sạm khô khốc như những thân ma. Mỗi người tay giữ chiếc áo, cái quần dầy cộm để hứng nước tiểu rỉ ra suốt mấy ngày vật lộn với đau đớn. Mỗi lần như thế, ai nấy đều trăn mình kìm lại, mắt trợn ngược thật thảm hại. Và thực tế, cũng không còn bao nhiêu nước tiểu để rỉ ra.

Bỗng giọng một bà có vẻ là chủ nhà vọng lên: “Chào mấy chú! Hôm nay tình hình tạm yên, các chú nên tìm nơi khác mà đóng, trả nhà lại cho tôi. À, mà các chú đóng trong nhà dân...” Chủ nhà ngập ngừng rồi tiếp: “Các chú phá đồ đạc của tôi coi không được”. Yên lặng một lúc bà lại tiếp, vừa trách vừa nói xuôi: “Chúng tôi có phải là Việt cộng đâu, có chấp chứa họ đâu mà các chú phá nhà, phá cửa cho cam! Chú nào lấy cái gì của tôi đem trả lại hết đi...”.

Mấy tên lính bị chộp bất ngờ, lúng ta, lúng túng chạy lăng xăng như gà mắc đẻ, vâng vâng dạ dạ... Một tên chạy đi tìm chỉ huy. Sau đó bọn lính được lệnh rút đi hết.

Chủ nhà là hai ông bà, lẳng xăng đi khắp nhà, hết ra đằng trước lại về phía sau, sửa bàn ghế, nôi niêu soong chảo, quét nhà, dọn dẹp bếp núc. Một lúc sau ông nghỉ lưng bên ghế sa-lông, xem báo. Bà quét dọn sân ngoài, miệng luôn lí nhí những gì có vẻ không bằng lòng. Xong, bà ngồi bên cạnh ông. Hai ông bà lại thì thầm điều gì... Mắt bà đảo lên trần

nhà như báo cho ông có việc gì hệ trọng. Hiểu ý bà, ông chớp chớp đôi mắt có vẻ lo lắng, bối rối và sợ hãi. Bà khoát tay trấn an ông và đưa tay bịt miệng mình. Ông bà bước ra ngoài mái hiên to nhỏ gì với nhau. Thỉnh thoảng ông gật gật. Hai ông bà lại trở vào nhà. Bà đi trước, vẻ mặt nghiêm nghị. Ông đi sau có vẻ tư lự. Đồng hồ lớn treo trên tường gõ lạnh lót 3 tiếng... Một lát sau bà ra đi, tay xách một giỏ đựng. Còn ông rê chiếc ghế tựa bằng gỗ để ngay cửa ngoài, ngồi coi nhà.

Anh em trên gác lo âu. Nỗi mừng ngấn ngùi chấm dứt như ngọn đèn vừa vụt sáng đã tắt ngấm. Không khí chết ngộp lại bao trùm. Hòa thì thầm với Lượng:

- Hai ông bà già này khó hiểu quá. Bà già đi đâu giờ này? Chắc đi kêu lính?

Lượng đáp:

- Nếu gia đình xấu thì hai ông bà cùng đi một lúc, có chi ông lại ở nhà?

Một giờ sau bà trở về, tay xách cái giỏ nặng. Hai ông bà ngồi rì rầm một hồi lâu ở bếp. Sau đó bà đứng giữa nhà ngập ngừng mấy lần rồi nói tròng:

- Bánh, trái cây để trên bàn đó! Ai ăn cứ lấy ăn.

Nói xong hai ông bà rời khỏi nhà, sau khi gài chặt các cửa.

Trên gác anh em nhìn nhau, lại vuốt tóc, xoa mặt, gãi tai như ngấm hỏi nhau: "Gia đình này là

như thế nào? Nếu họ muốn hại mình thì giải quyết ngay, lại còn dây dưa kéo dài để làm gì? Thôi chờ đêm xuống hẵng hay". Nhưng đêm đến chậm ghê quá! Ai cũng nóng lòng như lửa đốt. Rồi đêm cũng đến... Họ lần lượt đi nhau theo lỗ hổng trên trần xuống nhà. Tất cả đều rã rời, kiệt sức, chân đứng không vững chưa nói gì đến bước đi, cứ chực quy xuống. Họ nằm sải tay trên nền gạch bông, hít lấy hít để không khí thoáng mát. Khoai nằm úp sấp, hai tay, hai chân dang rộng như con nhện bị căng. Anh rên khe khẽ, đứt quãng. Vết thương chỉ rửa bằng nước lạnh và băng lại cho đỡ thôi. Chiếc đèn dầu tỏa ánh sáng mờ nhạt huyền ảo:

Lượng đảo mắt một vòng quanh nhà. Anh nghĩ thầm: "Nhà lộng lẫy sang trọng quá, tốt hay xấu? Chà, có cả ảnh sĩ quan ngự!" Cả đoàn thì thảo trao đổi: "Bây giờ đi hay ở? Đi thì đi đâu? Đi lúc này là phiêu lưu, địch còn đó. Còn ở thì ở như thế nào?"

Cuối cùng anh em đều nhất trí: "Tin ở dân".

Sau khi tắm rửa thay quần áo xong thì con đói bắt đầu hoành hành rất dữ. Bánh, trái cây bày sẵn trên bàn quấy rầy quá chừng! Nhưng ăn hay không ăn?

Họ lần lượt trở lên gác sau khi gói gọn vào ba lô những chiếc áo, quần dày cộm nước tiểu đã khô quánh và đem theo mấy bình toong nước lạnh. Để giữ bí mật, thức ăn vẫn để y nguyên.

*

9 giờ sáng hôm sau, ông bà trở lại nhà. Lần này có thêm một phụ nữ khoảng ngoài 30 tuổi, người cao, gầy, bước đi chắc chắn và nhẹ nhàng. Hai mắt đen nhánh của chị ánh lên vẻ đẹp đôn hậu. Nghe bà gọi chị là cô Sáu. Ba người vừa vào đến nhà thì có 3 tên lính cùng tới, đứng ở cổng hỏi vọng vào: “Có ai ở nhà không? Bà Hai ơi! Bà Hai!”. Nghe lính gọi bà Hai giãy nảy như người bị điện giật. Bà quơ vội chiếc khăn, quàng gấp lên vai, vội vàng đi ra cổng. Tên lính hỏi ngay:

- Đêm qua có Việt cộng bèn mảng về phá phách bà con không bà Hai?

- Bị đánh cho cời đầu còn sức đâu mà phá với phách - Bà Hai trấn tĩnh lại, trả lời gọn ghẽ. Tên lính nói nịnh bà:

- Thôi mấy đứa con đi. Có gì má cho các con biết, ở trụ sở, má biết rồi đó!

Bọn lính đi ra cổng... Bà Hai ngồi vào ghế tựa, xua tan nỗi hồi hộp. Một cảnh tượng lại hiện ra trong óc bà mới cách đây vài hôm. Tên chỉ huy ác ôn vừa chửi, vừa đánh, đá túi bụi vào đầu ngực ba anh em giải phóng quân bị chúng bắt trong căn nhà trống, họ đã bị trói quặt tay sau lưng: “Chúng mày giả cam giả điếc hả? Ai che giấu nuôi dưỡng chúng mày? Nói thì sống còn không thì chết không kịp ngáp đó”. Ba người vẫn cắn răng không khai. Rồi hàng loạt tiểu liên AR15 nổ... Họ ngã gục... Bà Hai rùng mình xây xẩm mặt mày. Trở lại với thực tế đang ám ảnh gia

đình. Bà uể oải đứng dậy đi vòng quanh nhà cùng cô Sáu. Những dấu vết để lại trong đêm qua làm cho bà thêm nghi vấn. Nhất là sau khi phát hiện chiếc bình toong nước anh em bỏ quên. “Thôi đúng rồi...” Bà nghĩ thầm, lòng càng hồi hộp bồi hồi. Nhưng bà lại tự trấn an: “Chắc họ đã đi hết đêm qua”. Trong lúc đang suy diễn bao nhiêu việc phiền toái, bất thần ông Hai bước vội từ nhà bếp lên, mắt lão liên có vẻ sợ hãi, lại rí tai bà. Không khí trong nhà trầm lặng, im phắc. Bỗng bà đứng dậy nói như ra lệnh:

- Nè ông à! Mấy hôm rày bắn nhau dữ quá, ông bắc ghế leo lên la-phông coi đạn có trúng hư hại chỗ nào trên mái nhà để hôm nào mướn thợ dọ lại. Mùa mưa sắp tới nơi rồi đó ông.

- Ủ, bà nói phải đó. Tôi cũng định tính như vậy - Ông trả lời giọng hơi run run ngập ngừng, do dự như sợ đụng đầu với ma quái. Ông thở phào như con cá ngoi lên mặt nước. Và cuối cùng ông đứng thẳng lên chiếc ghế. Để cho ông Hai khỏi bị bất ngờ, một giọng nói chậm rãi rất nhỏ nhẹ và xúc động của Hòa từ cạnh lỗ la-phông:

- Các con là bộ đội giải phóng đây, ba ơi!

Ánh mắt ông già bỗng dịu lại. Một cái khoát tay run run của ông kèm theo tiếng thì thảo hồi hộp đứt quãng, nửa mừng nửa lo sợ:

- Yên... trí... yên... trí! Được rồi, bao nhiêu đứa đó?

- Dạ sáu! - Tiếng đáp gọn nhẹ nhõm. Ông Hai vội vã tuột xuống đất, mắt hoa, đôi chân cóng róng muốn dính lại ở chiếc ghế.

*

Trời tối hẳn. Vùng ngã ba Cây Thị Gò Vấp mất điện. Nhà ai nấy ở, cửa đóng then cài. Ngoài đường chỉ còn xe nhà binh chạy ngược xuôi, động cơ ầm ầm. Mặt đất rung lên dưới xích xe thiết giáp. Thình thoảng từng tiểu đội thủy quân lục chiến đi tuần tra qua các xóm. Gót giày đinh nện bình bịch. Trong nhà bà Hai, ánh chiếc đèn dầu phản chiếu những thân hình còn da bọc xương của sáu anh em giải phóng mới từ trên gác tuột xuống. Bà Hai nhìn các anh em với cảm giác trù mến. Tâm hồn bà giờ đây thanh thản lạ thường, một tấm lòng rộng mở đối với những đứa con mà bà đã có quyết định dứt khoát là bảo vệ như bảo vệ con của mình. Bà trào nước mắt, vuốt tóc, lau mặt, xoa bóp tay chân cho Khoai. Tình thương của một trái tim bà mẹ phúc hậu làm cho bà bất kể mùi hôi của vết thương. Cô Sáu rửa và băng vết thương cho Khoai, từng lúc quệt ngang nước mắt.

Sáu anh em mệt lả rũ rời, rung rung nước mắt nhìn bà Hai và cô Sáu.

Bà Hai phá tan bầu không khí xúc động nói nhỏ với anh em:

- Các con nghỉ một lát cho khỏe, uống tí nước

chanh, rồi đi tắm rửa, sau đó ăn cơm. Má biết các con mệt lắm nên chạy tìm mua cho được con cá lóc làm bữa canh chua thơm cho các con ăn lấy lại sức. Giọng nói đầm ấm ngọt ngào nhân hậu của bà như tiếng hát ru xoáy sâu vào tâm hồn các anh, như dòng suối tươi mát càng làm cho anh em xúc động bồi ngùi. Lượng nhớ ngay đến mẹ mình mới hôm nào mẹ gạt nước mắt tiễn con theo cha làm cách mạng. Anh tự nhủ: “Các bà mẹ như là huyền thoại”. Anh quệt tay lên cặp mắt sâu hoắm, nghẹn ngào đỡ lấy ly nước chanh từ tay bà Hai.

Đêm ấy gia đình và anh em chuyện trò thì thầm:

- Này mấy con! Má không hiểu tại sao con ở tròng (chiến khu) bom pháo dữ dằn như vậy mà các con sống được? Má nghe có loại máy bay gì của Mỹ lớn gấp mấy lần cái nhà này, mỗi lần nó ném bom như mưa rào, các con tránh né bằng cách nào, ăn ở ra làm sao?

- Loại máy bay B.52 đó má! - Lượng trả lời - Đúng là nó đáng sợ lắm. Nhưng vỏ quýt dày có móng tay nhọn. Mấy con cũng có cách đối phó chứ! Nếu không thì chết hết sao má!

Bà Hai nheo mày thốt lên:

- Thế làm sao các con sống được!

Hòa xen vào:

- Các con có hăm kiên cố che chở. Chúng con

xem cái chết là hết và thường đùa với nhau “bom đạn tránh người”...

Bà Hai thở ra: “Thằng Mỹ ác thật”.

Cô Sáu lấy tay chậm nước mắt. Bỗng bà Hai sôi nổi hẳn lên:

- Các con yên trí sống ở đây với má và gia đình. Bà ngoại các em ở nhà đã biết các con trú ẩn ở đây. Má đã gặp bà ngoại. Chính tay ngoại đã làm bánh, mút thức ăn gỏi cho má đưa về các con đây. Ngoại hăm dọa má và gia đình: “Nếu tụi bây để lộ cho giặc biết, thì tao sẽ tự vận đó”...

Lượng suy nghĩ mông lung: “Tại sao gia đình có con em đi sĩ quan ngục mà tốt bụng với quân giải phóng? Khó hiểu thật”.

Bỗng bà Hai vụt hỏi anh em:

- À, má hỏi thật các con chuyện này. Tại sao các con không ăn bánh, trái cây mà má dành cho các con đêm trước đó?

Tất cả đều cười khúc khích, anh nọ nhìn anh kia. Hòa bẽn lẽn lên tiếng:

- Thưa má, bộ đội giải phóng không được động đến tài sản của dân khi chưa có phép.

Bà Hai bật cười một cách đôn hậu, vừa trách lại vừa thương:

- Tụi bay khéo bày vẽ. Đòi thưởng nhà ai, bánh trái người ta dọn sẵn cho ăn mà không ăn, còn lý sự này nọ...

Cả nhà đều cười. Thâm tâm anh em cảm thấy ân hận...

*

Anh em ở với gia đình gần một tháng trời để tổ chức móc nối liên lạc và chuẩn bị các giấy tờ hợp pháp. Đã đến lúc phải ra đi.

Lượng là người ra đi sau cùng. Cả gia đình có mặt để tiễn đưa anh như đã đưa tiễn những anh em khác. Trong bữa cơm chia tay, má Hai nhìn Lượng triu mến:

- Ráng ăn no đi con! Uống thêm một chút bia nữa cho mặt đỏ lên coi mới được, mặt còn xanh lắm con!

Bỗng bà vui lên:

- Giải phóng rồi, về đây má lo vợ cho!

Lượng đưa tay lên miệng cười, vẻ mắc cỡ.

Chiếc Honda của chị Bảy, cơ sở mật ở nội thành vừa đẩy ra đến cổng thì một tên lính thủy đánh bộ cũng vừa đi đến. Bà Hai quay sang vồn vã nói chuyện với tên lính. Chị Bảy dựng chiếc xe, cúi xuống giả bộ chùi lại bugi. Lượng nựng nịu em bé và thọc léc cho nó cười giòn giã để đánh trống lảng...

Chiếc xe nổ máy. Lượng trao em bé lại cho má Hai đang cười nói với tên lính.

Chị Bảy điều khiển xe chạy bon bon trên đường, nói với Lượng:

- Mình có đủ giấy tờ thuộc loại “cóm”! Chị nhắc thêm em mấy việc: thuộc lòng tên họ mới, không nhìn bọn lính trên đường. Có việc gì xảy ra để chị xử sự với chúng nó. Sẽ có người khác đưa em đi tiếp. Chạy một khoảng nữa nhìn về phía trước chị Bảy bảo Lượng chú ý:

- Em thấy cô mặc áo tím và chiếc xe Honda màu đỏ ở phía trước bên phải đường không? Cô Mười, tự vệ Thành đó!

- Thấy rõ! - Lượng đáp.

Khi gặp chị Bảy, cô Mười mắt sáng lên, nói nhỏ:

- Em đợi chị đã mười lăm phút rồi! Lo quá xá, sốt cả ruột. Vẫn giữ nụ cười duyên dáng, cô Mười đảo mắt nhìn quanh khu phố và tiếp:

- Bây giờ mới đến mà đi ngay, bọn nó sẽ nghi. Em giả vờ sửa cái dây điện xe rồi hãy đi. Cô Mười cúi xuống chiếc xe loay quay một hồi rồi nổ máy. Chiếc xe từ từ lăn bánh. Cô với tay lấy nón rơm to vành để trong giỏ xe đưa cho Lượng:

- Anh đội cái nón này cho ra vẻ thanh niên Sài Gòn một chút.

Chiếc xe tăng ga vun vút trên xa lộ... Qua cầu Bình Triệu, đến giữa cầu, một tốp lính ngự đi chàng ràng trước mặt, cô Mười chạy chậm lại. Khi đến gần bọn lính cô Mười nói to:

- Ê... Ê... tránh vô ta, sao lại đi giữa đường!

Bọn lính giật mình, nép vào lề cười ha hả:

- Xin lỗi người đẹp!

Vội về bình tĩnh và tự tin, vốn là bản chất của những chiến sĩ tự vệ Sài Gòn, cô Mười quay lại nói to với Lượng như nói cho bọn lính cùng nghe:

- Giờ tôi chờ bồ, lúc nữa bồ chờ tôi nhé!

Qua khỏi dốc cầu, chiếc xe tăng tốc lao vút giữa “hàng rào danh dự” của đoàn xe tăng, thiết giáp và binh lính Mỹ đang đổ đông nghẹt hai bên đường. Thình thoảng cô Mười cười rất tươi, đưa tay vẫy chào bọn Mỹ: “Gút bai, gút bai”. Chúng nó đứng đông nghẹt hai bên đường đưa tay chào lại và còn cười toét miệng nịnh đầm...

Trời xanh lồng lộng, gió thổi vi vu. Từng đàn chim én đậu dài trên dây điện, đồng lúa chín vàng lùi dần lại phía sau. Lượng hít căng lồng ngực không khí tự do mà bao ngày qua thèm khát.

*

Lượng bước vào sân nhà đầy xác pháo ngày Tết. Con chó mực lông xù nhảy bổ ra vờn lấy anh rồi sủa không dứt tiếng. Anh hét to: Chó! Chó! Như để trấn áp nó không được cản cản. Nghe tiếng chó sủa, bà Hai vội vã từ trong nhà bước ra quát con chó “Ki” và đuổi nó vào. Con vật còn ấm ức với người khách lạ, gầm gừ thêm mấy tiếng rồi mới cụp đuôi chạy vào nhà.

Một tiếng “Má”... à kéo dài bằng giọng nói xúc động làm bà Hai nhìn trân trân không chớp mắt như để ôn lại trong trí mình ai đây, ai đây? Thăng Lượng

à, thằng Lượng à? Có đúng nó không? Nó mập và khỏe ra lại trắng nữa. Bà mở to đôi mắt sừng sốt, thốt lên mừng rỡ như đã tìm được vật quý.

- Lượng, Lượng con! Con còn sống à! Con đã về... Hai dòng nước mắt từ cặp mắt đôn hậu của má Hai chảy dài theo má làm cho Lượng càng xúc động. Anh chớp mắt luôn để cố giữ lại từng giọt nước mắt của mình nó cứ trào ra và rót xuống tay má Hai đang giữ chặt hai cánh tay anh.

Hai vợ chồng ông bà Tư và đứa cháu ngoại lên 6 đi phía sau im lặng. Ông bà rất xúc động trước cảnh “mẹ con” gặp nhau.

Vào đến nhà, Lượng buông tay má Hai và hỏi:

- Thừa ba má và anh chị, hôm nay được nghỉ phép về thăm nhà, con đưa ba má ruột của con đến chúc tết và thăm ba má anh chị cùng các em trong gia đình. Từ ngày giải phóng đất nước đến nay, ba má của con gọi thơ cho con nhiều lần giục con phải về thăm ba má gấp. Mãi đến hôm nay con mới về được với ba má. Đó là quá chậm, ba má thông cảm và tha thứ cho con.

Nói xong, Lượng cười phô hàm răng trắng hơi hô giống cha mình và anh gãi gáy, gãi tai như tỏ ra có lỗi.

- Ông Hai tuổi đã 60, tóc nhuộm bạc, nhưng dáng dấp còn khỏe, nãy giờ im lặng, thỉnh thoảng

ông rít chiếc tẩu thuốc lá chăm chú theo dõi từng lời nói của Lượng, ra điều quý trọng anh lắm.

- Lượng à! Con bày vẽ thêm, lỗi phải gì con. Con còn sống về thăm ba má và gia đình là điều hạnh phúc lắm rồi. Nói xong ông quay sang hai ông bà Tư, cười như tranh thủ sự đồng tình rồi ông nói tiếp:

- Tôi nói phải không anh chị, chiến tranh như thế, bom đạn như thế mà con cái mình còn sống về với cha mẹ, bà con thân thuộc là phước đức lắm đó.

Một tiếng dạ nho nhỏ cùng lúc thốt ra từ miệng hai ông bà Tư để đáp lại ông Hai.

Bà Hai hết cười lại nhìn Lượng vẫn còn chưa hết ngạc nhiên về sự xuất hiện của anh sau nhiều năm bất tin tức. Bà lấy tay quạt đôi mắt còn ướt ướt, quay sang ông bà Tư, bà Hai thoải mái vui vẻ nói:

- Thằng Lượng ăn nói khôn ngoan đáo để, trước kia cũng vậy mà bây giờ coi bộ còn giỏi hơn đó anh chị !

Con mèo tam thể cọ cái đầu vào chân bà như muốn được vuốt ve. Bà Hai cúi xuống ôm con mèo vào lòng, vuốt đầu vuốt lưng nó. Con mèo nằm im, lim dim mắt thở khi khi... Bé Thu đã 11 tuổi ngả mình vào lòng anh Lượng cười nói riu rít. Ông Tư uống một ngụm trà đang bốc hơi, rít thêm một hơi thuốc lá, nhìn qua bà Tư rồi hắng giọng:

- Thừa anh chị - Không khí trong nhà có vẻ trang nghiêm trở lại. Bé Thu thôi cười giỡn với Lượng nhìn

về mọi người - Hôm nay tôi và nhà tôi đến đây trước là năm mới kính chúc anh chị khỏe mạnh, sống lâu, gia đình luôn luôn hạnh phúc, sau là để tạ ơn anh chị và gia đình vì đã che chở, đùm bọc, nuôi dưỡng con chúng tôi, cháu Lượng cũng như bao anh em khác trong Tết Mậu Thân không khác gì anh chị sinh cháu lần thứ hai. Công ơn đó gia đình chúng tôi không bao giờ quên được.

Ông Tư xúc động ngừng mấy giây rồi nói tiếp:

- Chúng tôi nghe cháu Lượng kể hết đầu đuôi ngọn nguồn tấm lòng đáng quý của gia đình anh chị. Nếu không có anh chị, gia đình và đồng bào ở đây che chở chắc chắn con chúng tôi và những chiến sĩ khác - Ông Tư ngừng nói mắt chớp chớp như để nén nỗi xúc động. Bà Tư theo dõi chăm chú lời nói của chồng, đến đây bà lấy khăn lau nước mắt. Người mẹ dễ xúc động trước nỗi gian truân của con trai mình ngày nào!

Không khí im lặng, xúc động bao trùm căn nhà ấm cúng của gia đình ông bà Hai trong ngày Tết.

Một dây pháo nổ đoàng đoàng ở nhà bên cạnh. Không khí thân tình trong nhà ông Hai càng nồng đượm hơn.

Trên bàn thờ ông bà, khói hương trầm tỏa ra hương thơm ngát quện quanh cành mai vàng rung rinh trước gió xuân.

A.X

THAM GIA GIẢI PHÓNG QUÂN Ở TUỔI 13

Anh Phước

Anh Tư đi tập kết về ngày 4 tháng 5 năm 1961 trong Đoàn Phương Đông 1 với 800 cán bộ và chiến sĩ làm khung cho các Quân khu miền Đông, khu 8, khu 9 và Bộ chỉ huy Miền. Đoàn lấy ký hiệu là Đoàn Phương Đông để kỷ niệm ngày Liên Xô (cũ) phóng con tàu vũ trụ Phương Đông do thiếu tá *Gagarin*, phi hành gia đầu tiên bay ra ngoài trái đất chinh phục vũ trụ.

Đầu năm 1962, sau thời gian ổn định công việc, anh Tư được phép móc rập gia đình ở vùng tạm chiếm thị xã Thủ Dầu Một vào thăm. Cùng đi với chị có hai cháu nhỏ Phước Sang 12 tuổi và Kim Lan 6 tuổi. Sau hơn 7 năm xa cách, nay vợ chồng, cha con mới gặp lại nhau. Sự xúc động, mừng mừng, tủi tủi của hai vợ chồng làm cho hai bé nhỏ rất ngạc

nhiên. Mẹ chúng ôm hai con vào lòng và nói : Cha của các con đó ! Lần đầu tiên gặp cha, hai bé thấy lạ quá ! Nghe bà ngoại và mẹ kể về cha mình hoài nhưng không lẽ cha mình vậy sao ! Bé Sang rí tai với mẹ: *“Cha gì mà kỳ cục quá! Chỉ mặc cái quần cụt, cái áo cụt, người ốm nhom ốm nhách, da xanh lè”*. Anh chị cảm động nhìn thái độ thơ ngây của con mà bật cười. Khi nghe cha mẹ mình trò chuyện với bao nỗi nhớ niềm thương, sự lo lắng cơ cực của mẹ thay ba chăm sóc, nuôi dạy, lo ăn học cho đàn con với bao nỗi gian truân, o ép của kẻ thù; còn ba ở miền Bắc luôn với tâm trạng ngày Bắc đêm Nam, xa vợ nhớ con day dứt - Hai bé Sang, Lan chăm chú lắng nghe rồi trở nên vui vẻ, tươi tỉnh hẳn lên : *“Đúng là cha của mình rồi !”*.

Qua mấy ngày sống ở khu giải phóng với trời xanh lồng lộng, ruộng vườn bát ngát, rừng rậm xanh tươi, suối reo trong vắt, trâu cày bò kéo, heo gà vịt chạy tung tăng, trẻ con mặc sức nô đùa, các cô chú, bà con anh em chào đón gia đình anh Tư thân tình, khác xa với cảnh phồn hoa đô thị mà các cháu đang sống, bé Sang không chịu trở về với mẹ mình mà muốn ở lại luôn với cha. Không được đâu con ạ! - mẹ bảo : Con còn phải về đi học, nay mai các con còn có nhiều lần khác vào thăm ba và các chú, các cô. Bé Sang đành tiu ngưu từ giã cha mình và các cô chú.

*

* *

Giữa năm 1962, sau khi Phước Hải, Kim Hà,

anh chị mình vào giải phóng quân, bé Phước Sang ngưng học lên đường vào chiến khu đi giải phóng ở tuổi 13 mặc cho mẹ khuyên răn chờ đợi một thời gian nữa.

Suốt mấy năm đầu vào chiến khu, Sang như một thiếu sinh quân được học trường quân sự quân giải phóng. Các cô chú hết lòng thương yêu dạy dỗ Sang, một cậu bé ngoan, năng động sớm thích nghi với môi trường mới. Sang luôn gần gũi các cô chú giải phóng, nghe các cô chú kể chuyện đánh giặc, lấy súng giặc, chuyện tăng gia sản xuất, rồi chuyện bom đạn của địch đã sát hại bao nhiêu đồng bào vô tội... Đó là những bài học ban đầu giúp Sang rèn ý chí và càng thêm căm thù giặc sâu sắc. Nhờ vậy khi bom pháo của Mỹ trút xuống Chiến khu Đ như mưa trong các cuộc càn quét bắn phá, Sang ở bên cha chịu đựng được hết thảy không mấy may sợ sệt lo âu, nhất là lần đầu tiên Sang tiếp xúc với bom chùm rải thảm khủng khiếp của máy bay chiến lược B.52 của Mỹ. Đó là cái nền thử thách vững chắc để Sang phát huy được lòng dũng cảm, trí thông minh, chịu đựng gian khổ hy sinh, khó khăn suốt cuộc đời tham gia quân đội.

Do yêu cầu nhiệm vụ mới, tỉnh Phước Thành giải thể cuối năm 1966, Sang chuyển theo cha, ông về làm Chính ủy trung đoàn pháo tên lửa ĐKB 724 do Liên Xô (cũ) trang bị cho ta hoạt động ở chiến trường miền Nam. Suốt thời gian 2 năm ở trung đoàn ĐKB, Sang tham gia chiến đấu như pháo thủ ở các trận pháo kích sân bay Biên Hòa, căn cứ Phước

Vĩnh, Lộc Ninh, Phú Chánh... ở trận nào các chú đều công nhận Sang, cậu bé dũng cảm, có kỷ luật nghiêm, chiến đấu rất hăng.

Sau thời gian ở trung đoàn ĐKB, anh Tư bị bệnh sốt rét nặng, gan to lách to, phải về điều trị tại bệnh viện K.71A tuyến cuối cùng của quân giải phóng miền Nam. Sau mấy tháng khỏi bệnh, anh được quyết định bổ nhiệm Chính ủy bệnh viện K.71A. Sang tiếp tục theo cha và làm bảo vệ cho “ông già”. Năm 1969, trong một trận bom B.52 của Mỹ đánh vào Trảng Tròn tỉnh Tây Ninh, làm sập hầm, chôn vùi. Anh em phải đào, bới, mới cứu được hai cha con. Và cũng ở bệnh viện này, lần đầu tiên, Sang trực tiếp tham gia chiến đấu cùng lực lượng bảo vệ của bệnh viện đánh thiệt hại nặng một đại đội biệt kích ngụy. Trận này gọi là trận “bình minh chiến”, để chia lửa cứu đơn vị bạn bị địch tập kích bao vây trong cuộc càn lớn của Mỹ ngụy lên đất nước “Chùa Tháp” năm 1970. Bệnh viện K.71A bị bao vây suốt gần 60 ngày đêm, phải đánh trả quyết liệt với địch để tồn tại.

Đến giữa năm 1970, khi anh Tư chuyển về làm chính ủy phòng Quân y Miền thì cùng lúc Sang chuyển về công tác ở Tỉnh đội Bình Dương. Phước Sang bộc bạch:

Thực tế, trong chiến tranh tôi chưa được qua trường lớp nào nhưng sống gần cha, chị, các chú, các cô tôi tiếp thu được nhiều bài học thực tế, nhất là tinh thần yêu nước, sự hy sinh dũng cảm, ý thức

tự lực tự cường, lòng trung thành với Tổ quốc, với nhân dân. Cuối năm 1970, tôi về công tác ở Tỉnh đội Bình Dương. Một lần cùng tổ trinh sát đi dò đường, chúng tôi rơi vào một ổ phục kích của địch ở Bưng Còng, Rạch Bắp, huyện Bến Cát. Địch để cho chúng tôi qua hết ổ phục kích vì chúng phán đoán còn có nhiều người phía sau sắp đi tới. Chúng bí mật cho thiết giáp triển khai bao vây và nổ súng vào đoàn người đi sau gây nhiều thiệt hại nặng nề cho ta. Riêng chúng tôi, khi nghe súng nổ, chúng tôi băng vào rừng và trở về hậu cứ, nhưng khi qua đường cầu Ông Cộ, ở ngã tư Sở Sao, chúng tôi lại bị địch phục kích suýt toi mạng hết bởi đại liên 12 ly 7 của địch quét dọc theo đường. Chúng tôi về đến sở cao su Chánh Lưu an toàn, chỉ có một đồng chí bị thương. Đồng chí Ba Ân Chính trị viên Tỉnh đội Bình Dương hết sức mừng rỡ khi chúng tôi trở về.

Sau Tết Mậu Thân năm 1968, tiếp năm 1969, 1970, địch phản kích càn quét mạnh gây cho ta nhiều khó khăn. Ngày 30 tháng 1 năm 1971, quân dân ta ở đường 9 Nam Lào đánh bại, làm phá sản cuộc hành quân “Lam Sơn 719” của 4 vạn quân chủ lực ngụy và 6.000 quân tinh nhuệ Mỹ với một khối lượng lớn phương tiện chiến tranh hiện đại. Đến năm 1972, chúng ta mở chiến dịch Nguyễn Huệ giải phóng 300 km dọc biên giới Việt Nam Campuchia (khu vực Đông Nam Bộ). Thị trấn Lộc Ninh tỉnh Thủ Dầu Một được giải phóng tháng 4 năm 1972. Sang vinh dự được chiến đấu trong đội hình đại đội 18 tiểu đoàn

2 Sư đoàn 5, sau chiến dịch đại đội được phong Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Sau đó, Sang tham gia chiến dịch núi Bà Đen Tây Ninh năm 1974 thu thắng lợi lớn, giải phóng căn cứ núi Bà Đen.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, năm 1975, Sang tham gia chiến đấu trong đoàn bộ binh 6, thuộc Sư đoàn 5. Quân đoàn 4, một cánh quân ở hướng Đông Nam giải phóng Sài Gòn. Miền Nam hoàn toàn giải phóng, hòa bình lập lại, Sang được chuyển về đơn vị pháo bảo vệ bờ biển với chức vụ đại đội trưởng.

Đầu năm 1979, được sự giúp đỡ tận tình của quân tình nguyện Việt Nam, Quân dân Campuchia vùng lên tấn công mãnh liệt bọn diệt chủng Pôn-pốt giải phóng hoàn toàn đất nước. Đầu năm 1980, Sang được Bộ Tư lệnh Quân khu 7 điều lên Sư đoàn 5 làm nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia với chức vụ cán bộ tác chiến của sư đoàn. Từ đây Sang có điều kiện tham gia trực tiếp chiến đấu trong một đơn vị anh hùng. Kỷ niệm lớn nhất của Sang ở sư đoàn là năm 1982, Sang tham gia đánh diệt hoàn toàn một đại đội Khmer đỏ ở *Trây Mon* (căn cứ sư đoàn 519 của Pôn-pốt) biên giới Campuchia Thái Lan. Đây là trận đánh điển hình của một tiểu đoàn thuộc Sư 5. Đối với bọn diệt chủng, đánh diệt gọn một đại đội xưa nay khó thực hiện được. Với bầy mìn gài dày đặc quanh căn cứ, chúng cho rằng cứ điểm phòng thủ thế này là bất khả xâm phạm. Nhưng “vô quýt dày có móng tay nhọn”, ta sử dụng lực lượng đặc công tinh nhuệ của sư đoàn thâm nhập từ sau lưng địch

đánh tới với các loại súng lớn yểm trợ như ĐKZ 82, đại liên 12 ly 7, B.40, B.41 cùng đơn vị cối 82 dồn dập pháo kích. Cả đại đội địch bị đánh bất ngờ, không kịp chống trả được dù chỉ là một loạt súng phản kích. Cả đại đội địch bị tiêu diệt hoàn toàn trong khoảng thời gian ngắn ngủi 30 phút. Bộ Tư lệnh Mặt trận 479 lấy trận thắng điển hình này rút kinh nghiệm phổ biến ra toàn quân.

*

Đến năm 1985, do bị thương nặng, Sang chuyển ngành về huyện Củ Chi làm Trưởng Ban Quản lý thị trường và sau đó chuyển về quận 12, làm nhiệm vụ theo dõi thuế, kiểm tra giá cả thị trường, hàng gian hàng giả, gian lận thương mại, buôn lậu... Anh luôn luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được lãnh đạo tin yêu, nhân dân quý mến, đồng đội, đồng chí đoàn kết đồng tình hỗ trợ đắc lực anh hoàn thành nhiệm vụ.

*

20 năm trong quân ngũ và 20 năm công tác trong hòa bình xây dựng, có lúc phải đối phó quyết liệt với bọn xã hội đen, anh cho đó là chuyện thường tình như hàng vạn, hàng vạn chuyện thường tình khác diễn ra trong quá trình cải tạo, xây dựng và phát triển đất nước. Lưu Phước Sang - người chiến sĩ ở tuổi 13 năm xưa, nay lại là một “chiến sĩ” trên mặt trận quản lý thị trường.

Ngày 18-2-2006

A.P

LỚN LÊN TỪ ĐỨC CỦA MẸ

Thành Đạt

Anh tên Lưu Phước Thành, sinh năm 1964 tại xã Phú Cường, huyện Châu Thành, tỉnh Thủ Dầu Một. Sau giải phóng năm 1975, anh cư ngụ hẳn với mẹ, cha, anh, chị ở phường 9 quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh. Phước Thành là con trai út của ông bà Lưu Phước Anh (Lê Bình) và Nguyễn Thị Xuân. Phước Thành là tên của một tỉnh thời Mỹ Diệm. Chúng thành lập tỉnh Phước Thành để chia cắt, khống chế vùng chiến khu Đ miền Đông Nam Bộ, đồng thời đó cũng là một tỉnh lỵ lần đầu tiên ở miền Nam bị quân dân Đông Nam Bộ tấn công tiêu diệt, chiếm giữ đêm 17 tháng 9 năm 1961, thu 500 súng các loại, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch, diệt, làm bị thương, bắt giáo dục và thả tại

chỗ 300 tên nguy. Qua trận này ta đã giải thoát được 300 tù chính trị gồm cán bộ, chiến sĩ và đồng bào bị địch bắt.

Cha của anh Phước Thành, ông Lê Bình tập kết và trở về Nam đầu năm 1961, sau đó được bổ nhiệm làm Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Phước Thành (với ta, tỉnh Phước Thành thành lập ngày 27 tháng 6 năm 1961). Anh Phước Thành được sinh ra sau khi ông gặp lại vợ ở vùng giải phóng. Khi có thai và sinh anh, mẹ anh phải gánh chịu bao nỗi đắng cay, mang tiếng : “không chồng mà có con”! vì bà con họ hàng, thân quen biết ông tham gia cách mạng và đã tập kết. Còn bọn cường hào ác bá tại địa phương thì hạch sách đủ điều, đã vặn hỏi bà, khi kiểm tra hộ khẩu gia đình: “Tại sao bà Xuân báo chồng chết, mất tích mà bà lại có bầu và sinh thằng bé này?”. Bà chỉ khóc kể lẽ hoàn cảnh khốn khổ độc thân của mình và kết lại một câu để bù trừ với bọn gian ác: “Thưa ông xã trưởng, đâu phải trên đời này chỉ có một người đàn ông?”

Phước Thành sinh ra và lớn lên trong vòng tay mẹ thân thương. Mẹ đã vất vả nuôi nấng, dạy dỗ anh. Khi anh được ba tuổi, anh bị bệnh nặng hiểm nghèo, tưởng đã theo ông bà rồi. Nhưng với tình thương vô hạn của người mẹ, Phước Thành đã qua khỏi cơn nguy kịch và ngày càng lớn khôn cùng người chị thân thương Kim Lan (các anh chị em khác của Phước Thành đã theo cha chú tham gia giải phóng quân). Đến khi lên tuổi 6, 7 Phước Thành đã phụ giúp mẹ đi chợ trứng gà bằng xe đạp con ba

bánh để mẹ và chị ở nhà làm bánh bán cho các tiệm bánh ở thị xã tỉnh Thủ Dầu Một.

*

Thị trấn Lộc Ninh được quân dân miền Đông giải phóng tháng 4 năm 1972. Đầu năm 1973, Phước Thành cùng mẹ và chị thoát li hẳn ra vùng giải phóng cùng cha chú, đồng bào tiếp tục làm nhiệm vụ giải phóng quê hương đến năm 1975. Thời gian ở Lộc Ninh, bà Xuân là cơ sở trạm liên lạc cho cán bộ chiến sĩ các cơ quan, đơn vị nghỉ chân để tiếp xúc làm việc trong khi Phước Thành đã ở tuổi 11, 12 tham gia sản xuất với gia đình anh Hai mình. Tuy còn bé nhưng đến ngày mùa, với chiếc xe đạp cũ kỹ, trần trụi, không dè, không thắng Phước Thành tham gia tía bắp, trồng khoai, chuyên chở bắp từ rẫy về nhà khoảng 4, 5 cây số đường gồ ghề khúc khuỷu. Còn ngày thường phải đi học ở trường tiểu học Lộc Ninh thường bị bom pháo của bọn Thiệu – Kỳ bắn phá hủy diệt nhiều lần. Phước Thành còn tích cực tham gia đào hầm hào trú ẩn, sửa chữa nhà trường.

Năm 1975, đất nước thống nhất – Nam Bắc sum họp một nhà. Toàn gia đình của ông Lê Bình và bà Nguyễn Thị Xuân đều về sum họp đầy đủ, một diễm phúc hiếm có trời cho. Sau giải phóng không lâu cha, anh, chị của Phước Thành tiếp tục làm nghĩa vụ quốc tế cao cả giúp bạn Campuchia thoát nạn diệt chủng Khmer Đỏ Pôn Pốt. Năm 1980, Phước Thành được vào học ở trường của Xí nghiệp Z755 Bộ Quốc

phòng, sau đó từ năm 1984 đến 1987 anh tham gia làm nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia, chuyên sửa điện các xe tank, thiết giáp hồng hóc ở một chiến trường đầy bom mìn các loại của Khome Đỏ. Phước Thành được đánh giá là một thanh niên năng nổ, đầy nhiệt huyết dũng cảm tiếp nối truyền thống của cha anh, luôn tự nguyện đi đến nơi đầu sóng ngọn gió để sửa chữa các phương tiện chiến tranh hồng hóc, bảo đảm cho các sư đoàn chiến đấu thắng lợi.

Qua năm 1988, Lưu Phước Thành chuyển ngành về Công ty xây dựng công trình đô thị quận Phú Nhuận. Anh chăm lo về vệ sinh môi trường làm cho quận sạch, xanh, đẹp, góp phần vào quang cảnh đẹp chung của thành phố. Anh sống đoàn kết, chân thật, giản dị, khiêm tốn, được lòng anh chị em trong cơ quan đơn vị, được đứng trong hàng ngũ của Đảng và được sự tín nhiệm của lãnh đạo như tên anh: Người có “Phước” nên “Thành” đạt.

T.Đ

*

VỚI ĐOÀN PHÁO BINH MIỀN ĐÔNG

Hải Hà

Gần cuối năm 1964, khi cuộc chiến tranh đặc biệt của Mỹ-ngụy sắp bước vào ngõ cụt thì chúng tôi thấy xuất hiện đơn vị pháo binh của Miền ở tỉnh Phước Thành. Điều này có ý nghĩa sâu xa và có tầm chiến lược riêng của nó. Năm 1964, anh Sáu Di (Đại tướng Nguyễn Chí Thanh) nói với anh em cán bộ khi phổ biến Nghị quyết của Trung ương Cục: “Nếu cuối năm nay ta đánh rã được khoảng 10 vạn quân ngụy và làm tan rã một mảng lớn ấp chiến lược thì cách mạng miền Nam có bước chuyển biến mới”.

Lê Bình nhớ mãi câu nói đó. Đến cuối tháng 10 năm ấy, phong trào cách mạng ở miền Nam nói chung và tỉnh Phước Thành nói riêng có bước nhảy vọt về chất. Cụ thể là hệ thống ấp chiến lược trong

tình đã bị lỏng, bị rã hoặc bị phá banh gần mất hai phần 3 số ấp. Hệ thống đồn bót địch co lại. Những trận đánh độc lập của địa phương như diệt, đánh rã từng trung đội, đại đội địch là phổ biến. Cơ sở cách mạng ở vùng tạm chiếm, vùng di cư, dinh điền được củng cố và phát triển. Nhân tài vật lực được bổ sung mặc dù đồng bào vẫn còn trong vòng kềm kẹp của địch. Nhưng thực tế ban ngày chúng tạm quản, ban đêm ta làm chủ.

Với tình hình như trên thì đoàn pháo binh của Miền đến với chúng tôi vào tháng 10 năm 1964.

Gặp anh Hai Nhã (Lương Văn Nho) với một số cán bộ cùng đi theo, Lê Bình vừa phấn khởi và nghĩ bụng: chắc có vấn đề quan trọng đây! Anh Hai Nhã vừa gặp Lê Bình là tay bắt mặt mừng rất thân mật vì khi còn tập kết ở miền Bắc, anh là thủ trưởng chỉ đạo trực tiếp trường pháo binh của Sư đoàn 330 mà anh và anh Dầy là thủ trưởng quân chính của trường. Anh Hai cười rất tươi và hỏi ngay Lê Bình:

- Anh Bình khỏe mạnh chứ? Năm nay các anh làm ăn khá đấy! Phong trào chánh trị, quân sự 3 mũi giáp công của địa phương nghe đâu cũng nổi đình, nổi đám dữ lắm, lúc nào rảnh nói nghe.

Chưa kịp chào hỏi mừng anh thì anh lại nói luôn, mắt sáng lên:

- Mình ở trên Miền xuống công tác gấp, định làm việc trước với Thường vụ Tỉnh ủy.

Lê Bình đoán có việc quan trọng nên không muốn hỏi thêm anh điều gì. Mọi người qua gặp đồng chí Bí thư Tỉnh ủy và Thường vụ. Không để nhiều thì giờ về công tác xã giao, anh Hai Nhã đi thẳng vào đề nói vừa đủ cho mọi người dự họp nghe. Anh trình trọng thông báo cho Thường vụ Tỉnh ủy quyết định của Quận ủy và Bộ chỉ huy Miền:

- Miền chủ trương pháo kích sân bay Biên Hòa bằng chính lực lượng pháo mang vác của Miền. Giành được thắng lợi lớn trong trận pháo kích này là thời cơ mới thúc đẩy sự sụp đổ nhanh chóng hơn của quân ngụy, chia lửa với quân dân miền Bắc với sự kiện vịnh Bắc Bộ ngày 5-8-1964, Mỹ ném bom miền Bắc. Nhưng đồng thời cũng là dịp để củng cố và phát triển phong trào cách mạng của địa phương nói riêng.

Ngừng đôi phút để xem lại trên bản đồ, anh Hai Nhã nói tiếp:

- Để giành thắng lợi cho trận đánh, chúng tôi yêu cầu có mấy việc lớn: một là lo cho từ 15 đến 20 chiếc ghe để vượt sông, mỗi chiếc chở từ 8 đến 10 người. Hai là giáo dục giữ bí mật tuyệt đối trận đánh đến giờ nổ súng. Ba là tỉnh có kế hoạch phối hợp toàn diện trước, trong và sau trận đánh để phát huy thắng lợi.

Anh Hai Nhã vuốt tóc, thở ra có vẻ khoan khoái như vừa chia sẻ bớt gánh nặng cho địa phương. Còn Lê Bình thì rất phấn khởi được phối hợp chiến đấu lần đầu tiên với đoàn pháo binh miền Đông. Nhất là đánh vào sân bay Biên Hòa, nơi xuất phát các loại

máy bay đánh phá hậu phương của tỉnh và khắp Miền. Lo nhất là vấn đề ghe xuồng huy động trong nhân dân 4 xã Thường Lang, Tân Tịch, Mỹ Lộc, Tân Hòa để đưa bộ đội sang sông.

Anh Út Lâm, Bí thư Tỉnh ủy, với bản chất lạc quan vốn có, phát biểu:

- Tôi lo nhất là vấn đề giữ bí mật trận đánh. Còn số ghe xuồng tôi nắm được ở bốn xã thì có khoảng trên dưới 10 chiếc. Đồng bào đang lúc làm cá, chắc có khó khăn đây, nhưng tin chắc đồng bào sẵn sàng đưa ghe xuồng ra phục vụ chiến đấu. Còn vấn đề phối hợp với trận đánh, tôi sẽ phổ biến kỹ cho các ban ngành về kế hoạch chỉ đạo cho cơ sở hoạt động để phát huy thắng lợi. Quay sang phía Lê Bình đang tập trung suy nghĩ tìm lối ra về vấn đề ghe xuồng, anh Út Lâm nói tiếp:

- Tỉnh ủy giao cho anh Tư Bình, Tỉnh đội trưởng nghiên cứu chỉ đạo sát công tác quân sự ở huyện, xã. Chú ý cho lực lượng bung ra đánh địch ở vùng sâu kết hợp chặt chẽ với binh vận, đấu tranh chánh trị của quần chúng. Đồng thời chuẩn bị chu đáo chống càn trong căn cứ. Thành giặc sẽ phản ứng mạnh đó! Anh trao đổi kỹ với anh em tích cực lo cho được số ghe xuồng cần có đó anh Tư.

Lê Bình nhủ thầm: Cho dù có huy động hết số ghe xuồng ở 4 xã cũng không đủ số theo yêu cầu. Hơn nữa chỉ cho phép lấy số ghe xuồng trong phạm vi 4 xã thôi. Nếu mở rộng ra các nơi khác sẽ khó giữ

được bí mật. Xưa nay địa phương chưa hề chịu bó tay trước khó khăn nào. Nhân tài, vật lực còn tiềm tàng trong địa phương chưa huy động hết. Hễ việc gì có dính dáng đến chiến đấu là dân ủng hộ ngay. Đó là truyền thống của đồng bào xưa nay đối với cách mạng, nhất là 4 xã ở vùng ven sông này. Nếu gặp khó khăn quá, dân sẽ sẵn sàng hiến cho cả bao nhiêu vườn chuối để làm bè, chưa kể cả rừng lồ ô già kết lại và còn bao nhiêu phương tiện đơn giản khác để cho bộ đội vượt sông.

Trong bài tính chưa tìm ra được đáp số hay nhất thì một tin vui đưa đến: Anh Sáu Lập, cán bộ tác huấn của Tỉnh đội và các đồng chí trong Ban Tham mưu cho biết có hai chiếc ghe muối của dân đang neo tại bến nước xã Mỹ Lộc để ngày hôm sau xuôi về Sài Gòn.

Nhắc đến anh Sáu Lập, Lê Bình lại nhớ đến một chuyện vui. Vào giữa năm 1963, tình hình địa phương gặp nhiều khó khăn cả về tâm tư tình cảm lẫn đời sống vật chất và sinh hoạt của cán bộ chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và nhân viên, cơ quan và giao thông tiếp tế giữa vùng trong và vùng ngoài bị nhiều cản trở bởi đồn bót và hệ thống ấp chiến lược dày đặc của địch. Vào khoảng 5 giờ chiều, trong khi anh đang bàn kế hoạch đánh cái tua Tổng Bản với anh Hai Tiến, trưởng đội đặc công của tỉnh thì chợt anh Sáu Lập đến. Anh cười hề hề, nháy nháy cặp mắt lúc nào cũng như uơn uớt, tay anh gãi sau gáy như sắp để nghị một việc gì. Lê Bình nghĩ bụng: Sáu Lập

chắc qua xin thuốc hút sau buổi cơm chiều đây. Lê Bình chìa túi thuốc đưa cho anh. Nhưng không, anh nói ngay:

- Báo anh Tư! Xin phép anh, tối nay cho tôi đi bắn vài con cheo để cải thiện cho anh em. Mấy hôm nay ăn uống hẻo quá!

Lê Bình chìa anh túi thuốc. Sáu Lập quần một điếu, bật lửa, phì phà mấy hơi nói tiếp:

- Hướng “Nhà Nai” có khả năng bắn được nai đó anh. Trời mới mưa vài đám chắc có nai ra ăn cỏ tranh non.

- Anh chuẩn bị đèn bắn và súng rồi à! - Lê Bình hỏi.

- Dạ rồi.

- Ai đi cùng với anh.

- Chú bé Xuân.

Lê Bình dặn thêm:

- Nên lấy thêm một chú bảo vệ nữa đi cho chắc ăn. Để phòng rắn chằm quặp cắn nhé!

Anh Hai Tiến cười cười và xen vào:

- Nè, anh Sáu Lập, bắn có chắc ăn không đó! Lâu nay nghe đi bắn hoài mà đội đặc công chúng tôi có được xơ múi gì đâu? Có cần một tổ đặc công đi bảo vệ không? - Biết Hai Tiến chọc tức mình nhưng Sáu Lập vẫn cười hề hề, không tự ái vốn là bản tính của anh:

- Thôi mà cha! Phá đám hoài, để người ta làm ăn chứ!

Sáu Lập rít thêm mấy hơi thuốc rồi ra về vui vẻ.

5 giờ sáng ngày hôm sau, một tin râm ran truyền từ nội bộ cơ quan

Tinh đội: Anh Sáu Lập bắn được... một con... trâu của dân!

Có thêm được hai chiếc ghe lớn, mừng còn hơn nắng hạn gặp mưa rào, Lê Bình đề đạt lên Thường vụ Tỉnh ủy và được đồng chí Út Lâm, Bí thư nhất trí cho mua hết số muối trên hai chiếc ghe với tinh thần giáo dục thuyết phục đồng bào tự giác sẵn sàng ủng hộ cách mạng. Thế là đoàn pháo có thêm được 2 chiếc ghe lớn. Mỗi chiếc chở khoảng từ 35-40 người. Số bà con trên 2 chiếc ghe được chăm sóc, ăn, ở, nghỉ ngơi chu đáo. Đồng bào rất vui vẻ và an tâm khi cho mượn ghe vì họ có kinh nghiệm đối phó để đi lại làm ăn qua các đồn bót giặc.

Việc còn lại ai cũng lo nôm nớp là vấn đề giữ bí mật của trận đánh đến giờ phút chót. Sáng ngày 31-10-1964, Lê Bình báo cáo lần cuối cùng toàn bộ kế hoạch phối hợp của tỉnh với anh Hai Nhã. Anh Hai rất phấn khởi cười luôn miệng, như trẻ thêm ra mấy tuổi. Thỉnh thoảng anh hỏi lại vài điều chưa rõ với giọng không bình thường lắm vì Lê Bình đoán nghĩ: Anh Hai Nhã đang trong tâm trạng thấp thỏm, hồi hộp chờ đợi một sự việc hệ trọng sắp xảy ra. Qua phần giữ bí mật trận đánh, Lê Bình khẳng định với anh:

- Các bót địch xung quanh, Tinh đội đã bố trí theo dõi sát, chặt chẽ, các hoạt động của chúng. Hằng ngày lính đi, lính ở thế nào, các đồn bót, cơ sở hợp pháp của ta đều phản ánh đầy đủ. Nhất là ở chi khu Tân Uyên chẳng thấy có động tĩnh gì cả. Con đường số 8 chạy dọc theo sông Đồng Nai, tuy không còn bóng dáng đồn bót giặc nhưng luôn luôn bố trí tuần tra cảnh giới ngày đêm để phát hiện bọn thám báo biệt kích. Nhân dân địa phương thì phần lớn đã bị địch gom ra vùng tạm chiếm, nhưng đồng bào thường đi đi về về ở các xã như một cảnh hai quê, không thấy có hiện tượng gì bàn tán đoàn pháo về địa phương. Riêng lực lượng địa phương của tỉnh ở 4 xã được giáo dục chu đáo và giao nhiệm vụ cho từng cánh. Số nào được huy động lo trực tiếp cho kế hoạch thì được tập trung lại sinh hoạt, không trả về đơn vị. Đến ngày “N” tất cả đều phải về khu tập kết để sẵn sàng đi làm nhiệm vụ.

Như vậy đến ngày 31-10-1964, quân dân địa phương đã hoàn tất mọi yêu cầu cần thiết của đoàn pháo.

Thật đúng như lời Bác Hồ dạy: “Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”.

Chiều nay trời trong vắt. Thỉnh thoảng có từng đám mây bạc như những đồng bông gòn di động từ từ trên bầu trời xanh biếc. Những bụi tre xanh ven bờ sông uốn quần theo gió chiều xào xạc. Rừng chuối

dày đặc bạt ngàn khua động các tàn lá. Mặt sông gọn sóng li ti, vỗ nhẹ vào bờ những tiếng rì rào. Gió lướt nhẹ từng đợt ngắt hiu hiu làm mát rượi lòng người. Hoàng hôn dần buông xuống. Từng tốp pháo thủ, dân công từ các bìa rừng tỏa ra cánh đồng, im lặng nối đuôi nhau đi đến bờ sông. Nhất là các anh em pháo thủ, gọn gàng trong bộ quần áo cụt, tốp mang tốp vác các khẩu ĐKZ 75, các loại súng cối 81, 82, đạn dược, mặt cúi xuống, im lặng lướt đi thoăn thoắt trên các bờ ruộng, cánh đồng. Anh em cùng một suy nghĩ: “Đây là trận ra quân đầu tiên của pháo binh Miền. Phải quyết tâm bằng mọi giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”. Tuy nhiên họ vẫn canh cánh bên lòng nỗi lo âu và hồi hộp.

Riêng tiểu đoàn bộ binh do anh Năm Ngân chỉ huy là ung dung rảo bước tuy nhiệm vụ của đơn vị cũng không kém phần nặng nề: Tiểu đoàn phải ém bên kia sông để bảo vệ đoàn pháo đi làm nhiệm vụ và trở về an toàn. Râm ran có một ít anh em lo ra vì bộ binh rút sau cùng, nếu trời sáng mà còn bên kia sông là rất nguy hiểm! “Phải chết sống bảo vệ đoàn pháo” - Đó là lệnh của chỉ huy sở.

Hai chiếc ghe máy và đoàn xuống của dân làm việc như hai con thoi hết đưa tốp này đến đưa tốp khác sang sông một cách rất trật tự và gọn gàng. Tiếng ghe máy nổ nghe bình yên và tiếng mái chèo khua nước óc ách làm xao động một khúc sông tưởng như yên ả.

Về hướng Nam, ánh đèn điện của sân bay Biên Hòa tỏa ra một vòm sáng trắng. Chiếc máy bay Dakota của Mỹ quần đảo trên bầu trời đêm vọng lại tiếng rền rĩ dai dẳng.

Một tai họa khủng khiếp sắp ập đến đầu giặc!

Hai mươi ba giờ, một loạt tiếng nổ dồn dập ở hướng sân bay Biên Hòa, tiếp theo là lửa bốc cao làm sáng rực một góc trời.

“Sân bay Biên Hòa cháy rồi! Sân bay Biên Hòa cháy rồi!”! được truyền từ người nọ sang người kia nhanh như điện. Tiếng hò reo vang dọc bờ sông và trong căn cứ của tỉnh.

Một bầu trời thẳm và máy bay khu trục từ hướng sân bay Tân Sơn Nhất bay lên đảo nhiều vòng trên bầu trời sân bay Biên Hòa làm náo động cả một vùng.

Trận đánh vào sân bay đêm 31-10-1964 thu thắng lợi lớn, gây cho địch nhiều thiệt hại. Tướng Mỹ Taylor rầu rĩ nhìn sân bay Biên Hòa bị bắn phá tan hoang. Nước mắt của y chảy ròng ròng như rót xuống thấm ướt các mảnh vụn của máy bay. Chiến công lớn đầu tiên này không chỉ đóng khung trong phạm vi của đất nước Việt Nam mà còn bay rộng ra lan xa ra khắp năm châu bốn biển. Tổng thống Mỹ Giôn-xơn như bị nhiều cái tát choáng váng. Dù có ngạo mạn, hãnh cũng phải đưa tay lên trời chì chiết, trách móc, chửi bới bọn dưới quyền:

- Thiệt hại lớn quá, to tát quá! Cả lũ ăn hại! Không bảo vệ nổi một sân bay...!

Lê Bình chăm chú đọc cái thông báo tin chiến thắng và suy ngẫm:

..... phá hủy:

- 29 máy bay, có 21 máy bay chiến lược B.57.

- 1 kho đạn pháo 105.

- 1 kho đạn đại liên.

- 2 kho xăng dầu.

- 1 đài quan sát

- 4 trại lính, 18 nhà sĩ quan có 76 phi công Mỹ và nhân viên kỹ thuật chết và bị thương. Sau trận đánh Bác Hồ có thơ:

“Uy danh lừng lẫy khắp năm châu

– Đạn cối tuôn cho Mỹ bể đầu,

– Thành Đông trống thắng lay Lầu trắng

– Điện Biên, Mỹ chẳng phải chờ lâu”⁽¹⁾.

Với một sân bay tầm cỡ như Biên Hòa, địch bảo vệ rất chu đáo thật khó lòng mà thâm nhập được. Nhưng có quyết tâm cao, kế hoạch thật chu đáo, dũng cảm vượt khó khăn lại được dân đùm bọc che chở, ủng hộ hết mình thì ta có thể mang vác các loại pháo cỡ nhỏ như cối 81, 82, ĐKZ 75 vào tận sào huyệt của địch, gây cho chúng nhiều thiệt hại bất ngờ choáng

(1) Báo Nhân dân, số 3878, ngày 12-11-1964.

váng. Với cự ly vài cây số thì loại pháo gọi là “tép” nhưng “bé hạt tiêu” sẽ làm cho kẻ thù không lường hết được hậu quả tai hại đành chịu thất bại cay đắng.

Vai trò của địa phương góp phần đáng kể vào thắng lợi đó. Thông thường sau khi đoàn pháo đánh xong chuyển địa bàn hoạt động thì địa phương thường phải đánh trả với bao nhiêu cuộc càn quét đánh phá của địch suốt nhiều ngày liền. Ấy thế mà tỉnh phải bám trụ suốt bao nhiêu năm ròng ở một phần lớn mảnh đất chiến khu Đ kiên cường, bất khuất. Kẻ thù sợ hãi nói: “Chiến khu Đ còn, Sài Gòn mất”. Chúng ta nói: “Chiến khu Đ còn, sân bay Biên Hòa còn bị đánh phá”.

30 năm nhìn lại trận pháo kích sân bay Biên Hòa của đoàn pháo binh miền Đông, những người chỉ huy pháo và bắn pháo này chưa có học vấn cao nhưng đã cố gắng làm được trong những tình huống bắn giản đơn nhất. Đúng là trong điều kiện hiện đại bây giờ, phải học tập có quy củ, có hệ thống, có trình độ văn hóa cao mới biết sử dụng được các loại pháo hiện đại. Nhưng khi sử dụng còn có bộ óc của con người biết ứng dụng như thế nào trong một số trường hợp cụ thể cho thích hợp.

Sau thắng lợi, đoàn pháo binh miền Đông lại lên đường đi làm nhiệm vụ mới.

Không khí sôi động trang nghiêm và cảm động buổi chia tay của những người quyết sống chết bám đất, bám vườn với đoàn dũng sĩ “chân đồng vai sắt”

đặt gót chân khắp miền Đông. Những bước chân chắc nịch của đoàn dũng sĩ lại lên đường. Những càn pháo, mâm pháo, nòng pháo đung đưa trên “vai sắt” của các chiến sĩ lướt thoăn thoắt qua các khu rừng quanh co, lẫn vào màn đêm của những cánh rừng miền Đông xiết bao thương yêu và anh dũng.

H.H

*

SUỐI NHUNG REO

Hải Hà

Chiến trường miền Đông vừa trải qua một mùa khô rực lửa. Quân dân ta giành được thắng lợi hết sức giòn giã. Đối với địch, đây là một mùa khô thất bại thảm hại, cái mà chúng gọi là “cuộc phản công chiến lược lần thứ hai” với nỗ lực cao nhất và đầy tham vọng buộc phải kết thúc sớm, kết quả hoàn toàn trái ngược với dự tính ban đầu. Cuộc hành quân Gian-xon Xi-ti được coi như cuộc hành quân then chốt bậc nhất, kéo dài 53 ngày đêm, tiến vào chiến khu Dương Minh Châu để “diệt” và “đánh gãy xương sống Việt Cộng” bị quân dân bắc Tây Ninh đánh gãy trở lại một cách thảm thương. “Lâm vào thế bị cầm chân, tê liệt từng phần, quân thiện chiến Mỹ bị tổn thất nhiều và đau đớn...”. Đó

không phải là lời bình luận của một hãng thông tấn hay báo chí nào, mà chính từ cửa miệng tướng Mỹ bốn sao Oét-mo-len phát ra.

Còn bây giờ đã giữa mùa mưa.

Trung đoàn pháo hỏa tiễn 724 đóng quân tại suối Nhung, một vùng sâu của khu vực Mã Đà, địa thế rất kín đáo. Nhưng chính cái địa thế kín đáo địch khó phát hiện này đang gây cho trung đoàn những khó khăn không nhỏ. Con suối có cái tên con gái dịu dàng đó thật không dễ thương tí nào. Mùa nắng nó khô cạn tận đáy, mà đến mùa mưa nó tràn ngập đôi bờ, chảy ồ ồ như thác đổ đầu nguồn. Suối đã vậy, sông Mã Đà còn hung dữ gấp bao lần. Bộ đội hành quân qua sông, hễ sơ ý là bị nước cuốn đi luôn. Khu vực trung đoàn đóng quân sớm trở nên lầy lội, ngập ngụa, các loài muỗi độc tha hồ sinh sôi nảy nở. Bệnh sốt rét ác tính xuất hiện như một kẻ thù mới nguy hiểm. Có một đêm sáu chiến sĩ và một cán bộ đại đội mới 22 tuổi của trung đoàn cùng “ra đi”. 7 giờ đêm, đồng chí cán bộ này còn đi lại trò chuyện được, thế mà 10 giờ đêm đột ngột lên cơn sốt rồi tắt thở luôn. Tổn thất quá lớn hơn cả con số thương vong trong một trận chiến đấu với quân Mỹ; thực tế có trận chiến đấu trung đoàn không một ai hy sinh cả! Lần đó, Chính ủy Tư Bình đã không cầm được nước mắt, anh nói với vong linh người vừa khuất: “Tôi nhiều tuổi rồi, giá được thì tôi chết thay cho các em, vì tương lai các em còn nhiều hứa hẹn quá!” Nói rồi, nước

mắt cứ chảy ra trên khuôn mặt đồng chí Chính ủy...

Vượt lên trên mọi khó khăn gian khổ, đơn vị chờ đợi nhiệm vụ được giao. Ai cũng hiểu mùa mưa này ta sẽ chủ động giáng tiếp cho địch một đòn đau nữa để “năm 1967 là năm đau khổ khốc liệt đối với quân Mỹ” như về sau bộ trưởng ngoại giao Mỹ thừa nhận. Bộ Tư lệnh Miền quyết định mở chiến dịch Lộc Ninh.

Trung đoàn trưởng Ba Tô Đề dẫn đầu bộ phận chuẩn bị chiến trường lên đường. Ngoài trưởng ban tác chiến Nguyễn Văn Tây, chủ nhiệm trinh sát Võ Vui còn có ba tiểu đoàn trưởng Đỗ Trọng Thu, Phan Thanh Quế, Nguyễn Văn Hợp và năm chiến sĩ. Từ chiến khu Đ, các anh đi về hướng lộ 13, bí mật đo đạc các mục tiêu, tính toán phần tử bắn, các anh cũng bỏ nhiều công sức tìm một trận địa thật tốt cho “dàn đồng ca” gồm 54 nòng pháo của trung đoàn. Anh em bộ binh cùng đi chuẩn bị chiến trường rất khâm phục tinh thần xông xáo, hăng hái của pháo binh.

Sắp tới trung đoàn sẽ chi viện hỏa lực trực tiếp cho Sư đoàn 9 bộ binh. Bởi thế, sau khi đã chuẩn bị chiến trường về anh Ba Tô Đề và chỉ huy trung đoàn lại đến gặp sư đoàn bộ binh để hoàn chỉnh kế hoạch hiệp đồng tác chiến. Kết thúc buổi làm việc, sư đoàn trưởng Sáu Khâm nói:

- Tóm lại, yêu cầu pháo binh thực hiện cho được hai điểm: một là bắn trúng, hai là bắn đúng thời cơ. Các đồng chí thực hiện được hai điểm đó là tạo điều

kiện thuận lợi cho bộ binh mau chóng làm chủ chiến trường.

Trên đường về, Chính ủy Tư Bình nói:

- Cái “tóm lại” của anh Sáu Khâm chẳng đơn giản đâu, đơn vị mình phải cố gắng làm cho được. Lần đầu tiên hiệp đồng với Sư đoàn 9, sư đoàn chủ lực tinh nhuệ, thiện chiến của Miền mà!

Trung đoàn phó Ba Hàm tiếp lời:

- Bắn trúng là yêu cầu số một, nếu không sẽ không diệt được địch lại đâm lưng quân mình, bộ binh họ ngại nhất điều này. Còn muốn đúng thời cơ thì chuẩn bị thiệt kỹ, có lệnh là phát hỏa được ngay.

Riêng trung đoàn trưởng không nói gì, chỉ thỉnh thoảng mỉm cười. Có thể anh đang suy nghĩ về một vấn đề gì đó, cũng có thể anh muốn im lặng lắng nghe ý kiến của các đồng chí khác. Chính ủy Tư Bình nhìn dáng người cao to, khuôn mặt đôn hậu với đôi mắt thường nheo nheo lại và cái miệng tròn có duyên của trung đoàn trưởng, bỗng nhớ lại câu chuyện anh Ba Tô Đê thường kể cho mình nghe, không chỉ một mà nhiều lần. Hồi Pháp thuộc anh phải đi sửa kính đeo mắt dạo dọc đường để kiếm sống. Có cái chỉ cần ráp hoặc sửa mười lăm phút là xong, anh nói với khách phải mất một tiếng, thậm chí hai tiếng, cố kéo dài thời gian để lấy được nhiều tiền công của khách. Nay nhớ lại anh buồn cười thì ít mà cay đắng nhiều hơn. Rồi anh kết luận: “Cuộc đời nô lệ là như vậy đó Tư Bình ạ! Nói xạo để kiếm

tiền ăn!”. Kỷ niệm riêng không vui đó là một trong những động cơ thúc anh chiến đấu giành độc lập, tự do cho dân tộc, quyết không để ai phải làm người nô lệ.

Còn Tư Bình, anh mới chuyển sang binh chủng hỏa lực mặt đất, nhưng cũng đã có duyên nợ với pháo binh từ lâu. Hồi mình pháo kích sân bay Biên Hòa lần thứ nhất năm 1964 rồi lần thứ hai năm 1965, với cương vị Tiểu đội trưởng Phước Thành, anh đã cùng quân dân trong tỉnh làm đủ mọi việc bảo đảm cho các trận đánh thắng lợi. Nào huy động ghe xuống chở pháo, dân công tải đạn. Nào tổ chức du kích bao vây các đồn bót, kiểm chế pháo địch để phối hợp với bộ đội chủ lực. Rồi giáo dục nhân dân giữ bí mật nữa... Ngày đó “bão lửa” của mình mới chỉ là hỏa lực ĐKZ và cối chú chưa có loại hỏa tiễn 122 ly khi nổ văng ra mười ngàn miếng đạn và có sức nóng ngàn độ như bây giờ. Bởi vậy anh rất có ý thức về vai trò quan trọng của đơn vị mình trong chiến đấu, nhất là sắp tới sẽ chi viện trực tiếp cho Sư đoàn 9 bộ binh. Đang râm ran trò chuyện, anh bỗng im lặng trong chốc lát để suy nghĩ về những công việc cần phải tiếp tục tiến hành đảm bảo đảm trận đánh sắp tới thắng lợi.

Đến ngày trung đoàn xuất quân.

Những anh em hôm qua còn trùm kín mền vì lên cơn sốt rét, hôm nay cũng bật dậy. Ai cũng thích đi, xin đi, đòi đi chiến đấu. Cuối cùng chỉ độ dăm anh em yếu quá phải ở lại, còn tất cả đều được lên đường.

Tháng 10, những trận mưa cuối mùa ào ào trút xuống đột ngột và dữ dội. Đường rừng lầy lội đã đành. Qua các trảng trũng nước lầy xấp đến bụng, phải dò dẫm từng bước một cách vất vả chứ không thể tính chuyện đi nhanh được. Thịnh thoảng có máy bay địch đến gần, bất kể dưới đất khô ráo hay ẩm ướt mọi người đều phải ngồi thụp xuống, lấy cành lá che khắp người giả làm bụi cây mọc giữa trảng. Quần áo mọi người do đó đều chịu ướt át cả ngày.

Trên vai cán bộ, chiến sĩ là pháo, đạn, khí tài và gạo. Kẻ vác, người khiêng, khiêng hai, khiêng tư, hàng tạ sắt thép trĩu nặng trên vai, ghì bước chân lại. Phải nói đây là một tiến bộ mới của trung đoàn. Từ trước đến nay, mỗi lần đi chiến đấu, trung đoàn đều được các đơn vị bộ binh và dân quân tải pháo đạn giúp đến tận trận địa, vì vậy người ta thường gọi trung đoàn là *"binh chủng được cưng"*. Lần này cán bộ, chiến sĩ đề cao tinh thần tự lực tự cường, đảm nhiệm giải quyết việc đó. Những đôi *"chân đồng"* và *"vai sắt"* được dịp thử thách và phát huy tác dụng.

Hết ngày thứ ba thì đến vị trí tập kết.

Nguyên vọng chung của mọi người là được tắm rửa cho sạch sẽ, vì trong người rất nhớp nháp khó chịu. Nhưng việc quan trọng hơn nữa là phải đào hầm cho pháo, đạn và khí tài. Lại còn hầm tránh máy bay và hào chiến đấu nữa. Mà phải làm khẩn trương và bí mật, vì khoảng cách giữa ta và địch chỉ có 10 kilômét theo đường chim bay.

Đánh điểm, diệt viện là sở trường của ta. Lần này, *"điểm"* là trại huấn luyện biệt kích Lộc Ninh. Một đơn vị bộ binh đã tiến công tiêu diệt gọn cái *"lò đúc"* những tên lính đánh thuê hung hãn này. Và cái thế ta đã cài sẵn: nhất định địch sẽ đổ quân xuống sân bay Lộc Ninh để giải quyết hậu quả. Pháo binh có nhiệm vụ nã đạn bất ngờ, mãnh liệt để sát thương một phần sinh lực địch, hiệp đồng cùng Trung đoàn 2 của Sư đoàn 9 tiêu diệt viện binh địch.

Việc chiếm lĩnh trận địa, đo đạc lại các mục tiêu và chuẩn bị các phần tử bắn đã hoàn tất. Nhưng vẫn phải tiếp tục nằm chờ. Bởi vì đây là một trận phục kích, giờ phút nổ súng phải tùy thuộc tình hình địch. Ba ngày nằm chờ địch rồi, không chỉ có sốt ruột, mà thần kinh còn căng thẳng ghê gớm vì sợ lộ. Máy bay địch như muỗi và biệt kích địch như rươi! *"Đi không dấu, nấu không khói, nói không tiếng"*, câu nói đó được cán bộ nhắc nhở luôn miệng, chẳng ngại anh em chê nhàm. *"Phải thay lá ngụy trang tươi ngay, không thì máy bay trinh sát nó không để yên đâu!"*. Mối tò mò sáng, cán bộ đã đến từng khẩu đội kiểm tra và nhắc nhở. Mà máy bay trinh sát L.19 của địch cũng đang đi tìm quân ta thật. Từ sáng đến trưa, từ trưa đến chiều, chúng rà khắp khu vực xung quanh sân bay Lộc Ninh để phát hiện dấu vết của *"Vici"*. Mỗi lần chúng bay qua đầu, những người có mặt ở trận địa không ai dám nói là không hồi hộp. Nó mà liệng xuống một trái lựu đạn khói là hỏng hết mọi việc, còn nói gì chuyện đánh chác nữa.

Để phòng biệt kích địch đi lòng, trung đoàn tổ chức hai trung đội cảnh giới phía trước mặt và phía sau lưng trận địa. Hai trung đội này trang bị súng bộ binh, quyết tử với bọn phục kích, bọn đồ chup, bằng mọi giá không cho chúng lọt vào trận địa pháo của trung đoàn.

Sáng ngày 17 tháng 10, Sư đoàn 9 bộ binh thông báo: “Quân Mỹ bắt đầu đổ xuống sân bay Lộc Ninh. Trung đoàn pháo ở trong tình huống báo động”.

Không khí hăm hở, náo nức tràn dâng.

Nhưng vẫn chưa được phát hỏa ngay, mặc dù công việc càng lúc càng dồn dập.

Ở đài quan sát, chủ nhiệm trinh sát Võ Vui cùng tham mưu trưởng Sư đoàn 9 chăm chú theo dõi hành động địch để nắm vững quân số và đội hình bố trí dã ngoại của chúng. Hai anh xác định: địch gồm 1 chiến đoàn Mỹ. Ngày hôm nay chúng còn cụm lại ở sân bay.

Sư đoàn trưởng hỏi qua máy điện thoại:

- Từ sáng đến giờ địch đổ xuống bao nhiêu?

- Báo cáo 36 chuyến, vị chỉ hơn một ngàn tên. Chúng còn đổ xuống tiếp.

- Chúng bố trí như thế nào, các đồng chí có theo dõi được hành động của chúng không?

- Vẫn như chúng tôi vừa báo cáo cách đây ba mươi phút, nghĩa là chúng cụm lại thành từng tiểu

đoàn. Đài chúng tôi đặt ở trên cao và gần địch, bảo đảm thấy rõ từng tên đi đi lại lại trong sân bay.

Sư đoàn trưởng dặn thêm:

- Thế là tốt. Nhưng các đồng chí phải thường xuyên nắm chắc địch nghe chưa, không được để đơn vị đánh vào khoảng đất trống!

- Rõ!

Hai trung đội cảnh giới cũng được lệnh bung ra xa hơn nữa, gặp địch là nhanh chóng nổ súng xua chúng trở lại ngay.

Còn ở trận địa, máy bay trực thăng trinh sát và trực thăng vũ trang của địch bay đi, bay lại càng nhiều. Thời gian lúc này trôi qua càng chậm chạp. Anh nuôi đem cơm đến, có người nói hơi quá: “*Chẳng còn nghĩ đến chuyện đói khát nữa, có ăn cơm bây giờ cũng như nhai sạn cát thôi!*”. Nhưng anh nuôi nhà ta không tự ái, không bực mình, vì rất thông cảm với những người đồng đội thân yêu đang lúc lửa thiêu gan ruột.

Mặt trời khuất bóng, trời sụp tối.

Mấy chục nòng pháo hỏa tiễn dài hơn hai mét giống cả về hướng mục tiêu.

Những ngọn đèn chiếu sáng tỏa ra những vệt rất hẹp, chỉ vừa đủ để kiểm tra các phần tử bắn.

Trung đoàn trưởng Ba Tô Đề báo cáo với sư đoàn trưởng Sáu Khâm:

- Pháo binh đã chuẩn bị xong.

- Các đồng chí nhớ kiểm tra kỹ một lần cuối nhé - Sư đoàn trưởng đáp. Chúc toàn trung đoàn lập công!

22 giờ, vẫn yên ắng... Sao lại có sự yên ắng lạ kỳ đến thế! Ngồi ở sở chỉ huy, chính ủy Tư Bình nghe rõ tiếng suối chảy róc rách gần đầu đây. Xa hơn, vọng lại tiếng chim cú đêm từng gióng một nghe nào cả ruột. Nhưng không, lòng anh đang vui. Anh nghĩ đến sớm mai đây thôi, như những lần trước trung đoàn đánh Phước Vĩnh, Phú Chánh xong, mở chiếc ra-đi-ô, các đài phương tây sẽ nói toạc ra sự thiệt hại của quân Mỹ trong trận này. Rồi họ bình luận nữa. Đế quốc Mỹ sẽ điên đầu lên. Mùa mưa này trung đoàn anh sẽ cùng các đơn vị bạn đánh bồi địch thật đau, tạo thế mới, lực mới cho toàn chiến trường bước vào đông xuân sắp tới làm ăn lớn hơn, dồn địch vào thế bị động, lúng túng hơn nữa. Nè Mỹ, anh nói một mình: hãy liệu hồn, chúng mày có tụt thang không hay vẫn còn lăm le diễn tiếp cái trò “phản công chiến lược” lần nữa?

22 giờ 50 phút, lệnh “chuẩn bị”.

Toàn trung đoàn, cán bộ cũng như chiến sĩ, lính cũ cũng như lính mới, chỉ còn chờ có một khẩu lệnh rất ngắn gọn và dứt khoát của người chỉ huy trận đánh. Bây giờ khẩu lệnh đó đã phát đi, thỏa nỗi ước ao chờ đợi:

- Bắt!

Đạn bay vút lên không trung. Ánh lửa đỏ chớp

lên, trùm cả khu trận địa dài hơn một ngàn mét. Ánh lửa soi rõ vóc dáng hùng mạnh, trẻ trung của từng pháo thủ đang trong động tác bắn pháo. Và tiếng đạn rít, đạn nổ nữa. Tiếng đạn như cơn giông bão đang kéo đến đổ ập lên đầu giặc.

Trong thời gian mười phút, một trăm trái đạn pháo của trung đoàn đã rớt xuống đầu giặc.

Theo đúng kế hoạch hiệp đồng, đến lượt bộ binh xung phong. Bây giờ là tiếng súng trường và tiểu liên rộ lên từng chập, từng chập.

23 giờ 20 phút. Trung đoàn trưởng Ba Tô Đề được lệnh sư đoàn trưởng bộ binh cho trung đoàn rời khỏi trận địa, hành quân về căn cứ. Đại đội trinh sát của trung đoàn đã cắt sẵn một con đường mới trong rừng để đơn vị rút quân được an toàn.

Khi đi nặng nề, cồng kềnh nhưng lúc trở về đạn không còn, gạo cũng đã voi, vì vậy từng đại đội, tiểu đoàn đều ra lệnh cho anh em “bôn tập”.

Nhưng khoảng 3 giờ sáng, khi đến một rừng dâu, có mấy cán bộ đến gặp trung đoàn trưởng:

- Suốt mấy đêm liên không ngủ rồi, anh em quá mệt mỏi, đề nghị anh cho đơn vị nghỉ lại sáng sẽ hành quân tiếp.

Trung đoàn trưởng nheo mắt, đôi môi mấp máy có vẻ không bằng lòng. Anh ôn tồn trả lời sau khi hội ý chớp nhoáng với chính ủy Tư Bình:

- Thương anh em mà nghỉ lại sẽ mang họa vào

mình đó. Phải kiên quyết rời khỏi nơi này càng sớm càng tốt. Vì đây là khu vực máy bay B.52 thường đánh phá. Chỉ nghỉ mười phút rồi đi ngay. Tiếp tục hành quân mới là thương anh em.

Cán bộ trên phổ biến cho cán bộ dưới, rồi đã thông cho chiến sĩ. Cuộc hành quân tiếp tục. Đây đó trong hành quân có người nói với nhau: *“Thôi, ta vừa đi vừa ngủ trong bụng vậy!”*. Có người chân bước mà đầu cứ như đang ngủ.

Mệt. Nhưng đến 16 giờ, trung đoàn về đến hậu cứ với quân số đầy đủ 100%. Thời gian lượt về chỉ bằng một phần ba lượt đi.

Cần so sánh như vậy vì trên đường về, đúng như dự kiến của trung đoàn trưởng, lúc 8 giờ sáng, máy bay B.52 đã “đuổi theo”, ném bom “chặn đường” đơn vị. Nhưng bom của chúng đều rơi cả ở phía sau lưng ta.

Chính ủy Tư Bình và trung đoàn trưởng Ba Tô Đề lại đàm luận với nhau: “Máy tính điện tử Mỹ đoán không ra sức chịu đựng và sức cơ động của Quân Giải phóng là ở chỗ này đó! Đôi chân pháo binh Việt Nam cơ động nhanh gấp mấy lần máy bay phản lực của chúng!”. Khoái chí, hai anh em cất tiếng cười giòn. Những người xung quanh cũng vui vẻ hưởng ứng.

Bữa đó, chính ủy Tư Bình mở ra-đi-ô nghe đài phát thanh phương Tây nói về kết quả trận đánh. Họ đưa tin nhanh thật! Nhưng nguồn tin anh thông báo chính thức cho đơn vị là do đài quan sát hỗn hợp

pháo bộ của chủ nhiệm trinh sát Võ Vui báo về: Đạn pháo ta bắn rất chính xác, đã diệt trên sáu mươi phần trăm sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch. Sau đó bộ binh nhanh chóng xông lên đánh thiệt hại nặng chiến đoàn Mỹ vừa chân ướt chân ráo đến sân bay Lộc Ninh.

Hai ngày sau, trung đoàn trưởng Ba Tô Đề cho biết thêm: Xác quân Mỹ bỏ mạng đều cháy đen như cây thui. Còn bộ binh ta bữa đó nằm ở tuyến xuất phát xung phong cách mục tiêu chỉ có 600 mét để khi pháo ta ngừng thì nhào vô cho lẹ. Họ hết sợ bị “đắm lưng”, nhưng ai cũng kêu rất mệt quá xá, sức nóng của đạn pháo hỏa tiễn sao mà dữ dằn vậy. Dàn đồng ca tên lửa 54 khẩu pháo ĐKB khi gầm thét lên như dòng suối Nhung hung dữ lồng lộn cuộn cuộn nhận chìm bè lũ cướp nước và bán nước.

H.H

*

THẦY THUỐC CHIẾN SĨ

Anh Lê

*T*rời đã xế chiều, mây vẫn vũ trên không. Ánh nắng tắt hẳn. Cái không gian ảm đạm như báo trước một cơn mưa lớn. Trên mặt hầm một cây to vắt ngang. Cảnh khô chĩa tua tủa lên trời như cái gạt nài. Qua khe hở nứt rạn của thân cây, có cảm thấy cảnh hoa nghệ rừng đỏ chói.

Anh Tư Bình, Chính ủy của bệnh viện, đồng thời là chỉ huy trưởng cuộc chống càn. Với đôi mắt sâu, má hóp, người xanh xao vì thiếu ngủ, anh đang rất lo lắng về diễn biến và tình hình sắp tới của bệnh viện. Anh nhủ thầm: vậy là cuộc càn của Mỹ-ngụy đã bước vào ngày thứ năm mươi. Năm mươi ngày đêm khói lửa dấy đặc trong một khu đất nhỏ nóng bỏng, những ngày cuối cùng của cuộc càn chắc còn lắm chuyện gay go. Dịch chưa tiêu diệt được cái bệnh

viện nhỏ bé này chắc hẳn cay cú lắm. Chúng nó sẽ mở những cuộc phản kích mạnh để dứt điểm trước khi rút khỏi đất nước Campuchia trung đoàn thiết giáp nguy số 11. Trung đoàn này hiện còn ở quanh khu vực Móc Câu để tìm sơ hở của ta. Khoảng thời gian còn lại là một sự thử thách mới đối với bệnh viện, nhưng thói thường đầu xuôi thì đuôi lọt. Đã bám trụ được năm mươi ngày đêm rồi, ta có cơ sở vững vàng để tiếp tục chiến đấu bảo vệ được cả ngàn sinh mạng còn lại. Máy vận quân Mỹ-ngụy, với hỏa lực mạnh đủ các loại xem ra chúng hùng hống hổ hổ có thể chà xát, giẫm nát hết cỏ cây, bao vây khắp núi rừng, không một ai thoát khỏi. Ấy vậy mà ta đã chịu đựng và vượt qua được tất cả, lại còn sung sức bước vào đợt độ sức mới. Nhưng với tương quan lực lượng như thế, chắc chắn ta còn phải hy sinh.

Chuông điện thoại reo vang cắt ngang dòng suy nghĩ của anh. Từ đầu dây có tiếng gọi lại khàn khàn. Anh Tư Bình nhắc máy lên hỏi:

- Anh Tư Ka đó hả, có gì không?

- Trinh sát của ta vừa phát hiện có dấu biệt kích cò cây dọc theo khoa nội cán bộ chạy dài đến khoa nội 3. Đặc biệt dấu cò cây lại tránh những lùm rậm rạp và các cây to.

Mất mấy giây suy nghĩ, anh Tư Bình hỏi lại:

- Tổ tác chiến có ý kiến nhận định như thế nào? Rồi anh khêu gợi luôn:

- Có khả năng địch dùng xe tăng, thiết giáp đánh vào bệnh viện không?

- Báo cáo anh Tư, tôi và anh Cán ở tổ tác chiến có nghĩ đến khả năng đó.

- Ta dự kiến tình huống xấu nhất này để chủ động đối phó. À B.40, B.41 còn cả thấy bao nhiêu khẩu, kể cả lực lượng của bạn và ta?

Anh Tư Ka tính nhẩm rồi trả lời:

- Bạn còn 8 có 3 B.41, ta có 2 B.40. Mỗi khẩu có 1 cơ sở đạn và 3 cơ sở lẻ dự trữ chung cho các lực lượng.

Anh Tư Bình nói chậm rãi:

- Nè anh Tư Ka, anh nghe đây nhé! Anh bố trí 2 khẩu ĐB.20 cải tiến cách Viện bộ 100 mét hướng về khoa nội 3 làm lực lượng dự bị. Một quả ĐH.20 cải tiến, đối lấy một xe tăng hay thiết giáp còn rẻ mạt đây. Phía hậu của khoa ngoại một, anh cho bung trình sát ra xa nắm chắc địch. Nó lợi dụng trắng trống ở gần đồ quân bằng trực thăng kết hợp với tăng, thiết giáp đánh vào phía sau ta. Còn sử dụng B.40, B.41 tôi bàn cụ thể với anh sau. Tôi sẽ trao đổi với anh Ba Nhân Viện trưởng. Có gì thêm sẽ bổ sung. Anh nghe rõ chưa? - Một tiếng rõ mạnh mẽ của anh Tư Ka đáp lại.

Cùng lúc ấy anh em bảo vệ, mình mẩy lấm lem bùn sinh, xách một giỏ cua, cá và râu rắn mỗi từ ngoài trắng đi về gặp anh Bình. Minh "cùn" vui vẻ khoe:

- Trưa nay, mấy cháu tranh thủ xuống cái hồ cạn

ở trảng Khơ Mua tát. Chiều nay là bữa canh chua cải thiện đó chú Tư. Rắn mỗi thịt nó ngon như cá lóc nướng trui.

Anh Bình cười, anh nghĩ đến bác sĩ Hoàng Trung Can ở khoa ngoại một. Đêm đêm xách đèn dầu đi soi ếch, cá, đặt trum bắt lươn, ngày rảnh anh đi bắn chim để có thêm ít chất đạm tươi nuôi dưỡng anh em thương binh nặng.

Sang hầm bên, anh Bình vẫn thấy anh Ba Nhân Viện trưởng đang say mê nghiên cứu với chồng tài liệu sách báo. Cây bút mực của anh lúc nào cũng chạy suốt trên tập giấy trắng. Anh tranh thủ viết không ngừng tay. Đó là thói quen của người phó tiến sĩ, bác sĩ Viện trưởng, dù trong hoàn cảnh chống càn, việc nghiên cứu tổng kết đối với anh vẫn không bị gián đoạn. Xưa nay dù bề bộn công việc, anh cũng khắc phục khó khăn, động viên cán bộ tham gia đều đặn các buổi sinh hoạt khoa học của bệnh viện, các lớp học tiếng Anh - Nga mà anh là thầy dạy đầy nhiệt tình, hăng hái nhất. Những lúc ấy, mà cán bộ nào lơ là, chểnh mảng với việc sinh hoạt học tập là anh phê phán thẳng thắn. Anh thường nói: bây giờ một số anh em ta chưa thấy hết tầm quan trọng của vấn đề ngoại ngữ, sau này đất nước được giải phóng, ngoại ngữ rất cần cho công tác và không thể thiếu được. Anh thường tâm sự với anh Bình: người thầy thuốc mà để lạc hậu trước bao nhiêu công trình mới mẻ của y học sẽ không hoàn thành tốt nhiệm vụ đâu. Có

lần anh kể lại câu chuyện anh được về Nam chiến đấu hồi năm 1964. Anh nói: “Anh Tư à, bây giờ mình mới nhận thức ra rằng trước khi lên đường vào chiến trường chống Mỹ, mình phải qua một cuộc sát hạch về quan điểm khoa học” - Anh Ba Nhân cười rất tươi và vui vẻ kể lại:

Câu hỏi đầu tiên được đặt ra: anh vào chiến trường thì công việc của anh đang đảm trách sẽ giao cho ai?

Tôi nghĩ thăm câu này không khó lắm và trả lời ngay.

- Các bệnh nhân tôi đang chăm sóc sẽ giao cho bác sĩ Lê Văn Chánh, còn công việc chỉ đạo nghiên cứu của Viện Y học Quân sự thì trên đã bố trí hai người thay, và chúng tôi đã bàn giao cho nhau rồi.

Tôi chuẩn bị đón nhận câu hỏi tiếp theo:

- Khi ở Liên Xô, anh đứng vào guồng máy nghiên cứu của viện thần kinh cao cấp, làm việc như một thành viên trong bộ máy, với trang thiết bị đầy đủ của bạn. Bây giờ vào chiến trường chẳng có trang bị máy móc gì. Anh lấy gì để nghiên cứu, và anh nghiên cứu cái gì? Có người nói: để anh ở ngoài này anh xây dựng, phát triển cơ sở, có điều kiện đóng góp tốt hơn, vào trong đó sẽ phí, vì anh chẳng nghiên cứu được cái gì. Anh nghĩ sao?

Câu hỏi bất ngờ, nhưng chỉ trong giây phút, tôi tự trấn tĩnh lại và trả lời:

- Đúng là ở Liên Xô, tại viện thần kinh cao cấp, tôi làm việc như một cán bộ Liên Xô. Khi nhà khoa học Nhật Bản Matur Moto đến tham quan, các đồng chí lãnh đạo viện, chỉ định tôi giới thiệu việc làm của mình. Nhưng tôi nghĩ rằng: Không phải khi nào có đầy đủ trang thiết bị kỹ thuật mới có thể nghiên cứu được. Tôi cho rằng ở đâu có vấn đề thì đó phải nghiên cứu. Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật thiếu thốn khó khăn bao nhiêu thì lại càng phải phấn đấu đến nghiên cứu bấy nhiêu. Máy móc, phương tiện càng khiêm tốn bao nhiêu càng phải có những nhà khoa học có trình độ, có bản lĩnh bấy nhiêu. Tôi hoàn toàn không nhất trí đối với quan niệm cho rằng chiến trường miền Nam ở xa Trung ương quá, gian khổ ác liệt quá, thì đành phải cam chịu, việc làm đến đâu thì hay đến đó. Tôi nghĩ rằng như vậy không công bằng, không hợp lý, không khoa học, mà phải đầu tư cho chiến trường gian khổ nhất, ác liệt nhất ở miền Nam tất cả cái gì có thể đầu tư được, để đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, để làm thay đổi cục diện có lợi cho ta. Và trong từng thời điểm, có thể có ý nghĩa quyết định.

Tôi chuẩn bị sẵn sàng để nhận lãnh “đòn” thứ ba, nhưng không, đồng chí lãnh đạo tươi cười, chuyển qua chuyện khác, hỏi tôi có gì khó khăn, lo lắng về “hậu phương” khi đi B không?

Anh Ba Nhân chấm dứt đột ngột, cười xòa và chuyển câu chuyện nói với anh Bình:

- Tôi xem anh Tư lúc này gầy lắm. Chú Sâm, y tá thường tiêm philatov cho anh không?

- Cũng nhờ nó mà tôi cầm cự suốt thời gian cuộc càn. À anh Ba, tôi hỏi anh điều này: tại sao ngày thường anh em ta đau ốm liên miên, có thể nói thay phiên nhau mà sốt rét, kể cả anh và tôi. Nhưng suốt cuộc càn không có ai đau ốm gì cả? Công việc thì làm tối mày tối mặt, ăn ngủ lại thất thường. Sao vậy anh Ba?

Anh Ba Nhân cười to:

- Cũng dễ hiểu thôi anh Tư. Chúng mình tập trung cao độ cho cuộc chống càn. Cái sống và cái chết vật lộn hằng ngày còn đâu thì giờ mà lo nghĩ đến đau với ốm. Hai anh cùng cười vui vẻ. Anh Ba Nhân mang cốc nước mời anh Bình uống.

Chuyển câu chuyện, anh Bình báo lại cho anh Ba Nhân biết về việc triển khai lực lượng đối phó với xe tăng, thiết giáp nếu nó đánh vào bệnh viện. Nghĩ một lúc, anh Ba Nhân nêu ý kiến có vẻ thận trọng:

- Tôi nhất trí hoàn toàn phương án tác chiến của các anh. Tôi nghĩ thêm: ở hướng Khơ Mua có trảng lớn đối diện với viện bộ, bọn trực thăng cũng dám đổ quân ở đây.

- Ở đó ta có trận địa bắn máy bay. Tôi sẽ bổ sung một tiểu đội trinh sát để đề phòng tình huống ấy xảy ra.

- Thế là tôi an tâm. Vừa nói xong, anh Ba Nhân

đưa cho anh Tư Bình xem bản báo cáo tóm tắt thành tích của khoa Dược. Anh Bình cầm lấy tờ giấy đọc nhỏ nhỏ đủ nghe: trong cuộc chống càn mặc dù B.52 và bom pháo phá hủy một phần khoa Dược nhưng bộ phận pha chế đã sản xuất được: 200 lít thuốc các loại cần thiết như: glucos novocaine, B1, B12, C, philatov... và bảo quản chu đáo gần 2 lít máu tươi của cán bộ, nhân viên cho chuyển mổ cấp cứu thương binh. Anh Bình ngừng đọc và khen ngợi khoa Dược:

- Ông "già" Triệu, chủ nhiệm khoa biết làm tốt công tác chính trị động viên cán bộ nhân viên khoa của ông. Anh nhắc lại có một trận ném bom của Mỹ, có một quả bom bi "mẹ" rớt không nổ nằm chình ình cạnh nhà ông. Ông Tư chỉ trái bom lép và nói: bi thì bi vẫn chơi tới giấc với chúng nó! Và lần khác khoa Dược bị một toán biệt kích đột vào, ông ấy và một số anh em trong khoa bắn trả quyết liệt, rượt bọn đánh lén chạy vắt giò lên cổ.

Anh Ba Nhân tươi cười vui vẻ vì anh vốn đã quý trọng và mến cách làm việc tận tụy, lòng dũng cảm của "ông già" ở khoa Dược.

*

Sáng nay 22-6-1970, trời vừa hừng sáng, nhiều loạt pháo xé gió nổ ầm vào bệnh viện, xé tan bầu không khí yên tĩnh. Xa xa có tiếng nổ cộc... cộc... cộc... giong giã của đại liên trên xe tăng địch. Từ khoa nội cán bộ, bác sĩ Duyên báo cáo cho anh Tư Bình qua điện thoại:

- Báo cáo anh Tư, chúng tôi nghe có tiếng hụ của xe tăng, thiết giáp địch, cách khoa cán bộ 1000 mét.

Đã dự kiến được trước tình huống này, anh Tư Bình ôn tồn nói với anh Duyên:

- Có khả năng địch đột vào bệnh viện bằng xe tăng, thiết giáp. Khoa của anh và khoa nội 3 cần cảnh giác cao, báo động sẵn sàng chiến đấu. Anh cho chuyển số cán bộ bệnh và số anh chị em yếu về khoa ngoại một. Số khỏe còn lại bám trụ kết hợp với lực lượng của Viện chặn đánh địch. Anh trực tiếp chỉ huy lực lượng tại chỗ của khoa.

Quá trình đánh nhau với địch, bệnh viện có lúc chia thành tuyến trước, tuyến sau. Ví dụ nếu khoa nội 3, khoa cán bộ hoặc viện bộ bị uy hiếp thì chuyển số thương binh và anh chị em yếu sức xuống khoa ngoại 1, khoa sản tạm gọi là hậu phương của bệnh viện. Ngược lại, ở khoa ngoại 1, khoa sản bị uy hiếp thì thương bệnh binh được di chuyển lên khoa nội 3 hoặc khoa Cán bộ. Trường hợp khu giữa của bệnh viện bị uy hiếp như khoa Chuyên khoa, khoa Dược thì chuyển số thương bệnh binh và số người yếu về 2 khu đầu và đuôi của bệnh viện. Nhờ cách xoay chuyển như thế nên bệnh viện luôn luôn chủ động đối phó với các tình huống phức tạp, không để xảy ra hoang mang, lo lắng trong bệnh nhân. Đồng thời các khoa, ban đều có một tinh thần đoàn kết nhất trí cao, lo lắng đùm bọc cho nhau trong lúc khó khăn, không có trường hợp nào địch đánh cùng một lúc

vào nhiều phía mặc dù ở rộng vùng ngoài, lúc nào ta cũng có lực lượng án ngữ. Cũng một phần do thể bị động đối phó chung của địch ở hầu khắp các chiến trường.

Từ khoa nội 3, một bộ phận lớn của lực lượng bạn và ta có 8 B.40, B.41, súng máy RBD và 10 tiểu liên AK chuyển bổ trợ cho khoa Cán bộ.

Trên bầu trời, nắng chói chang, 4 phản lực A.37 thi nhau trút bom ầm ầm vào khoa nội 3. Dứt bom, 5 chiếc trực thăng nã rốc két vào xung quanh khoa Cán bộ. Chúng đánh dồn dập khoảng một giờ vào mảnh đất nhỏ của hai khoa trên.

Toàn bệnh viện đều trong tư thế sẵn sàng chiến đấu cao. Tuy anh chị em được lãnh đạo sinh hoạt đánh giá thường xuyên về tình hình cụ thể về ta và địch, nhưng trong suốt quá trình dài chịu đựng sự căng thẳng, mệt mỏi bởi bom pháo ác liệt, bộ binh, biệt kích uy hiếp nay nghe có tăng, thiết giáp càn đánh vào thì có phần lo lắng nao núng, không biết viện phải đối phó bằng cách nào. Nó càn vào bệnh viện, cả ngàn con người chạy đi đâu? Có người cũng liều nhắm mắt, ai sao ta vậy.

Mười giờ sáng, một đoàn xe tăng, thiết giáp càn rừng lù lù vào khoa Cán bộ y như bày trâu cò, theo đội hình chữ A. Tiếng gầm rú của động cơ xe vang động một góc trời, cây đổ ngã rã rạc dưới bánh xe xích vạch thành một vệt thẳng trên mặt rừng. Đến ngã ba giữa khoa Cán bộ và khoa nội 3, bỗng chiếc xe

dẫn dần quặt rẽ sang trái, hai chiếc xe đi kèm cùng tiến theo xe trước.

Các anh Hữu, Thủy chỉ huy trưởng và chính trị viên lực lượng chủ lực của viện, anh Nghĩa đại đội trưởng đơn vị bạn và Minh “thọt” chỉ huy trưởng lực lượng địa phương quân khoa nội 3 hội ý chớp nhoáng và báo về sở chỉ huy của Viện: “Địch chuyển hướng đột kích đánh vào khoa nội 3”.

Anh Bình lệnh cho ban chỉ huy thống nhất cắt rừng lật cánh chuyển nhanh toàn bộ đội hình về khoa nội 3, còn khoa Cán bộ thì bám trụ theo sát hành động của địch ở các hướng khác.

Tại khoa nội 3, các lực lượng đang chĩa súng vào hướng địch, anh em hạ quyết tâm chặn đứng đoàn xe, diệt chúng tại đây vì bao nhiêu sinh mạng bên trong bệnh viện đang đặt hết niềm tin ở anh em đang đương đầu với đoàn cơ giới của địch.

Tiếng hụ hụ của đoàn xe càng gần, đất rung rinh mạnh. Cây rừng ngã rã rạc. Trên đầu, máy bay trực thăng rà sát ngọn cây quan sát. Đoàn xe địch đã lộ dạng, xem có vẻ hung tợn, quái ác. Vì địa hình ở đây phức tạp, địch không thể dàn hàng ngang tiến lên mà buộc theo đội hình chữ A. Đạn đại liên trên xe bắt đầu bắn như mưa. Thịnh thoảng vài phát đạn pháo bắn thẳng nổ ùng... oàng uy hiếp.

Bỗng một quả đạn phụt ra từ khẩu B.40 của anh Hữu. Chiếc xe đi đầu bốc cháy, lửa tủa ra xung quanh xe như ngọn đuốc. Các xe khác dừng lại. Đạn

các loại trên xe gầm thét. Trục thẳng phóng hỏa tiễn xối xả vào trận địa ta. 4 phản lực F.105 lên gầm rú và ném bom âm âm làm náo động cả khu rừng. Anh em ta mọp sát trong công sự. Chiếc tăng thứ hai vượt lên thận trọng, liền bị 1 quả B.41 của đại đội trưởng Nghĩa diệt gọn. Nó đứng sừng lại như chiếc xe bị thắng gấp. Một cột khói bốc lên cao đen đặc. Đạn trong xe nổ như pháo tết. Địch nhích lên hơn 100m bị cháy 2 xe tăng, thiết giáp. Chúng dừng hẳn đội hình. Đại liên bắn như vũ đạn yểm trợ cho đồng bọn kéo xác xe.

Mười hai giờ trưa, chúng mở đợt tấn công thứ ba. Lần này sáu chiếc xe tiến theo hình bậc thang. Đại đội trưởng Nghĩa bắn cháy thêm chiếc thứ ba và Hữu làm gọn chiếc thứ tư. Như con thú dữ bị đạn, địch lồng lộn chồm lên, cả pháo và đại liên trên xe nã âm âm, ba xe khác bốc cháy như ngọn đuốc, phản lực A.37, F.105 và máy bay trực thăng gầm rú, thay phiên nhau ném bom, bắn phá như rải thảm. Cả một góc trời mịt mù khói bom đạn như một đám cháy rừng.

Ba giờ chiều, toàn bộ xe địch rút khỏi khoa nội 3, cắt đường mới về bãi xe. Hết ngày 22-6, địch bị diệt 4 xe. Một không khí phấn khởi bao trùm toàn bệnh viện. Anh chị em lại chuẩn bị đánh trả đợt tấn công mới.

*

Sáng nay 23-6, vòm trời quang đãng, không

khí nhẹ nhàng. Tại khoa nội 3, lực lượng của viện ra quân nghinh đón địch chững chạc hơn. Một sự đón tiếp bằng sắt thép mà số lượng và khối lượng bao trùm thuộc về đối phương. Các công sự, hầm hào, ổ ụ được củng cố, bồi đắp chắc chắn.

Từ xa có tiếng rè rè của máy bay trinh sát vọng lại “Con đầm già này lên là có chuyện lôi thôi”. Đó là dòng suy nghĩ của mọi người. Một lúc sau máy bay A.37, F.105, trực thăng rồi pháo bắn phá âm âm quanh khoa nội 3 để dọn đường.

Đến 10 giờ sáng, đoàn xe tăng, thiết giáp gầm gừ xuất hiện theo hướng cũ. Chúng tỏa ra nhiều mũi, bọc sau lưng ta đánh tới, qua con suối cạn có chiều ngang 4m. Một vài anh chị có phần choáng váng trước tình huống đột xuất. Anh Hữu chỉ huy trưởng lực lượng chủ lực của Viện, thét to muốn át cả tiếng động cơ xe:

- Chuyển nhanh đội hình đối diện với đường suối, nó vào bao nhiêu cũng đánh. Ở đâu đánh tại đó. Đánh chết mẹ nó hết, không lùi một bước. Đảng viên nắm chắc súng.

Oành... oành... oành... Một loạt dài đạn đại liên tuôn ra, chiếc xe thứ nhất chồm lại vừa chồm đầu bờ suối như con chó sói chực vồ mồi thì bị ngay một quả B.41 của Nghĩa đại đội trưởng bắn ra. Chiếc xe cháy phừng phừng, nòng khẩu đại liên gục xuống. Hai chiếc xe khác liều mạng lần lượt băng qua. Âm... âm... hai quả B.40 nổ ngay hông xe, lửa dựng lên, đạn

trong xe nổ như trời gầm. Khói tỏa mờ mịt. Pháo đạn ở các hướng rộ lên.

Ở tổ của Minh “thọt” có súng máy RBD yểm trợ đang theo sát địch, cảnh giới sừng. Minh “thọt” nói với anh Thủy Chính trị viên:

- Nếu nó đánh xuyên hông, mình chơi hết mình 2 khẩu B.40, B.41 của ta quyết chặn đứng một cánh đột phá của địch. Chết sống cũng tại đây công sự này.

Như nhận định: năm chiếc xe thiết giáp đánh xuyên hông ta. Hai xe bị loại khỏi vòng chiến đấu ngay loạt đạn đầu của đơn vị bạn. Chiếc thứ ba, địch hốt hoảng mở nắp xe vọt ra, bỏ xe chạy. Một tràng súng máy RBD nổ tầng... tầng... tầng kéo dài. Ba thằng nhảy dựng lên và ngã quay ra. Có thằng chưa chết hẳn, còn bu bám vào gờ đất, đầu mọp sát để tránh đạn. Hai xe còn lại dừng hẳn, nã pháo, đại liên điên loạn khắp mọi phía, bảo vệ chiếc xe không người lái. Hỏa lực trên các xe lại gầm lên, khạc lửa vang rền. Tiếng nổ của các loại đạn, lúc dữ dội, lúc thưa thớt, bay vù vù qua đầu mọi người. Một động tác sơ suất nhỏ vô ý lúc này sẽ bị sát thương ngay. Tiếp đến pháo địch cấp tập vào trận địa ta. Hàng trăm quả nổ vang rền rung động âm âm như đoàn xe lửa qua cầu sắt. Các loại phản lực và trực thăng bay như mắc cửi trên trời, thi nhau nhào lộn trút bom, bắn phá cả giờ, đình tai chết óc.

Địch mở đợt tấn công tiếp theo, chúng dùng toàn lực xung phong lên định nghiền nát trận địa ta.

Lúc bấy giờ Hữu và Nghĩa cho tập trung hỏa lực thành vòng cung để hỗ trợ cho nhau đánh trả địch. Hữu kể lại tình huống căng thẳng lúc bấy giờ: “Tôi và anh Nghĩa cùng thống nhất nhận định: địch tập trung xe đột phá trận địa ta, nếu mình không tập trung hỏa lực dựa vào nhau sẽ bị địch diệt từng mũi mất sức chiến đấu ngay. Chúng tôi lo nhất là anh em mình thấy chúng nó đông, trốn công sự chạy dạt. Kiên quyết bám trụ lại đánh là sống, làm ngược lại rất là nguy hiểm”.

Cả đoàn xe lúc nhúc dũi thẳng vào như đoàn chó săn rượt mồi. Anh Ba, chiến sĩ bắn súng B.41 rất cừ của đơn vị bạn, đang di chuyển trong giao thông hào, theo sát đoàn xe. Anh có thân hình khỏe mạnh, nước da ngăm đen, có đôi mắt to thông minh, nhân hậu, mũi hơi bè bề ngang, miệng rộng. Mỗi lần anh cười, đưa hàm răng trắng to, đều. Anh Ba có nhiều lần vào nằm bệnh viện K.71A để điều trị bệnh sốt rét nên tình cảm của anh đối với anh chị em phục vụ ở đây rất gắn bó. Các cô y tá, hộ lý thường thân mật gọi đùa anh tên là “Ba đen” vì anh không những có nước da ngăm đen mà lại rất vui tính.

Trước tình hình đoàn xe đang uy hiếp mạnh vào trận địa ta, anh Ba trầm lo, bụng bảo dạ: “Đoàn xe này mà chọc thẳng được vào bệnh viện thì khổ khổ biết chừng nào cho bao nhiêu người ở đây, nhất là đối với anh em thương binh nặng, các bà mẹ và các cháu sẽ phải chạy đi đâu!” - Anh giương khẩu B.41 ngang

vai, lòng sôi sục căm hờn, miệng lẩm bẩm: Nè bắn! Bắn... bắn... Một xe bốc cháy. Mắt anh rực sáng lên nở nụ cười thầm kín. Anh mọp người, khẩn trương lắp viên đạn thứ hai, giương nòng khẩu B.41 lúc dịch qua trái lúc dịch qua phải chạy theo mục tiêu và anh lấy cò bằng... bằng... Chiếc xe nhảy dựng lên và gục đầu. Máy xe còn lại như bầy chó điên, lúc nhúc lùi đầu tới, đại liên trên xe nổ ào ào... ào ào... nghe khô khan, gay gắt tràn ngập không gian oi bức làm cho không khí càng trở nên căng thẳng hơn.

Anh Ba chạy trong đường hào, mắt không rời xe địch như người thợ săn bám sát con mồi. Anh giương khẩu súng lần thứ ba: chiếc xe đổi hướng đi... Anh rượt theo năm bước, lại giương súng: quả đạn phụt ra khỏi nòng ghim thẳng vào chiếc xe... Cùng lúc ấy một tràng đại liên trên chiếc xe khác bay cắm thẳng vào ngực anh, hất anh xuống đường hào trong tư thế còn cầm súng. Những vết máu tươi phụt ra từ các lỗ đạn thấm ướt đầm áo anh, chảy rớt xuống đường hào. Anh Ba buông súng ôm ngực, thở khò khè, môi anh giật giật, mắt anh bỗng rực sáng giây phút rồi đại dần... anh đã trút hơi thở cuối cùng...

Lần lượt các khẩu B.40, B.41 phát hỏa như một trận đánh xáp lá cà giữa ta và xe tăng, thiết giáp địch. Từng bụng lửa khói cháy rải rác khắp mặt trận như những đống un lớn. Tình huống càng diễn ra gay go quyết liệt. Đại đội trưởng Nghĩa bị thương nặng ở cánh tay phải, máu chảy lai láng thấm ướt áo quần anh. Pháo trên xe

địch bắn thẳng trúng cây chụp miếng vào công sự. Anh Nhân y tá vỡ sọ. Anh Hải X quang bị đạn xuyên trúng ngực. Cả hai anh đều hy sinh tại chỗ. Anh Trí được tá bị thương ở đầu. Toàn mặt trận chỉ còn 3 quả B.40, B.41. Chính trị viên Thủy, người có dáng gầy, nước da ngăm đen, có đôi mắt nhỏ, giọng nói của anh mang tính thuyết phục, anh em dễ mến. Anh đang xốc công anh em thương vong cùng từng tốp hai ba chiến sĩ, nép sát giao thông hào lần lượt rút khỏi trận địa. Có trận anh Thủy đứng giữ anh em tử thương suốt cả mấy tiếng đồng hồ dưới làn pháo địch để chờ giải quyết. Cho nên trận nào có chính trị viên Thủy cùng dự, anh em chiến sĩ rất an tâm.

Anh Hữu nhủ thầm: đã có lệnh rút, không thể bỏ sót thương binh. Tình đồng đội bắt anh rà soát lại số thương vong ở trận địa. Hữu men theo giao thông hào ra bìa suối. Anh mừng thầm: anh em thương vong đã được chuyển hết. Bỗng một loạt đạn đại liên trên xe tăng nổ rào rào trên mặt giao thông hào để hỗ trợ cho ba tên địch vác xích, móc, câu kéo chiếc xe hư. Không bỏ lỡ cơ hội, anh Hữu tung quả lựu đạn: ùm... ba thằng giặc nhảy dựng lên và ngã gục. Một quả M.79 rơi đánh rầm trong giao thông hào. Hữu bị thương ở cánh tay trái. Anh rút cuộn băng vừa chạy vừa tự băng lấy vết thương và rút nhanh theo đường hào. Nhiều quả M.79 tiếp nổ rầm rầm sau lưng anh. Trận đánh kết thúc: 7 xe địch bị phá hủy.

*

Ban tác chiến của bệnh viện cùng thống nhất nhận định địch sẽ còn tiếp tục phản kích mạnh hơn. Do đó phải huy động toàn lực đánh bồi, đánh nhồi đoàn xe địch tại nơi xuất phát của chúng nội trong đêm. Có làm được thế sẽ hạn chế mức đánh phá của chúng ngày hôm sau.

Ngay đêm ấy, vừa khẩn trương chấn chỉnh xong lực lượng, đoàn dũng sĩ của bệnh viện lại tiếp tục lên đường đi tập kích bãi xe địch cách bệnh viện 5km về hướng Krayvien. Mặc quần xà lỏn, áo để hở cánh tay phải, đoàn người hành quân dưới làn pháo địch. Đêm nay chúng bắn pháo cấm canh kết hợp với pháo sáng để bảo vệ đoàn xe, có những quả pháo nổ trên ngọn cây, miếng phật xuống nghe rợn người.

Vừa nhô ra khỏi bìa rừng, trước mắt hiện ra một trảng lớn. Trung đoàn 11 thiết giáp nguy lầy nơi đây làm chỗ nghỉ chân để triển khai đánh phá. Nhìn từ xa, đoàn xe giống như đoàn trâu cỏ đang dầm mình dưới đầm lầy. Nhiều trái pháo sáng treo lơ lửng trên bầu trời. Từng chập đạn đại liên của địch bay vèo vèo khắp bìa rừng. Các tổ, lớp bò, lớp trườn trên các đám cỏ ướt lầy lội mặc cho gai góc cào xước vào thân hình trần trụi. Họ cùng một suy nghĩ cố gắng tiếp cận địch để diệt cho được đoàn xe. Những hàng rào cây địch ủi lại thành đồng là trở ngại cho việc thâm nhập.

Anh Bình rì tai anh Tư Ka cho đây là thời cơ cho ta, rất bất ngờ đối với địch nếu ta bố trí xong được hai phần ba lực lượng chủ yếu cùng phát hỏa đánh địch.

Trong không khí chờ đợi căng thẳng thì bỗng

hiện nhiều loạt đạn B.40, B.41 nổ chát chúa ở hướng Tây Nam khu bãi xe. Hữu cùng nói với Minh “thọt” và nhờ trung đội trưởng bộ binh:

- Cánh quân nào đánh phồng tay trên mình thế ? Cánh mình mới tiếp cận được bìa rào. Khẩu ĐB.20 cải tiến chưa bố trí xong.

Địch đã báo động. Các loại súng trên xe hấp tấp bắn như điên loạn khắp các hướng. Ở hướng Tây Nam nhiều cột lửa phùng phùng bốc cao chiếu sáng những chiếc xe đang bốc cháy. Bất chấp sinh lý gai góc, đội hình của ta nằm chìm trong đất, chỉ cố sao được nơi thấp nhất để tránh pháo và đạn nhọn.

Thế là đêm nay có lực lượng khác cùng tập kích đoàn xe. Không hẹn mà gặp nhưng lại thiếu sự hợp đồng. Sáng ra mới vỡ lẽ: một đơn vị của đoàn Củ Chi, người bạn chí tình đã chi viện cho bệnh viện đánh địch suốt mấy ngày qua. Anh em đã diệt được 6 xe địch.

*

6 giờ sáng ngày 24-6-1970, ban tác chiến của bệnh viện kiểm tra tại trận địa khoa nội 3. Một cảnh đồ nát như sau một trận bom hủy diệt của B.52. Cây ngã dọc ngang chổng chéo lên nhau. Có những thân cây ngọn gục xuống như cánh tay gãy còn dính lại lớp da. Có những cây cả thân lẫn ngọn cháy đen xạm tro ra như cột trụ đồng. Mặt đất loang lổ hố bom. Giao thông hào có nhiều đoạn sụp lở dưới xích sắt của tăng, thiết giáp. Không còn một đoạn

giao thông hào nào, một công sự nào còn có thể bố trí chặn địch.

Lực lượng của bạn đã rút vì nhiệm vụ khác, chỉ còn để lại 2 tổ B.40 chi viện cho bệnh viện. Số thương binh nặng ùn lại tại bệnh viện càng nhiều sau hơn 50 ngày đêm chiến đấu của các lực lượng tại khu vực Móc Cầu.

Ở khoa nội 3 chỉ còn lực lượng địa phương bám chắc vào một ít công sự còn lại ở bìa rừng để làm nhiệm vụ trinh sát và quan sát địch. Minh “thọt”, anh Thái Chính trị viên và anh Thạnh Chủ nhiệm khoa còn giữ vững tiền tiêu của bệnh viện.

Riêng lực lượng vũ trang của bệnh viện bố trí án ngữ trước Viện bộ, chặn đường vào của địch, cách khoa nội 3, 300 mét về phía sau. Một sự chờ đợi căng thẳng.

10 giờ trưa cùng ngày, nắng như đổ lửa. Đoàn phản lực ào ào lao tới như một cơn giông cầm đầu trút bom nổ âm âm xuống khu vực khoa nội 3. Hết đợt bom tiếp đến pháo ở các hướng nã dữ dội rầm rầm, khói tỏa mờ mịt, đất rừng rung càn dữ. Trên bầu trời xanh biếc, chiếc máy bay trinh sát uốn lượn, khi vụt lên cao lúc đảo mình xuống thấp để chỉ điểm. Những vệt khói trắng dài từ bụng trực thăng phụt ra kéo theo những tiếng nổ đùng... đùng của hỏa tiễn.

11 giờ trưa, đoàn tăng, thiết giáp lại xuất hiện theo hướng cũ vào khoa nội 3. Tình huống thật gay go. Toàn bệnh viện có dư luận râm ran tiếc rẻ: Nếu đêm qua đánh thiệt hại nặng bãi xe của địch thì sáng

nay đỡ vất vả biết chừng nào. Một số người dao động lo lắng bệnh viện chống đỡ cách nào đây. Đơn vị bạn đã rút hết.

Đoàn xe di chuyển rất chậm. Chúng dàn hàng ngang càn vào, súng trên xe nổ thưa thớt. Trên trời có 5 trực thăng bắn hỗ trợ và quan sát. Đến mười hai giờ rưỡi trưa, cả đoàn xe chiếm lĩnh hết trận địa trước khoa nội 3, không gặp đối phương bắn trả phát nào. Chúng lại đánh vào lỗ trống! Ba mươi phút im lặng trôi qua. Chúng lùng sục khu vực, 5 trực thăng quay rộng ra toàn khu vực bệnh viện. Bỗng rộ lên tiếng động cơ xe nổ âm âm như tiếng máy nổ của nhà máy phát điện. Tiếng ồn ào của động cơ xe át đi tất cả các loại tiếng động và vang đi rất xa... Uy hiếp tinh thần của nhiều người. Chúng phân công nhau chà đi xát lại cả khu vực, san bằng các công sự, ủi sập các đường giao thông hào, ủi bứng các cây đổ quét sạch các bụi rậm lưa thưa còn lại. Chúng cầm hờn cái mảnh đất nhỏ ở đây, suốt gần 60 ngày đêm đánh phá ác liệt mà chúng không chiếm được.

Bỗng 4 chiếc xe tăng, thiết giáp chuyển hướng vào khu vực Viện bộ. Bộ phận tiền tiêu của khoa nội 3 rút về phía sau.

Tổ trinh sát báo cáo anh Tư Bình tại chỉ huy sở:

- Báo cáo chú Tư, đoàn xe địch chuyển hướng đánh vào bệnh viện.

Cùng lúc ấy điện thoại lại reo lên. Bên kia đầu dây tiếng nói của anh Hoài Nam, Chủ nhiệm khoa

ngoại hoi dồn dập vì anh đang quản lý cả trăm thương binh nặng phải cáng:

Anh Tư! Tình hình thế nào ? Trục thẳng dữ quá! xe địch hụ nữa, có gì tôi kịp xử trí số thương binh nặng, số bà mẹ và trẻ em: Anh chị em đang nóng lòng.

Anh Tư Bình vừa nhìn chiếc đồng hồ đeo tay vừa trả lời:

- Bình tĩnh! Bình tĩnh! Tình hình chưa có gì đáng ngại. Nếu phải rút, tôi sẽ cho biết.

Và cứ thế, điện thoại lại reo lên từ các khoa ban hỏi tin tới tấp.

Không thể để diễn biến phức tạp này nảy sinh trong giờ phút căng thẳng, anh Bình nói với anh Cán điện thông báo lần cuối cùng cho các khoa ban lời quyết tâm ban đầu của lực lượng vũ trang nếu đoàn xe địch đánh vào bệnh viện, lực lượng ba thứ quân sẽ sống chết với giặc để bảo vệ sự di chuyển an toàn cho thương bệnh binh, bà mẹ và trẻ em. Phải kiên quyết giữ vững vị trí của khoa, ban mình. Trời đã xế chiều, thời gian không ủng hộ địch đâu.

Phía trước Viện bộ hơn 100 mét, tiếng hụ của đoàn xe càng gần. Một số lùm cây lung lay mạnh. Anh Tư Ka cán bộ tác chiến có vẻ lo lắng:

- Đề nghị anh Tư cho rút chỉ huy sở về phía sau 500 mét. Đoàn xe sắp đánh vào. Cho cuốn dây điện thoại đi luôn.

Anh Tư Bình nghĩ thầm: nghĩ mà thương ông

Tư Ka lo cho sự an toàn người chỉ huy của mình, chớ bản thân ông ấy có đủ sự bình tĩnh và lòng dũng cảm để xử trí những tình huống phức tạp này.

Anh Bình vẫn đứng yên lặng, trầm ngâm nhìn không chớp mắt về hướng địch như anh đang tập trung tâm, trí lực để xử trí một tình thế phức tạp có liên quan đến sự di chuyển đột ngột của cả ngàn con người trong lúc trên đầu trục thẳng đang quần sát phát hiện mục tiêu. Anh Bình xem lại chiếc đồng hồ đeo tay, kim ngắn chỉ 3 giờ chiều. Suy nghĩ mấy giây, bỗng mắt anh sáng lên, quay sang anh Tư Ka, anh Tư Cán lúc này đang đứng im chờ lệnh:

- Nè hai anh Tư! Bây giờ là 3 giờ chiều. Nếu địch đánh vào bệnh viện nhất thiết nó phải chốt ở đây. Như vậy chúng nó có dám đánh không? Theo tôi, ít khả năng. Còn xe chuyển hướng mà cây lung lay mạnh ta thấy đó là bộ tiêu của chúng. Không dại gì chúng làm như vậy. Chắc chắn nó không đánh vào bệnh viện đâu. Nếu ta vội vàng cho lệnh rút sớm làm náo động cả ngàn con người, thì tình thế sẽ rối mù: Trong khi đoàn trục thẳng đang quần trên đầu quan sát, không khéo lộ mục tiêu sẽ bị "ăn" bom, pháo chết lãng xẹt. Do đó tôi phân công: anh Tư Cán xuống ngay khoa ngoại cùng với anh Hoài Nam soát xét kỹ lại số cáng thương, ổn định tình hình ở đó và chờ tin. Nếu có di chuyển thương binh, bà mẹ và trẻ em, các anh cho rút theo đường suối cạn để tránh phi pháo.

Anh Bình nhìn theo anh Tư Cán, bóng dáng

người viện phó, chỉ huy phó, trưởng ban y vụ mất hút sau đám le mà lòng anh yên tâm. Anh nhủ thầm: anh ấy đã từng trải qua những chặng đường khó khăn, gian khổ, ác liệt nhất là khi anh công tác ở chiến trường hạ Lào những năm 1960-1962. Gần đây anh đã cùng anh Hoài Nam chăm sóc chu toàn số thương binh nặng, số bà mẹ và trẻ em điều tạm lên K.116 và đưa trở lại bệnh viện an toàn dưới bom đạn của địch.

Quay sang anh Tư Ka, anh Bình nói:

- Anh Tư Ka nắm chắc lực lượng cơ động của bệnh viện đã chết sống với địch. Nếu trường hợp thực sự chúng đột vào, anh cho 2 khẩu ĐB.20 nổ, bắn thẳng vào đoàn xe áp đảo địch. Còn các khẩu B.40 bám sát chặn đánh các xe địch để phía sau có thời gian di chuyển. Còn điện thoại đến lúc đó ta cuốn dây, vừa đi vừa chỉ huy. Xe địch không thể nào vượt nhanh được. Kinh nghiệm ở chiến khu Đ, có lần chúng mình bị kẹt trong vòng vây của tăng, thiết giáp nhưng bình tĩnh xử lý, mình phá được vây. Xe nặng công kênh làm sao chuyển nhanh hơn đôi chân của ta khi đi trong rừng.

Anh Bình im lặng một lúc, nhìn về hướng địch, động cơ xe vẫn còn rì rầm nhưng không dồn dập và mỗi lúc một xa dần. "Chúng bắt đầu rút"- Anh khẳng định.

Một ý nghĩ táo bạo thoáng qua, anh giục anh Tư Ka:

- Nếu địch rút, anh lệnh gấp cho anh Hữu và Thủy dùng 4 khẩu B.40 còn lại nhanh chóng chặn đánh đường về của đoàn xe địch.

Cùng lúc ấy, tổ trinh sát về báo cáo địch bắt đầu rút khỏi khoa nội 3.

Một đoàn phản lực F.105 xé gió ào ào lao đến thả bom bi dọc theo hai bên đường mà đoàn xe rút chạy. Bom bi nổ liên hồi. Lực lượng của bệnh viện đã được sinh hoạt kinh nghiệm phòng tránh nên toàn đội không có ai bị sát thương.

Trên đây là một trong những trận đánh ác liệt nhất của bệnh viện K.71A với Mỹ ngụy về những ngày cuối cùng của cuộc càn quét lớn của chúng ở khu vực "Móc Câu"⁽¹⁾ trong những tháng 5 và 6 của năm 1970. Suốt gần 60 ngày đêm trong thế bị bao vây, bệnh viện đã bám trụ đánh địch, bảo vệ an toàn cả ngàn sinh mạng thương bệnh binh, bà mẹ, trẻ em và cán bộ công nhân viên. Nhưng vô cùng đau đớn là 30 y, bác sĩ, y tá, hộ lý, cán bộ công nhân viên đã ngã xuống để bảo vệ sự an toàn của bệnh viện K.71A. Tính trung bình với khối lượng bom đạn đánh vào bệnh viện thì ở đây mỗi đầu người phải hứng chịu 300kg chất nổ. Nhưng bệnh viện vẫn hiên ngang đứng vững, vừa chiến đấu vừa cứu chữa, điều trị thương bệnh binh, bẻ gãy ý đồ của địch là: nghiền nát bệnh viện quân giải phóng, lập nên chiến công

(1) Thuộc tỉnh Kongpongcham (Campuchia) giáp ranh với hai tỉnh Bình Phước và Tây Ninh.

mà cho đến nay vẫn là niềm tự hào của những người “chiến binh áo trắng” của Viện K.71A năm nào. Sau cuộc chống càn thắng lợi, bệnh viện K.71A được Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tặng Huân chương chiến công giải phóng hạng nhất và một số huân chương cho cá nhân tiêu biểu. Bộ Quốc phòng Quân đội nhân dân Việt Nam tặng cho bệnh viện Huân chương Quân công hạng 2.

A.L

*

TRỞ LẠI CUỘC SỐNG KỲ DIỆU

Ba Ân

Năm nay anh đã ở tuổi 85. Từ ngày giải phóng đến nay, anh chưa một lần đi cấp cứu ở bệnh viện mặc dù suốt cuộc chiến tranh, người anh khô đét như con khô mực. Nguyên là một vận động viên bóng đá nên anh biết gìn giữ sức khỏe, năng tập luyện. Có lần, anh tham gia đội bóng lão tướng Quân khu 7 và đoạt giải. Mỗi ngày anh đi xe đạp khoảng 10 cây số là chuyện bình thường. Hằng năm, anh được khám sức khỏe định kỳ. Sức khỏe của anh luôn đạt loại tốt. Có bác sĩ còn nhận xét: “tim mạch, huyết áp của anh Tư vẫn tốt như hồi còn thời trai trẻ!” Trong chiến tranh, có lần anh phải vào bệnh viện vì nhiễm lao: Qua thời gian điều trị tích cực, anh đã hết hẳn chỉ còn vết sẹo.

Rồi một ngày nọ, nhân dịp lễ Cách mạng tháng 8-2004, Quận ủy - Chính quyền quận có đợt cho cán bộ lão thành đi tham quan Thủ đô Hà Nội. Anh Lê Bình nằm trong danh sách được chọn - anh vui vẻ tâm sự: *"Tôi rất phấn khởi được ra Hà Nội thăm lại Thủ đô yêu quý và bạn bè cũ. Tôi vào bệnh viện quân đội 175 để khám sức khỏe, có con gái tôi Lê Kim Hà - Chủ nhiệm khoa Cấp cứu hồi sức chăm lo. Qua kết luận về sức khỏe của tôi nói chung là tốt. Duy phổi có vấn đề cần xem xét kỹ. Tôi hơi lo vì suốt hơn tháng lại đây, tôi thấy người không bình thường, ăn ngủ thất thường, mệt mỏi, sút giảm gân cả chục ký. Bệnh viện quyết định tôi phải nhập viện để điều trị phổi vì có nhiễm trùng lao. Con gái tôi nhận trách nhiệm xin cho tôi được điều trị tại nhà - Thế là kỳ vọng thăm lại Thủ đô kể như tan theo mây khói."* Anh nằm điều trị tại nhà gần cả tháng. Con gái của anh lớp phải lo công việc chung của bệnh viện, lớp lo chăm sóc tận tụy cho cha mình như truyền dịch, uống thuốc, theo dõi hằng chiều, tối tim mạch, huyết áp. Hai mươi ngày sau, anh thường lên cơn sốt suốt mấy ngày liền. Kim Hà, con gái của anh tâm sự với em mình Kim Chi: *"Chi ơi! Ba điều trị tại nhà đã hai mươi ngày, chị hết sức lo chăm sóc cho ba, nhưng mấy ngày nay ba thường lên cơn sốt, chắc bệnh tình có vấn đề - em tranh thủ nói chuyện với ba nên vào viện để điều trị vì ba ngại nằm viện lắm. Ở bệnh viện có tập thể bác sĩ, y tá, hộ lý theo dõi hằng ngày chặt chẽ hơn - chị còn biết bao nhiêu việc phải lo cho bệnh nhân, khó lo cho ba thật chu toàn. Nếu bệnh tình của ba không thuyên giảm, rủi ro có*

xảy ra điều gì không may chị hoàn toàn chịu trách nhiệm trước tổ chức. Đó là cả danh dự của chị và gia đình".

Anh được đưa vào để điều trị tại bệnh viện. Ngày lại ngày, bệnh tình của anh chuyển biến thất thường và đến giữa tháng 10-2004 trở nên trầm trọng, nói nhảm, lơ mơ, không ăn, không uống được, tiểu tiện khó khăn. Kim Hà điện kêu gấp anh Hai mình đang công tác từ Hà Nội về, hai em Phước Lượng từ Cần Thơ về và Phước Sang từ Củ Chi xuống chứng kiến gấp bệnh tình của cha. Cả gia đình anh xôn xao, vô cùng lo lắng, nhất là bà xã của anh. Anh đi vào hôn mê, hấp hối suốt ba ngày liền, mặt mày đỏ tươi, mình mẩy đen xạm, da phồng lên, mụn mọc lên đầy khắp mình, đầu, cổ như người bị đau ban đỏ, chân tay co giật, lưỡi thụt vào, không còn nói năng được gì. Phải cột chặt hai chân tay anh lại để không giãy giụa được. Trong lúc bệnh tình của anh vô cùng bi đát thì chồng Kim Hà phải vào viện cấp cứu. Kim Hà cố giữ người mình thăng bằng, lớp lo cho cha lớp lo cho chồng, cả khoa cấp cứu hồi sức làm việc tất bật - Về phòng của mình Kim Hà bật khóc với anh chị em hộ lý: *"Suốt đời tôi tận tụy cùng anh chị em phục vụ cứu chữa cả trăm ngàn bệnh nhân, nay bất lực không cứu chữa được cha và chồng mình!"* Anh chị em đều xúc động rơi lệ.

Các đồng đội, đồng chí thân thiết vào thăm anh, ra về đều khóc. Các anh lo lắng: *"Anh Tư sắp từ bỏ chúng ta rồi! Phải nên viết diếu văn ra sao đây!"* Rồi nói với Phước Lượng: *"Thế là hết, các cháu về, lo làm các*

thủ tục cho cha"! Phước Lượng nước mắt chảy dài, đau buồn điện về tỉnh nhà Bình Dương xin đất để cha qua đời đưa về chôn cất.

Một cuộc hội chẩn cấp tốc của tập thể y bác sĩ đẩy trí tuệ và tài năng của khoa Cấp cứu hồi sức về bệnh của anh với tinh thần còn nước còn tát: *"Một chỉ lệnh cấp tốc: ngưng tất cả các loại thuốc điều trị, chuyển qua truyền dịch các loại thuốc đặc hiệu để giải tỏa cái gan và thận của anh Bình"*. Kim Hà phải đổ từng muỗng thuốc biệt dược vào miệng, bóp vào miệng anh để thuốc tự động chảy vào bụng. Cứ thế làm liên tục suốt mấy giờ liền. Thật là kỳ diệu, ngày thứ ba, anh tỉnh lại dần dần, phân biệt được lơ mơ bạn bè đến thăm.

Thế rồi mấy ngày sau, anh qua cơn hôn mê, tỉnh dần. Kim Hà, Chủ nhiệm khoa, các Phó khoa Sơn, Việt cùng với tập thể khoa Cấp cứu hồi sức Anh hùng sáng suốt, tận tụy phục vụ anh suốt thời gian nguy kịch, thở phào nhẹ nhõm và trong lúc đó, chồng chị cũng vừa qua cơn nguy kịch như cha.

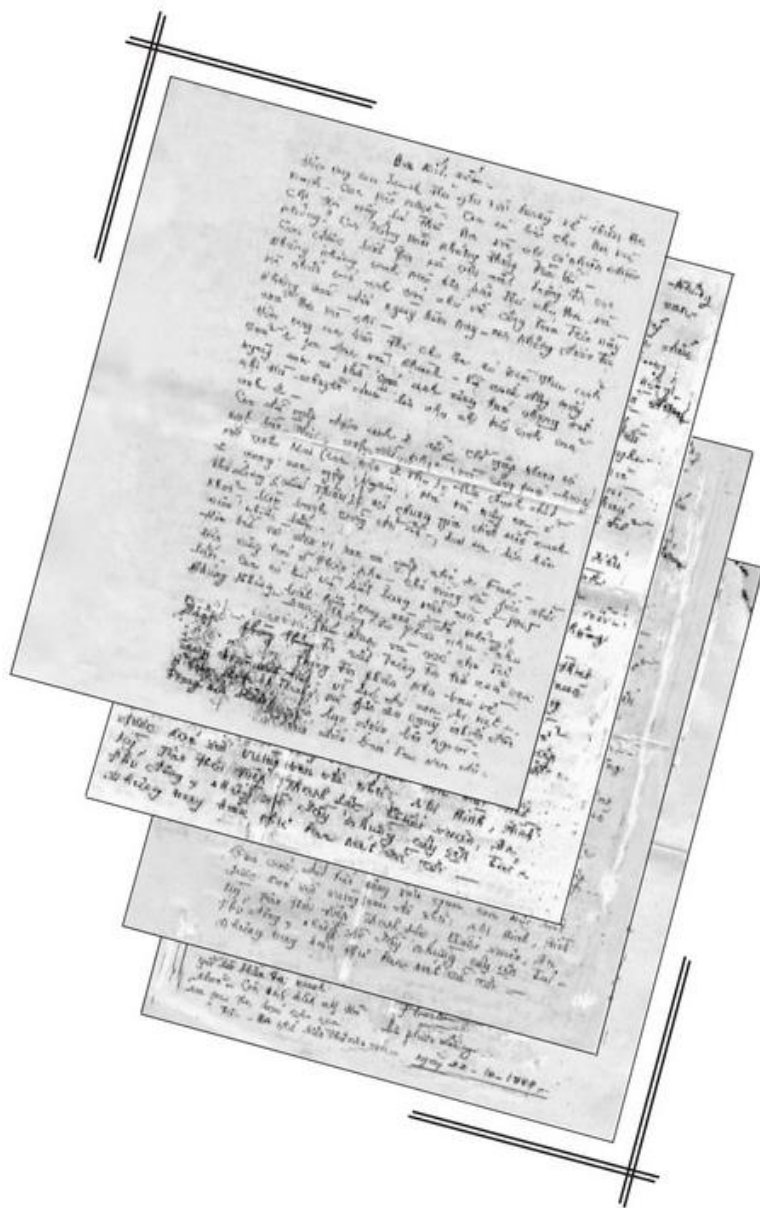
Bạn bè thân thiết vào thăm anh Bình, chứng kiến quá trình diễn biến căn bệnh của anh đều có chung một suy nghĩ: *"Anh Bình từ cõi âm về với cuộc sống"*.

Năm 2004

B.A

*

PHỤ LỤC



THƯ CỦA LƯU PHƯỚC LƯỢNG GỬI CHO CHA NGÀY 22-10-1968^(*)

Ba kính mến!

Hôm nay con tranh thủ ghi vài hàng về thăm ba mạnh. Con vẫn khỏe. Con có biên cho ba và chị Hà mấy lá thư, ba và chị có nhận được không? Con trông mãi không thấy trả lời.

Con được biết ba và chị rất trông tin con, nhưng không cách nào hơn biên thư cho ba và nhắn các anh các chú về công tác trên này. Mãi đến ngày hôm nay, con không được tin của ba và chị.

Hôm nay con biên thư cho ba có kèm theo ảnh của 2 em Lan và Thành. Và cách đây mấy ngày con có nhờ các anh công tác chung với chị Hà chuyển giùm lên cho chị bức ảnh của anh Hai.

Con đã gặp được anh Hai rồi. Chỉ gặp nhau có một

(*) Viết sau khi thoát khỏi vòng vây của địch trở về vùng giải phóng sau cuộc tiến công Tết Mậu Thân 1968.

lần thôi. Anh vẫn khỏe và công tác chung với anh Mai (con cậu Hai Thọ). Hôm đánh đợt 2 xong, con gặp ngoại, má và mấy em ở Phú Long (Lái Thiêu). Nói chung gia đình vẫn mạnh khỏe, làm bánh cũng đủ ăn, hai em lớn hơn xưa nhiều lắm.

Hôm trở về đơn vị con có gặp chú Hai Phán - hiện công tác ở Phân khu - chúc mừng và phần khởi lắm. Con có hỏi và biết Sang vẫn còn ở Phân khu 5. Nhưng không biết hiện nay còn ở đó không?

Ở ban Thông tin Phân khu, chú Tám Nam và các chú Tư Diệp Phòng thông tin rất trông tin tức của con. Trước kia ban thông tin Phân khu báo về Trung đoàn con bị mất tích - vì lúc đó con bị kẹt ở trong Thành, gần 20 ngày chiến đấu trong nội thành không liên lạc được bên ngoài.

Chuyện chiến đấu bám trụ ven đô, thật là thú vị và phần khởi. Một gia đình không cơ bản lắm - cha là công chức hồi hưu, con là những sinh viên đại học, rể là đại úy ngụy - nhưng cả gia đình đã che giấu và nuôi nấng rất kỹ chúng con - ngụy trang từ dấu vết lên xuống, lo từ miếng ăn, nước uống, thậm chí đem từng lon nước tiểu, gói phân đem đổ hoặc chôn giấu. Như thế suốt 20 ngày, ngoài con rể là đại úy ngụy còn cả gia đình đều biết. Bà ngoại ở vùng Chợ Lớn nghe tin con và anh em ở trong nhà, bà liên tục gửi quà bánh đến và kêu má Hai về ngoài nhà nói rằng: "Nếu con của mày, các cháu ngoại của tao để mấy đứa chết tao sẽ tự tử chết ngay".

Một gia đình con không tưởng tượng được. Nếu trước khi vào con và các anh biết thành phần gia đình như vậy - một đỏ, một đen rất nhiều - thì chắc chắn không

dám vào rồi. Nhưng vì kẹt quá, ẩn đại vào nhưng không ngờ gia đình quá tốt với cách mạng.

Tâm tư của các anh chị trong gia đình rất thiết tha với cách mạng. Con hình dung đêm con và các anh xuống gặp gia đình. Thật không ngờ, gia đình hình dung con và các anh như những vị thiên thần. Đêm đó là một đêm lịch sử - một cuộc gặp gỡ đầu tiên của Quân giải phóng và một gia đình chưa gặp Quân giải phóng lần nào. Thật là một đêm lịch sử trong đời đi bộ đội của con.

Qua các đợt tiến công vừa qua con mới biết được các xã vùng ven đô như: Nhị Bình, Bình Mỹ, Tân Thới Hiệp, Thạnh Lộc, Quới Xuân, An Phú Đông, những xã đây những cây ăn trái nhưng nay hầu như tan nát cả rồi. Có như vậy con mới biết chém về ở bưng rạch, chui hầm bí mật, trốn la phong và ngồi xe honda đi hợp pháp thoát khỏi vòng vây giặc trở về đơn vị và những tài trí mưu mẹo của những đồng chí nữ công tác Thành gan dạ và dũng cảm.

Biên thư cho ba có lúc con muốn khóc, có lúc con ngồi cười một mình. Đó là những lúc tâm tư con gọi lại những hình ảnh đã qua, như buổi tạm biệt gia đình má Hai trở về đơn vị, hay những lúc những chị nữ công tác đô thị, đã đóng kịch chở con đi, trong tiếng huýt gió trên gheo cười la của bọn lính địch.

Viết lòng vòng này giờ mà con quên hỏi thăm sức khỏe ba và chị. Ba nay chắc đã ra viện rồi? Chị Hà có mạnh không? Về phần con vẫn mạnh khỏe, công tác chiến đấu có nhiều tiến bộ mới.

Con đã chuyển Đảng xong rồi. Qua các đợt tấn công con được trên tặng thưởng Huân chương Chiến công Giải phóng hạng 3, và hiện nay con không còn ở Tiểu đoàn anh Bảy Nhung nữa. Con đã về Trung đoàn bộ rồi. Hiện con phụ trách thông tin của Trung đoàn Quyết Thắng. Nhận nhiệm vụ mới rất khó khăn và nặng nề nhưng với quyết tâm và nhiệt tình, con sẽ cố gắng vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ Đảng đã tin tưởng giao cho.

Cuối thư con kính chúc ba và chị mạnh khỏe. Ba chuyển lời con kính thăm bác Tám, chú Tư Diệp, bác Bảy Phương, bác Tư Khanh, bác Bảy Mai và các chú các bác, anh em và anh Dũng nữa.

TB: Anh Ba Dũng, anh Bảy Nhung gửi lời thăm ba mạnh khỏe. Còn tình hình chị Hà ra sao ba báo cho con yên tâm. Ba nhớ biên thơ cho con.

Con

Lưu Phước Lượng

*

THƯ CỦA LƯU KIM CHI GỬI CHO SANG NGÀY 11-10-1973

Sang thương nhớ của chị !

Lần trước chị có gửi thư cho em, viết chung với anh Lượng, em đã nhận được chưa ?

Sang viết thư cho chị nhé, chị nhớ và thương em nhiều nhất - Tình hình đánh phá mấy hôm nay, chị càng lo cho em hơn. Em cố tìm cách gửi thư cho chị. Hôm tháng 8 đến Hải Phòng, chị có đọc thư em gửi cho cậu Sáu, có cả ảnh của em nữa. Chị không có cái ảnh nào riêng của em, nếu có ảnh, em gửi cho chị 1 cái em nhé.

Cách hơn 1 tháng nay, đoàn 75 có ra đây học, hiện giờ cũng đang tập trung tại chỗ chị - Chị có gặp các anh Bá - Phương ở tham mưu có biết rõ về em.

Tình hình em hiện nay ra sao rồi, sức khỏe tốt không ? em còn bị sốt như trước nữa không ? Lách còn to nữa không ? Điều này làm chị lo cho em nhất.

Lúc còn ở gần em, có điều kiện chị còn chăm lo cho em, bây giờ có nhớ cũng chịu vậy thôi chứ biết sao?

Tình hình chiến đấu lúc này thế nào - căng lắm phải không ? Chú ý dũng cảm nhưng mưu trí nghe em.

Nhìn ảnh em, thấy em ốm hơn trước nhiều, chị rất lo lắng.

Còn nếu em có ra A học, thì tùy em thôi. Riêng chị góp ý nếu có đi:

- Phải có áo len (trời rét lắm - hôm nay viết thư cho em, tay chị muốn cóng đây).
- Khăn len, vớ nylon (len ngoài này hiếm lắm, khó mua được)
- Quần áo nhẹ (vải tốt)
- Có đồng hồ còng tốt (ra đây không mua được)
- Mang đi đường: bột ngọt, tiêu - Bột chua (bột C - Chanh) để uống nước.
- Nếu có đài phải xin giấy chứng nhận của đơn vị (có ghi số đài ở dưới loa) ra đây mới đi đăng ký được.

Nói chung chế độ ta rất tốt - Nhưng vì chiến tranh, ảnh hưởng đến kinh tế - đến nhu cầu đời sống hằng ngày - nên có những cái cũng còn thiếu nhiều. Tuy nhiên nếu mình khéo sống thì cũng tốt thôi. Chị nói thế chắc em hiểu.

Thế thôi em nhé - Chị dừng bút - Gởi thư cho chị cứ gởi về địa chỉ cậu Sáu:

Nguyễn Hữu Ngộ

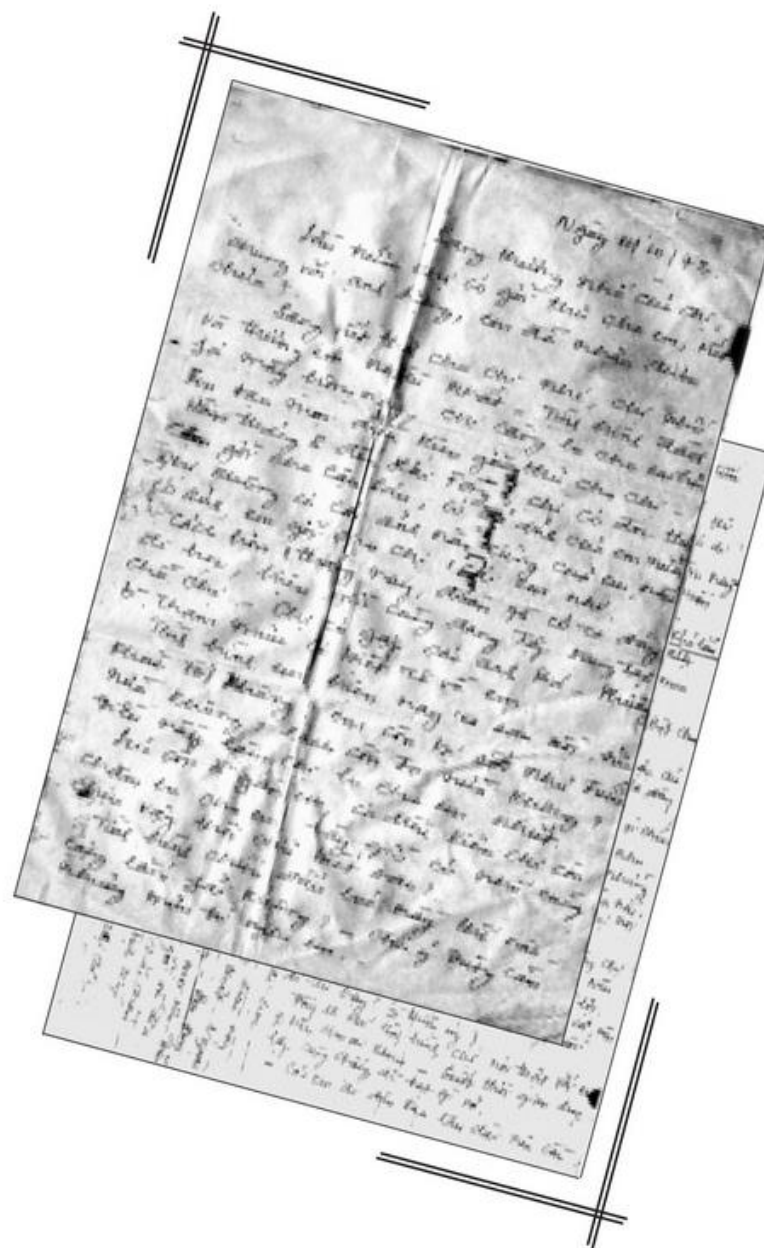
127 Lương Khánh Thiện - Hải Phòng

Bao giờ có địa chỉ chắc chắn chị sẽ báo để em gởi trực tiếp.

Chị gởi cho em một khăn tay.

Chị Chi.

*





THƯ CỦA LƯU PHƯỚC LỘC GỬI CHO SANG NGÀY 29-6-1975

Sang thương mến,

Anh mới nhận được thư anh Lượng ngày 28/6, trong đó có thư của em (viết ngày 20/5 và 4/6) - Rất phấn khởi và vui mừng vì anh đã viết cho em 2 thư rồi và rất trông thư em để biết một số tình hình cụ thể chiến dịch cuối cùng vừa qua cũng như những cảm tưởng trong những ngày trở về Thủ Dầu Một sau bao năm xa cách. Nay anh tương đối được thỏa mãn và mong nhận những thư tiếp theo của em.

Anh đã nhận được 2 thư của Ba (ngày 31/5 và 8/6), thư dưỡng Ba, thư cậu Chín ở Huế, thư chú Ba An ở Nha Trang và được đọc nhiều thư trong Nam gửi ra. Nói chung tuy ở ngoài này nhưng anh nắm được tình hình gia đình trong đó tương đối tốt, cũng đỡ lo và đỡ buồn. Tới giờ này anh chỉ còn chờ đợi thư của gia đình ở Lộc Ninh (của Ba vợ và chị Hạnh) là coi như tạm đủ rồi.

Thư viết về trong kia anh viết rất nhiều và liên tục: gửi về Ba Má (2 thư), gia đình ở Lộc Ninh (2 thư), Má Ba (2 thư), cậu Chín con bà Ba ở Huế (1 thư). Về cái chung tình trong nhà như thế tạm ổn, bây giờ bắt đầu xây dựng

lại nếp sống cơ bản - một cuộc sống mới với đầy đủ ý nghĩa nhất mà trong đó điều quan trọng làm sao cho mọi người trong gia đình thông suốt, có chuyển biến về tư tưởng, từng bước thích nghi với cuộc sống mới. Do đó nhiệm vụ của chúng mình rất là nặng. Nói và viết thế nào đây vừa có lý có tình, khả năng phân tích sự việc và nhận thức từng vấn đề của mình ra sao, biểu hiện hành động và sinh hoạt của mình với mọi người xung quanh thế nào. Đối với anh chị ở ngoài này chỉ liên lạc trong đó qua thư từ thôi, cho nên từng ý từng lời cũng hết sức thận trọng, còn riêng em có điều kiện hơn các anh chị, có dịp về nhà hơn cho nên trong quan hệ bà con có nhiều điều kiện thuận lợi, nhất là đối với giới trẻ cùng lứa tuổi. Em làm tốt được nhiệm vụ đó coi như cũng là một thành tích đáng kể.

Về chị Chi vẫn học tốt nhưng bây giờ cuối năm ôn thi nên vất vả. Về phần anh Pôn đến giờ này có thể kết luận được một cách thoải mái rồi. Anh đã liên lạc được thư từ với gia đình ở T3, các em cũng đều tham gia cách mạng cả. Nói chung anh cũng tiếp xúc mấy lần: cũng giản dị, khiêm tốn, nói năng vui vẻ cũng dễ gây cảm tình, nhưng bước đầu anh cũng thận trọng. Khi nào Lượng về tới, hai anh em gặp nhau Lượng sẽ nói đầy đủ cho em nghe. Anh chỉ kết luận: như thế là được rồi.

Anh Lượng chuẩn bị xong chỉ còn chờ lên đường có thể cuối tháng 6. Anh đã xin phép xong còn đợi về gặp Lượng trước khi về Nam, không biết có kịp không.

Về phần anh Lượng coi như ổn rồi, người đi đã gọi

gắm “kẻ ở lại” cho những người ở ngoài này động viên. Anh đã gặp Ngọc Minh, nói chung vui vẻ, dễ thương (trước đây anh cũng đã biết vì mẹ Ngọc Minh quen thân với anh). Phải nhận rằng anh Năm em có tài, không đẹp trai lắm nhưng có duyên ngầm !

Về phần anh cũng lặn lội lắm, tới nay cũng chưa vào học. Nhà trường tới 20/7/1975 mới chiêu sinh và nhanh 1/8 mới bắt đầu vào học. Thời gian chưa định nhưng ít ra 1 năm và có nhiều khả năng kéo dài 1,5 năm. Trường này cũng có truyền thống rèn cán bộ dữ lắm (duyệt biết rõ) và tăng gia cũng tương đối. Tụi anh mới tới mà đã dầm mưa nguyên 1 ngày lội nước tới háng cắt lúa (địa nhiều vô kể đến độ không còn biết sợ nữa). Tương lai còn trèo núi cạy đá về xây nhà (1 học viên 8m³), hàng tuần mang sọt gạch 20kg đi bộ 5 - 10km. Nói vậy chứ không có gì đáng ngại cả, ai sao ta vậy, mọi người làm được mình làm được và cố gắng làm tốt.

Về Ninh Bình nói chung buồn lắm, núi non trùng điệp. Vui nhất (theo anh) thỉnh thoảng rảnh mượn được xe đạp đi 4 km ra Ghềnh mua trái dưa + mấy que càrem ăn, uống rồi về. Không có gì hết, mùa hè nóng hết biết, từ nhỏ tới giờ chưa gặp nóng lần nào như vậy. Nghe em nói ở Long Hải anh phát ham: vừa mát, vừa tắm biển, ăn uống khá. Ở đây anh chỉ so khá và đều hơn khi anh còn ở trong đó thôi.

Khi nào gặp anh Hai Tiến + chú Tư Ca nói tình hình anh cho anh Hai và chú Tư biết. Anh kính lời thăm chú thím Tư, anh chị Hai và hẹn khi về Nam sẽ gặp lại.

Rất nhớ chú Tư và anh Hai, nhớ lại những lần gặp gỡ trong đó, tình cảm gia đình thấm thiết. Ra đây giờ chỉ còn đồng đội thôi, thỉnh thoảng nhận thư nhà - Còn bà con anh em đều ở xa cả mà đi thăm viếng rất hạn chế vì phép tắc, phương tiện.

Vài hàng em rõ, thăm em khỏe, cho anh gửi lời thăm tất cả các anh em trong đơn vị. Kỳ này về Hà Nội anh sẽ chụp ảnh gửi cho em để thấy chính qui ra sao.

Anh của em
Lưu Phước Lộc
HT 540 102 JC12

*

Tôi Trần Văn Tư gửi biểu đồng chí Lưu Phước Lượng tài liệu này. Nếu có thể đồng chí gửi cho tác giả Anh Xuân xem, tôi hoan nghênh tác giả Anh Xuân đã phản ánh rất đúng trong bài *Cuộc sống trong vòng tay mẹ*.

26/4/1998

Trần Văn Tư

*

**Từ căn nhà 385/9A cư xá Đô Thành,
phường 4, quận 3, Quận ủy quận 3
vạch kế hoạch giải cứu 6 cán bộ chỉ huy
tiểu đoàn 1, 2 Trung đoàn Quyết thắng
Sài Gòn Gia Định, kỳ Mậu Thân
tháng 5 và 6 năm 1968.**

Tôi Trần Văn Tư sinh năm 1925, trước giải phóng cán bộ công vận Thành, Bí thư chi bộ công nhân xe buýt Sài Gòn Gia Định, nay đảng viên hưu trí, địa chỉ 220/122A Hoàng Hoa Thám, phường 5 - quận Bình Thạnh, điện thoại: 8417239 (nhờ cô Hoàng gọi ông Tư).

Tôi là người tổ chức thực hiện cuộc giải cứu nói trên xin ghi lại sự việc như sau:

Kỳ tấn công của quân đội ta vào Sài Gòn lần thứ 2, ngày 4 tháng 5 năm 1968, tiểu đoàn 1 và 2 Quyết thắng chiếm tổng tham mưu địch đường Võ Tánh, và cả vùng rộng lớn Phú Nhuận, ngã tư, ngã năm Bình Hòa, Gò Vấp, Cây Thị, Hàng Xanh... Ta và địch đánh giằng co ác liệt suốt tháng 5. Đầu tháng 6 địch tập trung bộ binh, không quân phản công ta, bộ binh chúng tấn chiếm đường rầy xe lửa Phú Nhuận, Gò Vấp để chặn đường rút quân

ta, không quân bắn phá ác liệt bằng hỏa tiễn, bom miến, bom napal đốt cháy khắp vùng quân ta chiếm đóng. Ban chỉ huy tiểu đoàn 1 và 2 quyết thắng ta chỉ huy đánh bật địch ra khỏi đường rầy xe lửa Gò Vấp và đưa quân về Bình Dương. Ban chỉ huy nằm lại và rà soát số chiến sĩ còn sót trong trận địa. Cuối cùng địch tràn ngập, các anh rút lần về chợ Cây Thị và ẩn nấp trên la-phông nhà bà Huỳnh Thị Hai, số 328/4 đường Phan Văn Trị, đồng bào vùng này bỏ nhà cửa bị tàn phá chạy qua Thành ở lánh nạn. Còn 6 anh bị kẹt là: Nguyễn Minh Tân (tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 1), Nguyễn Văn Thơi (chính trị viên tiểu đoàn 1), Lưu Phước Lượng (phụ trách điện đài), anh Thành và anh Khoai (cán bộ trinh sát tiểu đoàn 1), và anh Hòa (tiểu đoàn phó tiểu đoàn 2 Quyết thắng). Cả nhà bà Hai cũng chạy hết qua Thành ở. Chồng bà Hai là ông Hai Gân là công chức bưu điện có chân trong phong trào Hòa Bình chống Diệm nên bị Diệm sa thải. Về sau tôi biết bà Hai là chị ruột ông Huỳnh Tấn Phát, nhà bà Hai bị bom đạn hủy hoại nhưng chưa cháy, nhà có hàng rào bông búp che khuất, có cửa lớn xe hơi ra vào và khóa kín, nên thuận tiện cho các anh ẩn nấp, lại nữa là nhà công chức nên địch ít nghi ngờ. Quân Mỹ nguy hung hăng như bấy thú dữ, lục soát ngày đêm súng lưỡi lê trên tay chìa thẳng vào các căn nhà cháy, lùm cây, bụi cỏ để tìm bắt chiến sĩ ta và "hôi cửa" của đồng bào. Một trung đội thuộc tiểu đoàn Trâu Điền địch đóng chốt cách nhà bà Hai 15m, địch không thấy được các anh nằm trên la-phông, nhưng các anh thấy địch rất rõ, 4 cây AK chìa thẳng ra chúng để quyết tử trong trường hợp bị chúng

phát hiện. Dịch canh gác không cho dân qua lộ Phan Văn Trị là vùng chiến sự.

Anh Tân dặn bà Hai, nếu giặc phát hiện thì cả nhà chạy ra sân nằm xuống, các anh sẽ quyết tử với giặc trong nhà, nếu bị bắt thì khai do Việt cộng ép buộc. Bên ngoài bà Hai mỉm cười nhưng trong lòng hết sức lo lắng, bà thấp nhang thắp vái ông bà phù hộ để không có gì bất trắc xảy ra.

Tôi nhớ diễn biến như sau: một hôm anh Ba Xuân con trai bà Hai vào buổi trưa lén về nhà, do nhà bà Hai sát chợ Cây Thị nên dịch ít chú ý. Anh đang dọn dẹp thì nghe có tiếng động trên la-phông nhà, anh nghi ngờ có người trên đó, anh trở qua Thành báo cho ông bà Hai biết. Sáng hôm sau ông bà Hai về nhà, thấy ông bà già nên lính dịch cho đi. Vào trong nhà, nhưng không biết anh em ra vào ngã nào (anh em cạy tôn chui vào la-phông). Xế chiều bà Hai dọn một mâm bánh trái cây để trên bàn và nói trống: “Có bánh, trái cây đây, anh em nào ăn về ăn”, rồi khóa cửa qua Thành ngủ. Sáng hôm sau ông bà trở về thì thấy mâm bánh còn nguyên. Ông bà Hai biết chắc bộ đội giải phóng còn ở trên la-phông nhà mình. Ông lên tiếng chửi Mỹ ngụy tàn ác bắn giết, đốt nhà đóng bào, rồi nhấc ghế cao để ngay lỗ la-phông leo lên, ông nói để các anh nghe: “Hôm nay lên dọn quét la-phông”, ông giơ tay đẩy lỗ la-phông thì một anh lên tiếng: “Các con là bộ đội giải phóng đây, ba ơi !

- Yên... trí yên... trí ! Được rồi, bao nhiêu đĩa đó?

- Dạ sáu !

Ông Hai hứa sẽ lo cho anh em, rồi ông leo xuống đem ghế cất thật xa. Bà Hai qua nhà người em bà con ở kế cận gọi chị Quảng Thị Tâm, chị Tâm là cán bộ công đoàn tỉnh Mỹ Tho thời chống Pháp ở Đồng Tháp Mười. Chị Tâm trở thành người chủ yếu sắp xếp mọi việc, chị phân công ông Hai dắt đàn cháu nhỏ ra Long Hải ở để khỏi vướng bận. Còn ở lại 4 người lo cho các anh. Bà Hai tiếp xúc đôi phó với lính ngụy, chị Tư (con gái bà Hai), giặt giũ, nấu ăn cho các anh, cháu Bích (con chị Tư 15 tuổi) canh gác lính ở chốt đóng quân, nếu chúng di chuyển thì báo cho bà ngoại hay. Chị Tâm là cán bộ y tế băng bó viết thương cho anh Khoai, và ngày ngày qua Thành phố tìm cơ sở cách mạng giải cứu cho anh em. Có lần chị đề nghị với anh Tân để chị đi vào Đồng Tháp Mười hoặc lên Lái Thiêu vào vùng giải phóng báo cáo vụ này. Anh Tân không đồng ý, nếu chị đi xa việc khó thành mà mất đầu môi thì làm sao tìm cơ sở cách mạng tại chỗ được, nên anh khuyên chị cố gắng tìm cơ sở tại chỗ. Đêm đêm các anh bò ra trinh sát bên ngoài, biết dịch đóng chốt khắp nơi không thể ra bằng đường du kích. Do đó kiên trì tìm cơ sở cách mạng tại chỗ, nằm nhiều ngày trên la-phông chật hẹp, nóng bức, anh Thành vốn nóng tánh nên đề nghị với ban chỉ huy cho anh ra diệt hết trung đội Trâu Điền rồi hy sinh cũng tốt. Ban chỉ huy tiểu đoàn 1 lúc bấy giờ rất kiên quyết yêu cầu anh em giữ kỷ luật quân đội, không ai được phiêu lưu mạo hiểm vô ích. Tuy nằm trên la-phông căng thẳng như thế nhưng có lúc các anh cũng phải bật cười, từ trên máy bay dịch gọi xuống: “Các anh bộ đội giải phóng hãy buông súng đầu hàng”, ban chỉ huy tiểu đoàn 2 ở cầu Bông Ky đã đầu hàng, được

đôi xì tử tế, trong đó có các anh... Anh Hòa đang ngồi trên la-phông nghe địch nhắc đến tên mình đã đầu hàng, làm anh vừa tức giận, vừa tức cười và các anh khác cũng bật cười theo.

Trong lúc tình hình còn căng như thế, chị Tâm và bà Hai quyết định ngủ ở nhà luôn ban đêm để bảo vệ các anh.

Bà Hai đôi phó với lính địch rất tài tình, bà gọi chúng bằng con ngọt ngào, khi chúng tràn vô nhà, bà đem bánh, xôi, nước ra sân, ra chốt đóng quân đãi chúng ăn uống, lính địch đòi mắc đèn điện sáng cho nhà bà, bà khéo léo từ chối: "Các con mệt lắm rồi, để đó mấy đứa cháu của bác về nó làm". Chị Tư hết sức nhiệt tình lo cơm nước 3 buổi cho các anh, và đồ tiêu tiểu, giặt giũ quần áo cho các anh mà không chút nề hà. Cháu Bích lúc đầu không biết có bộ đội ở trong nhà, sau khi biết được cháu xin bà ngoại cho cháu theo các chú vào chiến khu - Chị Tư và cả nhà suốt 20 ngày giấu luôn không cho anh Tư (chồng chị) biết có bộ đội giải phóng ở chung trong nhà. Anh Tư đang là công chức ở Tòa án Sài Gòn, mỗi ngày về ăn uống nghỉ trưa ở đấy. Anh không phải người xấu, nhưng nếu biết được anh sẽ lo sợ. Bà Mười má bà Hai nghe việc này khuyên bà Hai: "Con phải hết lòng giúp đỡ giải cứu anh em, sinh mạng của anh em là sinh mạng của mình. Nếu tụi bay để lộ cho giặc biết thì tao sẽ tự vận đó-". Lời khuyên quý báu đó đã giúp bà Hai tăng thêm nghị lực đôi phó với lính địch.

Sau nhiều ngày qua Thành tìm cơ sở cách mạng, chị Tâm gặp anh Ba Huy người bạn kháng chiến cũ, anh

Huy đang bán bàn ghế cho anh Thạch ở đường Trần Hưng Đạo, gần chợ Năng Xi - Anh Thạch tuy là phường phó phường Chánh Hưng của địch, nhưng anh rất tốt với cách mạng, vì thường ngày tôi làm kiểm soát viên công quản xe buýt hay ghé đây tuyên truyền vận động cách mạng cho anh. Anh Thạch qua Bình Đông tìm anh ruột mình là anh Ba Thân (anh Ba Thân là anh cột chèo với tôi). Anh Ba Thân qua cư xá Đô Thành báo tin cho vợ tôi hay (vợ tôi là Nguyễn Thị Tốt, cán bộ công đoàn của chi bộ công nhân xe buýt, chi bộ phân công cô Tốt xây dựng cơ sở bí mật tại nhà 385/9A cư xá Đô Thành quận 3 làm nơi sinh hoạt hội họp của Quận ủy quận 3 và sau Mậu Thân là cơ sở Ban Công vận Thành ủy), lúc bấy giờ đồng chí Ba Lam Phó Bí thư Quận ủy quận 3 đang đóng ở nhà tôi (385/9A). Thế là Quận ủy quận 3 họp tại đây bàn kế hoạch giải cứu 6 anh, cuộc họp có đồng chí Ba Lam, đồng chí Lê Thị Bạch Thường vụ Quận ủy quận 3 và tôi là bí thư chi bộ công nhân xe buýt. Nhờ có cái vỏ công khai hợp pháp, nên tôi được phân công vào nhà bà Hai tổ chức giải cứu các anh.

Đồng chí Ba Lam đi Lái Thiêu gặp Bộ Tư lệnh Thành, cầm mật lệnh của đồng chí Ba Hoàng (tức Bảy Bình - Thường vụ Thành ủy), mật lệnh ghi: "Nếu các đồng chí lo được cho anh em ở lại thì hai tháng nữa bộ đội ta đánh vào, nếu bất tiện thì đưa anh em về đây chúng tôi rước". Chúng tôi thấy tình hình quá nhao rồi, khó đánh thêm đợt 3 nên quyết định đưa các anh về càng sớm càng tốt, bằng đường hợp pháp, tôi giao mật lệnh cho anh Thạch để đi xe hơi vào nhà bà Hai trao mật lệnh cho các anh, và

hẹn trưa hôm sau tôi vào bàn kế hoạch đưa đi. Trưa hôm sau chị Tâm chờ tôi vào nhà bà Hai, do mặc đồng phục của ô tô buýt nên tôi vào đây dễ dàng. Mọi người gặp tôi hết sức niềm nở và vui vẻ, tưởng chừng như người thân đi xa mới về. Chồng chị Tư đang ngủ trưa, chị gọi xốc ông chồng dậy và nói: “Mình thức dậy chờ em qua Thành mua áo cưới, hẹn với người ta mà quên mất”. Anh Tư thức dậy ngơ ngác một chút rồi thay quần áo chờ chị Tư qua Thành, bà Hai khóa chặt cửa rào và canh gác lính. Tôi thật cảm động thấy chị Tâm đứng trụ mình hai cùi tay ấn chặt vào tường để anh Thơi từ lỗ la-phông thông mình xuống đứng trên vai chị rồi xuống đất, mặt chị Tâm đỏ bừng vì sức nặng của anh Thơi. Chị Tâm, chị Tư thường làm thang người như thế đó.

Tôi bàn với anh Thơi chuẩn bị đi hợp pháp, anh Ba Xuân sẽ hót tóc các anh, chị Tâm chụp hình cá nhân (nhờ có máy chụp hình các anh thu được của địch lúc chiếm Tổng tham mưu địch), các anh đào hầm chuẩn bị giờ chót giấu súng và điện đài. Sáu bộ âu phục và phương tiện chuyên chở chờ tôi sẽ trở về lo. Trở về tôi phân công cô Nguyễn Thị Tốt vận động quân chúng và mua thêm đủ 6 bộ âu phục, nón, mắt kính, giày, vớ... và rửa hình để hóa trang và giấy đi đường giả cho anh em. Về phương tiện chuyên chở tôi mượn xe nhà của anh Thạch, thay biển số giả gọi anh Võ Văn Mười cán bộ công đoàn của chi bộ tôi lái xe đưa các anh đi, sau bàn kỹ lại chúng tôi thấy xe nhỏ chở 7 người sợ địch nghi ngờ chặn lại xét thì thiệt hại nặng nên chuyển qua chở bằng xe honda. Cần phải có nữ vào chở để địch ít nghi ngờ, nên anh Ba Lam

sang quận 1, chị Ba Lam có một tổ học sinh biệt động giới thiệu qua 2 người: cô Bảy Hà và cô Chín Ngân (năm 1996 cô Bảy Hà là Thành ủy viên Bí thư Quận ủy quận 1, và cô Chín Ngân là Chủ nhiệm hợp tác xã mua bán thành phố). Anh Ba Lam giới thiệu cô Bảy Hà gặp tôi tại chợ Bà Chiểu, thấy cô đi bằng xe đạp đến làm tôi lo ngại, biết ý tôi, cô nói: “Em chở bằng xe đạp được, đây lên Lái Thiêu không xa”, thấy cô Hà có quyết tâm cao, tôi rất mến phục, tôi đưa cô vào nhà bà Hai và mượn xe honda của chị Quảng Thị Tâm để cô sử dụng. Phần chở bên ngoài có anh Nguyễn Văn Cánh đảng viên của chi bộ xe buýt. Anh Cánh và đồng chí Ba Lam yểm trợ trên đường đi. Lần này tôi và cô Bảy Hà mặc đồ bộ sáng sủa như cô gái Sài Gòn, anh Tân cười nói: “Các đồng chí làm kỳ cục quá”. Tôi nói: ở Sài Gòn phải vậy mới qua mắt giặc được, chúng tôi cùng cười. Chị Tư thấy vui ngồi xuống hỏi: “Các anh nói đồng chí mà đồng chí là sao, nói cho tôi nghe coi?”. Nghe câu hỏi chân thật của đồng bào vùng tạm chiếm hết lòng giúp đỡ bộ đội làm chúng tôi vô cùng xúc động quý mến chị Tư.

Mỗi lần cô Bảy Hà và cô Chín Ngân chở một anh ra đến chốt đóng quân lính nguy, thì bà Hai đã có mặt ở đó vui vẻ quay lại nói: “Bây về hả bây, vài bữa trở lại thăm tao nghe”, lính nguy biết người nhà của bà Hai nên không xét hỏi. Giờ chót có một xe honda hư trong lúc anh Ba Xuân về nhà, anh tự nguyện chở một anh ra khỏi nhà. Cô Chín Ngân còn chở thêm được anh Thiệt đi Lái Thiêu (theo anh Lưu Phước Lượng nói lại, anh Thiệt là một cán bộ cao cấp).

Thế là trong 20 ngày kẹt ở nhà bà Hai có 4 ngày chuẩn bị và 3 ngày chờ 7 anh về Lái Thiêu an toàn, giao cho Bộ Tư lệnh Thành.

Giải cứu xong 7 anh, mọi người họp mặt tại nhà bà Hai, ai cũng vui mừng ra nước mắt, tình dân quân cả nước thật thiêng liêng vô bờ bến !

Sau giải phóng tôi rất buồn được biết trong chiến đấu đã có 4 anh Hòa, Thành, Khoai, Thới hy sinh vì Tổ quốc, chỉ còn lại 2 người đó là:

1. Anh Nguyễn Minh Tân, trước tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 1, sau là Đại úy trung đoàn 16 quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Anh Lưu Phước Lượng, trước phụ trách điện đài, sau là Thượng tá, chánh ủy sư đoàn phó sư đoàn 5 Tây Ninh.

Ngày 15 tháng 2 năm 1998

Trần Văn Tư

o

LỜI NÓI ĐẦU

Hồ Sơn Đài	5
- Một gia đình chiến sĩ	
Anh Phước	13
- Mẹ của người Anh hùng	
Đặng Thọ Truật	17
- Một hạnh phúc trọn vẹn hiếm hoi	
Đức Nguyễn	21
- Câu chuyện về một bà mẹ	
Mai Xa	27
- Trên đời này đâu chỉ có một người đàn ông	
Hải Hà	35
- Chiến công thầm lặng	
Anh Lê	47
- Điều lớn lao nhất là từ sự trải nghiệm	
Uyên Khanh	53
- Người nữ Anh hùng Lực lượng vũ trang	
Huy Toàn	61
- Có một dòng sông vàng	
Hồ Công	67
- Khoa Cấp cứu hồi sức A12 Anh hùng	
Anh Xuân	71
- Có một dược sĩ như thế	
Phạm Văn Mấy	75
- Ký ức và trái tim	
Trần Thế Tuyển	85
- Cuộc sống trong vòng tay mẹ	

Anh Xuân.....	99
- Tham gia giải phóng quân ở tuổi 13	
Anh Phước.....	119
- Lớn lên từ đức của mẹ	
Thành Đạt	127
- Với đoàn pháo binh miền Đông	
Hải Hà	131
- Suối Nhung reo	
Hải Hà	145
- Thấy thuốc - chiến sĩ	
Anh Lê	159
- Trở lại cuộc sống kỳ diệu	
Ba Ấn	185
- Phụ lục:	
* Thư của Lưu Phước Lượng	
gửi cho cha ngày 22-10-1968	191
* Thư của Lưu Kim Chi	
gửi cho Sang ngày 11-10-1973	195
* Thư của Lưu Phước Lộc	
gửi cho Sang ngày 29-6-1975	199
* Thư của ông Trần Văn Tư	
gửi cho Lưu Phước Lượng ngày 26-4-1998.....	203
* Lời kể của ông Trần Văn Tư	204

CẢ NHÀ RA TRẦN
LÊ BÌNH VÀ NHIỀU TÁC GIẢ

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG
Biên tập: THANH HƯƠNG

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1
ĐT: 38225340 – 38296764 – 38247225
Fax: 84.8.38222726
Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Website: www.nxbhcm.com.vn / www.sachweb.vn

GPXB số: 237-2013/CXB/133-16/THTPHCM ngày 23/2/2013